

Số: 38 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 9117
	Ngày: 07/11

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN.

le 16/2 *nsuif*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SON VẼ, THỦY VẼ, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2013/TT-BTNMT
ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, son vẽ, thủy vẽ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Lạng Sơn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Lạng Sơn và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh son vẽ; TV là nhóm địa danh thủy vẽ; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP
BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Lạng Sơn	3
2	Huyện Bắc Sơn	5
3	Huyện Bình Gia	17
4	Huyện Cao Lộc	30
5	Huyện Chi Lăng	43
6	Huyện Đình Lập	58
7	Huyện Hữu Lũng	68
8	Huyện Lộc Bình	82
9	Huyện Tràng Định	98
10	Huyện Văn Lãng	115
11	Huyện Văn Quan	128

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ba Tọa	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 45"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Đèo Giang	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 48"	106° 44' 51"					F-48-58-A-d
chùa Tiên	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 45' 13"					F-48-58-B+46-D
khối Trần Hưng Đạo	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 1	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 2	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn							
núi Văn Vĩ	SV	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 49' 28"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
làng Khôn Lải	DC	P. Đồng Kinh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 27"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 41"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
khối 5	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 45' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 49"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
chợ Kỳ Lừa	KX	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 34"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 08"	106° 44' 41"					F-48-58-A-d
khối 7	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 39"	106° 44' 52"					F-48-58-A-d
khối 9	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
khối 10	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 58"	106° 45' 02"					F-48-58-A-d
cầu Bến Bắc	KX	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 56"	106° 44' 50"					F-48-58-A-d
động Tam Thanh	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 21"	106° 44' 36"					F-48-58-A-d
núi Tô Thị	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 22"	106° 44' 38"					F-48-58-A-d
khối 6	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 29"	106° 46' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 25"	106° 46' 18"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 46' 15"					F-48-58-B+46-D
chợ Đồng Kinh	KX	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 11"	106° 45' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Phai Vệ	SV	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 09"	106° 45' 43"					F-48-58-A-d
bản Áng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 43' 42"					F-48-58-A
thôn Chi Mạc - Nà Kéo	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 54"	106° 44' 28"					F-48-58-A
thôn Đồng En	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 14"	106° 45' 05"					F-48-58-A
khao Hồ	SV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 46"	106° 44' 26"					F-48-58-A
thôn Hoàng Thanh	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 44' 30"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Pít	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 42"	106° 44' 45"					F-48-58-A
bản Khuổi Khuốc	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 12"	106° 43' 12"					F-48-58-A-d
bản Khuổi Phát	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 50"	106° 43' 03"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn			21° 50' 52"	106° 44' 20"	21° 52' 20"	106° 42' 20"	F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lục Khoang	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 31"	106° 45' 21"					F-48-58-B+46-D
bản Mới	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 59"	106° 44' 08"					F-48-58-A
bản Nà Đon	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 54"	106° 44' 21"					F-48-58-A
thôn Nà Lướt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 39"	106° 44' 48"					F-48-58-A
bản Nà Pán	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 49"	106° 44' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Sên - Tổng Huồng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 58"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
đập Nà Tầm	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 12"	106° 44' 38"					F-48-58-A
thôn Nà Tầm - Lục Mì	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 55"	106° 44' 43"					F-48-58-A
thôn Pán Pè	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 06"	106° 44' 47"					F-48-58-A
bản Phai Trán	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 02"	106° 45' 07"					F-48-58-A-d
thôn Quan Hồ - Phả Lạn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 42"	106° 44' 16"					F-48-58-B+46-D
thôn Tàng Khăm	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 26"	106° 44' 02"					F-48-58-A
thôn Vĩ Thuợng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 24"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
làng Bình Cầm	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 43"	106° 47' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Pát	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 40"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Phỏ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 54"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Củng	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn			21° 50' 28"	106° 47' 50"	21° 50' 05"	106° 45' 35"	F-48-58-B+46-D
hồ Lầu Xá	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 20"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Mai Thành	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 20"	106° 46' 08"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Chuổng 1	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
thôn Nà Chuổng 2	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
làng Pá Lải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
thôn Phai Dốc	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 33"	106° 45' 49"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Đưa	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 39"	106° 46' 39"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mỏ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 23"	106° 46' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Rọ Phải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 46' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Trung Cáp	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 52"	106° 45' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Bân Nhắng	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 47' 18"					F-48-58-B+46-D
bản Cao Kiệt	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 52' 11"	106° 42' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Dải	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 18"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
thôn Khau Phường	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
bản Khôn Thia	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 13"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
bản Khuôn Nghiêu	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 06"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 19"	106° 42' 43"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khuôn Nhà	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 57"	106° 43' 16"					F-48-58-A-d
bản Khuôn Sắt	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 15"	106° 44' 08"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 52' 15"	106° 42' 02"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
bản Lũng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 01"	106° 43' 37"					F-48-58-A-d
thôn Nà Me	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 43' 21"					F-48-58-A-d
bản Nà Poọng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 44"	106° 44' 07"					F-48-58-A-d
bản Nà Púng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 47' 38"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
bản Nà Quang	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 24"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
bản Pác Cáp	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 33"	106° 43' 09"					F-48-58-A-d
bản Pác Mòng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Phai Yên	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 19"	106° 42' 38"					F-48-58-A-d
bản Phiang Cù	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 26"					F-48-58-A-d
khuau Púng	SV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 26"	106° 42' 37"					F-48-58-A-d
suối Quảng Lạc	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 12"	21° 47' 39"	106° 42' 00"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
cầu Quán Lóng	KX	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 54' 07"	106° 19' 05"					F-48-58-A-d
cầu Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 39"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
núi Bó Sảng	SV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 39"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
cầu Nà Cướm	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 10"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
suối Nặm Dù	TV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 54' 25"	106° 19' 42"	21° 54' 29"	106° 18' 16"	F-48-57-B-a
thôn Vĩnh Thuận	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 18' 27"					F-48-57-B-a
thôn Yên Lăng	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 07"	106° 21' 42"	21° 54' 07"	106° 20' 22"	F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 50"	106° 20' 38"					F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 58"	106° 20' 28"					F-48-57-B-a
thôn Đồng Đăng 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 16"	106° 21' 08"					F-48-57-B-a
thôn Đồng Đăng 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 22"	106° 21' 00"					F-48-57-B-a
thôn Lán Hát	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 02"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
thôn Mỏ Hao	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
thôn Nội Hòa	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 21' 14"					F-48-57-B-a
suối Phai Trang	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 08"	106° 21' 44"	21° 53' 12"	106° 20' 49"	F-48-57-B-a
suối Ra Riêng	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 53' 12"	106° 20' 49"	21° 54' 04"	106° 20' 16"	F-48-57-B-a
núi Tân Rượu	SV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 30"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Trí Yên	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 14"	106° 20' 40"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1B	KX	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 21"	106° 10' 11"	21° 50' 41"	106° 12' 39"	F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 11' 57"					F-48-57-A-d
đèo Bò Đái	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 11' 23"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 30"	106° 09' 30"					F-48-57-A-d
suối Cáp	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 49' 56"	106° 11' 02"	21° 49' 33"	106° 10' 52"	F-48-57-A-d
núi Chiu Uyt	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 05"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hoan Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 10"	106° 09' 28"					F-48-57-A-d
suối Hoan Thượng	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 58"	106° 09' 39"	21° 48' 19"	106° 09' 42"	F-48-57-A-d
thôn Hoan Trung 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 58"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 20"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 39"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 3	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 4	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 08"	106° 12' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 11' 01"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 09"	106° 11' 41"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiêm	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
núi Khưa Mu	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 11' 25"					F-48-57-A-d
núi Lân Bướng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 28"	106° 10' 57"					F-48-57-A-d
thôn Lân Vi	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Ma	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 54"	106° 09' 09"					F-48-57-A-d
núi Nà Bón	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 28"	106° 12' 36"					F-48-57-A-d
thôn Pá Te	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 32"	106° 10' 15"					F-48-57-A-d
núi Phai Páng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 12"					F-48-57-A-d
núi Sa Bàng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 58"	106° 11' 32"					F-48-57-A-d
thôn Ảng Nộc	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 57"	106° 19' 18"					F-48-57-A-d
suối Bản Ghè	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn							F-48-57-B-c
thôn Bình Thượng	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 43"	106° 19' 12"			21° 50' 38"	106° 18' 25"	F-48-57-B-c
thôn Dục Thum	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 10"	106° 20' 27"					F-48-57-B-c
suối Dục Thum	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn							F-48-57-B-c
thôn Lân Nghiến	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 17' 12"			21° 52' 07"	106° 20' 21"	F-48-57-B-c
thôn Làng Khau	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nọt	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 20' 33"					F-48-57-B-c
thôn Táp Già	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 52"	106° 17' 35"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 52' 39"	106° 12' 47"	21° 54' 31"	106° 17' 51"	F-48-57-A-b
súối Bản Sao	TV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 53' 45"	106° 13' 39"	21° 54' 38"	106° 13' 21"	F-48-57-A-b
thôn Bó Đáy	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 43"	106° 14' 46"					F-48-57-A-b
thôn Bó Mạ	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 56"	106° 15' 07"					F-48-57-B-a
núi Gón Cầu	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 34"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
bản Khẩu Mo	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 04"					F-48-57-B-a
thôn Khau Ràng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 14' 12"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn Ngần	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 08"	106° 14' 52"					F-48-57-A-b
thôn Lán Páng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
thôn Lán Rò	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 55' 12"	106° 16' 41"					F-48-57-B-a
súối Lán Rò	TV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 54' 31"	106° 17' 48"	21° 54' 42"	106° 16' 57"	F-48-57-B-a
cầu Mường Mèo	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 40"	106° 16' 15"					F-48-57-B-a
thôn Nà Giáo	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 52"	106° 14' 27"					F-48-57-A-b
bản Nà Lại	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 00"	106° 12' 38"					F-48-57-A-b
cầu Nà Mưa 1	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-a
cầu Nà Mưa 2	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 17"	106° 15' 26"					F-48-57-B-a
thôn Nà Nhì	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 21"	106° 13' 21"					F-48-57-A-b
đèo Nậm Dù	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 31"	106° 17' 51"					F-48-57-B-a
cầu Nguyễn	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 32"	106° 15' 48"					F-48-57-B-a
núi Pắc Chao	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 18"	106° 16' 10"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Yếng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 33"	106° 15' 39"					F-48-57-B-a
cầu Pó Hường	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-B-a
đập Pò Rải	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 14' 44"					F-48-57-A-b
núi Sa Khảm	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 11"	106° 16' 53"					F-48-57-B-a
núi Toong Chai	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 14' 34"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 59"	106° 19' 29"	21° 52' 07"		F-48-57-B-c
bản Bó Bin	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 20' 04"					F-48-57-B-c
đèo Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 12"	106° 23' 05"					F-48-57-B-d
núi Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 23"	106° 23' 46"					F-48-57-B-d
núi Cái Khoáng	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 28"	106° 23' 45"					F-48-57-B-d
núi Co Cãi (Kó Cãi)	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 10"	106° 22' 42"					F-48-57-B-d
núi Khoán Huyện	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 23' 13"					F-48-57-B-d
núi Lăng Mỏ	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 01"	106° 22' 08"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lương Minh	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 39"	106° 22' 07"					F-48-57-B-c
thôn Ma Hiu	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 11"	106° 20' 25"					F-48-57-B-c
thôn Minh Đán	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 59"	106° 21' 46"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Nhài	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 21' 00"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nuáy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 49' 55"	106° 19' 53"					F-48-57-B-c
núi Nà Rọc	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
bản Nà Tuáy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 02"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Nông Lục	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 28"	106° 21' 35"					F-48-57-B-c
đỉnh Nông Lục	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 35"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
suối Phai Lán	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 57"	106° 20' 15"	21° 50' 58"	106° 21' 23"	F-48-57-B-c
hồ Tam Hoa	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 29"	106° 20' 20"					F-48-57-B-c
thôn Tiên Hội	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 21' 02"					F-48-57-B-c
suối Tiên Hội	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 50' 58"	106° 21' 23"	21° 52' 08"	106° 21' 44"	F-48-57-B-c
bản Tộc Mường	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 20' 07"					F-48-57-B-c
thôn Xuân Giao	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 24"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
hồ Bắc Mỏ	TV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 18' 10"					F-48-57-B-a
cầu Gò Nộc	KX	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 55"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 1	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 46"	106° 19' 06"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 2	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 35"	106° 19' 22"					F-48-57-B-a
thôn Lán Kìng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 19' 13"					F-48-57-B-a
thôn Lán Páng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 39"	106° 19' 53"					F-48-57-B-a
núi Mỏ Ấng	SV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 25"	106° 18' 45"					F-48-57-B-a
thôn Nà Hó	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 57"	106° 18' 16"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Lũng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 29"	106° 18' 56"					F-48-57-B-a
thôn Pác Mỏ	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 38"	106° 18' 02"					F-48-57-B-a
thôn Tá Liếng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 18' 29"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 1	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 11"	106° 19' 45"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 2	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 36"	106° 19' 34"					F-48-57-B-a
thôn Bản Đẳng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 47"	106° 18' 57"					F-48-57-B-a
thôn Bản Liếng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 17' 49"					F-48-57-B-a
thôn Bản Thí	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 57' 21"	106° 18' 54"					F-48-57-B-a
núi Bò Qua	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 19' 31"			21° 55' 09"	106° 15' 56"	F-48-57-B-a
khuổi Cái	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn						106° 15' 48"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Gỗ	KX	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 09"	106° 19' 52"					F-48-57-B-a
đèo Kéo Ngựa	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 30"	106° 18' 31"					F-48-57-B-a
thôn Lân Luồng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 52"	106° 20' 24"					F-48-57-B-a
thôn Long Hưng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 51"	106° 19' 47"					F-48-57-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 02"	106° 19' 29"					F-48-57-B-a
thôn Nà Rào	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 56"	106° 19' 10"					F-48-57-B-a
đèo Nàng Tiên	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 57' 02"	106° 19' 16"					F-48-57-B-a
thôn Ngọc Môn	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 34"	106° 17' 47"					F-48-57-B-a
suối Pắc Khuổi	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 06"	106° 17' 39"	21° 55' 56"	106° 16' 45"	F-48-57-B-a
thôn Rạ Lá	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 05"	106° 18' 18"					F-48-57-B-a
đèo Tam Canh	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 33"	106° 20' 10"					F-48-57-B-a
thôn Tân Rã	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 42"	106° 17' 29"					F-48-57-B-a
suối Tân Rã	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 36"	106° 17' 58"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
thôn Thủy Hội	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 43"	106° 15' 53"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đảo 1	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 19' 37"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đảo 2	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 50"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 45' 27"	106° 13' 17"	21° 46' 39"	106° 17' 13"	F-48-57-A-d
thôn An Ủy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 50"	106° 14' 26"					F-48-57-A-d
thôn Độc Máy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 18' 30"					F-48-57-B-c
bản Đắc Hạ	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 18"	106° 17' 18"					F-48-57-B-c
bản Đắc Trung	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 42"	106° 18' 00"					F-48-57-B-c
thôn Địa Phận	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 30"	106° 16' 48"					F-48-57-B-c
thôn Gia Hòa	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 51"	106° 15' 13"					F-48-57-B-c
núi Kho Lân Đăm	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 57"	106° 15' 01"					F-48-57-D-a
bản Lân Páng	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 49"	106° 13' 34"					F-48-57-A-d
thôn Lăng Khả	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 23"	106° 13' 31"					F-48-57-A-d
làng Lập Lưu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Mỹ Ba	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 14"	106° 15' 35"					F-48-57-B-c
thôn Nà Tu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 03"	106° 16' 08"					F-48-57-B-c
núi Pá Đáy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 57"	106° 13' 35"					F-48-57-A-d
núi Pá Nửa	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 14' 32"					F-48-57-C-b
làng Quán	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
đèo Tân Thành	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 13' 17"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Tát Ủy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 24"	106° 14' 05"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 1	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 13' 46"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 2	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 44"	106° 14' 39"					F-48-57-A-d
suối Thái hòa	TV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 46' 06"	106° 15' 18"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
đèo Bốn Đình	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 54"	106° 18' 00"					F-48-57-D-a
núi Canh Tung	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 07"	106° 19' 10"					F-48-57-D-a
làng Cò Ké	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 18"	106° 14' 17"					F-48-57-C-b
suối Cò Ké	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 37"	106° 14' 06"	21° 41' 28"	106° 13' 50"	F-48-57-C-b
làng Cò Thi	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 17"	106° 15' 54"					F-48-57-D-a
suối Đầy	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 27"	106° 16' 13"					F-48-57-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 43' 56"	106° 14' 42"	21° 43' 21"	106° 14' 35"	F-48-57-C-b
suối Hoãn	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn							F-48-57-D-a
đèo Khưa Lay	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 08"	106° 15' 34"					F-48-57-D-a
làng Lân Giếng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 18' 05"					F-48-57-D-a
làng Lân Lác	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
làng Lân Lửa	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 57"	106° 16' 39"					F-48-57-D-a
làng Lân Nắng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 40' 42"	106° 13' 35"					F-48-57-C-b
thôn Làng Chu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 58"	106° 15' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đầy	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 16' 19"					F-48-57-D-a
thôn Lang Đồng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 16' 47"					F-48-57-B-c
làng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 57"	106° 17' 08"					F-48-57-D-a
làng Mùng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 12"	106° 18' 02"					F-48-57-D-a
thôn Nà Niệp	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 53"	106° 17' 36"					F-48-57-D-a
thôn Pá Lét	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 02"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
núi Pá Lét	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 25"	106° 15' 56"					F-48-57-D-a
làng Phú Lương	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 13"	106° 13' 48"					F-48-57-D-a
núi Ta Hân	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 18' 31"					F-48-57-C-b
đèo Ta Hang	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 03"	106° 18' 50"					F-48-57-D-a
núi Vóp	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 02"	106° 17' 03"					F-48-57-D-a
thôn Đon Riệp 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 23"	106° 20' 27"					F-48-57-B-a
núi Dục Cúm	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 42"	106° 21' 49"					F-48-57-B-a
làng Lân Đầy	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 20' 32"					F-48-57-B-a
làng Lân Hát	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 28"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Lay	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 49"	106° 19' 50"					F-48-57-B-a
thôn Nà Riêng 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 30"	106° 20' 19"					F-48-57-B-a
cầu Rá Riêng	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 14"	106° 20' 15"					F-48-57-B-a
núi Sa Môn	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 48"	106° 20' 33"					F-48-57-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 54"	106° 20' 09"					F-48-57-B-a
thôn Bó Tát	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 07"	106° 14' 24"					F-48-57-A-d
núi Bó Tát	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 14' 30"					F-48-57-A-d
thôn Cầu Hìn	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 45"	106° 15' 40"					F-48-57-B-c
thôn Đôn Úy	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 14"	106° 15' 25"					F-48-57-B-c
thôn Dục Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 14' 53"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
làng Mỏ Rẻ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 01"	106° 15' 11"					F-48-57-B-c
làng Nà Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-c
làng Nà Từ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 08"	106° 15' 43"					F-48-57-B-c
thôn Nam Hương	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 46"	106° 15' 20"					F-48-57-B-c
suối Nam Hương	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 50' 47"	106° 16' 16"	21° 49' 26"	106° 15' 27"	F-48-57-B-c
suối Ràng Khảm	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 49' 16"	106° 15' 23"	21° 47' 35"	106° 14' 16"	F-48-57-B-c
làng Sa Khao	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 54"	106° 15' 18"					F-48-57-B-c
núi Sa Khao	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 37"	106° 14' 37"					F-48-57-A-d
đèo Keng Nghiều	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 31"	106° 16' 28"					F-48-57-B-c
thôn Lân Riều	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 34"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
khau Luồng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 55"	106° 15' 01"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Đẩu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 16' 38"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Khuyn	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 12"	106° 16' 27"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Pía	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 18"	106° 16' 01"					F-48-57-B-a
thôn Nà Luồng	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 58"	106° 16' 01"					F-48-57-B-c
làng Nà Năm	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 01"	106° 15' 45"					F-48-57-B-c
thôn Nà Riển	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 16' 04"					F-48-57-B-c
làng Nà Yêu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 52"	106° 16' 58"					F-48-57-B-c
núi Sa Gleng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 09"	106° 15' 38"					F-48-57-B-a
thôn Thấm Luồng	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 16' 33"					F-48-57-B-c
khau Cái	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 28"	106° 12' 35"					F-48-57-C-b
suối Hoan	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 37"	106° 11' 36"	21° 43' 56"	106° 14' 42"	F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hùng Rừ	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 43' 33"	106° 14' 31"					F-48-57-C-b
suối Khuyết	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 26"	106° 13' 34"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
bản Lân Hoà	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 11"					F-48-57-C-b
núi Lân Hoà	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 07"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Lân Lương	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 44"	106° 13' 43"					F-48-57-C-b
suối Mật	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 44' 03"	106° 12' 10"	21° 44' 41"	106° 12' 29"	F-48-57-C-b
thôn Nà Gổ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 22"	106° 13' 40"					F-48-57-C-b
thôn Nà Thi	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 05"	106° 14' 26"					F-48-57-C-b
suối Phàn	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn							F-48-57-C-b
núi Phia Thín	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 05"	106° 13' 11"					F-48-57-A-d
núi Phò Ti	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 32"	106° 10' 05"					F-48-57-A-d
thôn Phong Thịnh	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 31"	106° 12' 54"					F-48-57-A-d
suối Ròng	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 56"	106° 12' 09"	21° 45' 37"	106° 12' 25"	F-48-57-A-d
bản Suối Mật	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 52"					F-48-57-C-b
thôn Tân Vũ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
núi Văn Khánh	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 17"	106° 14' 22"					F-48-57-C-b
thôn Yên Khánh	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 55"	106° 13' 12"					F-48-57-C-b
thôn Bắc Mỏ	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 37"	106° 07' 24"					F-48-57-A-c
thôn Bàn Hoàng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 57"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 06' 42"					F-48-57-A-c
khuổi Bắc	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 51' 59"	106° 10' 45"	21° 52' 08"	106° 09' 53"	F-48-57-A-d
đèo Bụt	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 44"	106° 09' 43"					F-48-57-A-d
khuổi Cai	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 53' 03"	106° 07' 54"	21° 53' 38"	106° 09' 07"	F-48-57-A-b
khau Cò	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
làng Hoàng Keng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
thôn Khau Bao	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 01"	106° 10' 25"					F-48-57-A-b
thôn Long Bài	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 48"	106° 08' 37"					F-48-57-A-d
bản Luồng Phái	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 06' 55"					F-48-57-A-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 07' 14"					F-48-57-A-c
thôn Nà Càng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
bản Nà Lân	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 08' 40"					F-48-57-A-d
bản Nà Lói	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 08' 50"					F-48-57-A-d
thôn Nà Lũng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 04"	106° 07' 32"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Mầu	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 09' 47"	21° 52' 31"	106° 10' 56"	21° 53' 33"	106° 09' 31"	F-48-57-A-d
sườn Nạy	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 52' 31"	106° 10' 56"	21° 53' 33"	106° 09' 31"	F-48-57-A-b
sườn Nghinh Tường	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 48' 42"	106° 07' 10"	21° 49' 35"	106° 06' 20"	F-48-57-A-c
làng Ngọc Lâu	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 46"	106° 09' 03"					F-48-57-A-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 21"	106° 09' 31"					F-48-57-A-d
sườn Phai Mường	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 50' 57"	106° 08' 39"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-d
núi Phai Vó	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 41"	106° 09' 21"					F-48-57-A-d
núi Phò Khăm	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 46"	106° 09' 24"					F-48-57-A-d
khuai Pía	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 09' 49"					F-48-57-A-d
núi Pía Tin	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 33"	106° 06' 46"					F-48-57-A-d
khuai Piao	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 10' 27"					F-48-57-A-a
thôn Pó Đôn	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 54"	106° 08' 54"					F-48-57-A-d
thôn Suối Tát	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 31"	106° 09' 30"					F-48-57-A-d
thôn Suối Tín	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 15"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
núi Tam Tấu	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 54' 45"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
sườn Tát	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 52' 11"	106° 09' 30"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-b
thôn Thảm Phê	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 08' 24"					F-48-57-A-b
thôn Thảm Sĩ	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 05' 48"					F-48-57-A-d
sườn Tô	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 53' 38"	106° 09' 07"	21° 54' 44"	106° 10' 04"	F-48-57-A-c
núi Trà Cà	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 08' 11"					F-48-57-A-b
làng Tuồng Lão	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 09' 48"					F-48-57-A-b
khuai Vạ	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 55"	106° 10' 29"					F-48-57-A-b
thôn Vũ Thắng A	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 10' 08"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng B	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
thôn Yên Mỹ	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 08' 10"					F-48-57-A-d
làng Cốc Pái	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 32"	106° 21' 48"					F-48-57-A-d
đèo Keng Càng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 44"	106° 22' 01"					F-48-57-B-c
núi Keng Giản	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 31"	106° 23' 19"					F-48-57-B-c
đèo Keng Nuối	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 12"	106° 20' 02"					F-48-57-B-d
đèo Khoán Huyện	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 59"	106° 22' 59"					F-48-57-D-a
núi Khoang Cướm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 58"	106° 23' 20"					F-48-57-B-d
thôn Lân Cà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Cà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Cầm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 41"	106° 23' 04"					F-48-57-B-d
núi Lân Cầm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 23' 35"					F-48-57-B-d
làng Lân Dấy	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 11"	106° 20' 46"					F-48-57-D-a
thôn Lân Gà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gát	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 34"	106° 22' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lân Hoàn	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 15"	106° 21' 39"					F-48-57-D-a
núi Lân Lức	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 52"	106° 21' 41"					F-48-57-B-c
núi Lân Nà	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 55"	106° 21' 58"					F-48-57-B-c
làng Lân Nặm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 20' 12"					F-48-57-B-c
núi Lân Nặm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 21' 08"					F-48-57-B-c
đèo Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 20' 11"					F-48-57-B-c
núi Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 35"	106° 20' 17"					F-48-57-B-c
núi Lân Po	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 20' 42"					F-48-57-B-c
làng Lân Rì	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 52"	106° 20' 40"					F-48-57-B-c
đèo Lân Rươi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 20' 43"					F-48-57-D-a
núi Lân Rươi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 38"	106° 20' 45"					F-48-57-B-c
làng Lân Tựa	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-B-c
đèo Lân Tựa	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
thôn Làng Huyền	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 35"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
thôn Làng Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Làng Rộng	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 15"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
thôn Làng Thắm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 21' 28"					F-48-57-B-c
núi Nàng Tiên	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Nóc Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 53"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
làng Pá Khất	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 26"	106° 19' 24"					F-48-57-B-c
thôn Pá Ó	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 26"	106° 19' 59"					F-48-57-B-c
núi Phạ Lác	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 30"	106° 22' 19"					F-48-57-B-c
sườn Phai Lầu	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn		21° 45' 48"	106° 20' 24"	21° 47' 28"	106° 21' 27"		F-48-57-B-c
hồ Phai Thuồng	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 42"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Thảm Vớt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 33"	106° 20' 51"					F-48-57-B-c
núi Xa Eng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 50"	106° 21' 43"					F-48-57-B-c
thôn Bàn Cầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 13' 37"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bàn Cẩm	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 55' 04"	106° 13' 31"	21° 56' 33"	106° 13' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bàn Khuông	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 11' 27"					F-48-57-A-b
thôn Bàn Soong	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 44"	106° 12' 31"					F-48-57-A-b
khuổi Cay	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn							F-48-57-A-b
núi Cò Luồng	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 48"	106° 13' 58"	21° 54' 07"	106° 12' 17"	21° 55' 37"	106° 12' 51"	F-48-57-A-b
núi Cúc Vạt	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 13' 30"					F-48-57-A-b
khuổi Khá	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 11' 35"					F-48-57-A-b
bản Khau Bao	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 06"	106° 11' 29"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Dạ	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 07"	106° 14' 14"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Tầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 56"	106° 11' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 54' 12"	106° 11' 19"					F-48-57-A-b
thôn Lọ Riêng	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 39"	106° 13' 01"					F-48-57-A-b
làng Nà Sọc	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 12' 48"					F-48-57-A-b
bản Nà U	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 46"	106° 13' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Cai	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 00"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Pò Luồng	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 32"	106° 12' 39"					F-48-57-A-b
núi Quan Mốc	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 57"	106° 12' 33"					F-48-57-A-b
khuổi Rằm	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 23"	106° 11' 43"					F-48-57-A-b
suối Vạn Thủy	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 53"	106° 10' 29"	21° 56' 45"	106° 13' 51"	F-48-57-A-b
khuổi Xin	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 39"	106° 13' 06"					F-48-57-A-b
làng Xoong Mèo	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 51"	106° 11' 55"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							F-48-57-A-b
thôn Bàn Đắc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 33"	106° 19' 01"	21° 46' 39"	106° 17' 13"	21° 49' 59"	106° 19' 29"	F-48-57-B-c
suối Bàn Đắc	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 47' 04"	106° 18' 40"	21° 46' 56"	106° 18' 10"	F-48-57-B-c
thôn Bảo Luân	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 20"	106° 18' 48"					F-48-57-B-c
đèo Káo Gàn	SV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 41"	106° 18' 06"					F-48-57-B-c
làng Khau	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 06"	106° 17' 41"					F-48-57-B-c
làng Khấn	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Làng Dọc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 48' 42"	106° 17' 17"					F-48-57-B-c
thôn Liên Hương	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 02"	106° 16' 52"					F-48-57-B-c
thôn Liên Lạc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Liên Lạc 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
suối Nà Khoang	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 50' 26"	106° 18' 41"	21° 50' 08"	106° 16' 40"	F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Nà Lầy	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 18' 28"					F-48-57-B-c
làng Rào	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 09"	106° 17' 21"					F-48-57-B-c
thôn Sông Hóa 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Sông Hóa 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
làng Suối Bốc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 46' 59"	106° 18' 43"					F-48-57-B-c
thôn Suối Luồng	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 03"	106° 18' 51"					F-48-57-B-c
hồ Vũ Lăng	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 24"	106° 18' 02"					F-48-57-B-c
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 41"	106° 09' 42"	21° 46' 37"	106° 11' 34"	F-48-57-A-d
núi Bó Diệc	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 46"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-d
núi Co Báy	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 39"	106° 10' 38"	21° 47' 13"	106° 11' 07"	F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 13"	106° 11' 07"	21° 46' 37"	106° 11' 36"	F-48-57-A-d
thôn Kha Hạ	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 11' 55"					F-48-57-A-d
núi Khau Luồng	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 12' 50"					F-48-57-A-d
thôn Khuôn Bồng	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 31"	106° 08' 56"					F-48-57-A-c
thôn Làn Kém	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 38"	106° 08' 49"					F-48-57-A-d
núi Lũng Om	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 05"	106° 11' 18"					F-48-57-A-d
núi Lũng Pán	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 21"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
thôn Minh Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 10"	106° 08' 48"					F-48-57-A-d
thôn Ngả Hai	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 43"	106° 09' 45"					F-48-57-A-d
khuổi Nọi	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 46' 18"	106° 09' 31"	21° 47' 36"	106° 10' 22"	F-48-57-A-d
thôn Quang Thái	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 08' 26"					F-48-57-A-d
thôn Quang Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 40"	106° 10' 30"					F-48-57-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 13"	106° 08' 11"					F-48-57-A-d
đèo Thống Nhất	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 30"	106° 08' 43"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Lâm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 17"	106° 09' 25"					F-48-57-A-d
quốc lộ 1B	KX	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 50' 41"	106° 12' 39"	21° 52' 39"	106° 12' 47"	F-48-57-A-d
suối Bả Đồng	TV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 13' 15"	21° 52' 52"	106° 14' 29"	F-48-57-A-d
núi Bó Già	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 14' 32"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 12' 41"					F-48-57-A-d
núi Keng Chón (Cang Chón)	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 25"	106° 14' 01"					F-48-57-A-d
đèo Keng Gà	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 04"	106° 14' 29"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khưa Mu	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 11' 43"					F-48-57-A-d
khau Kiếng	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 11' 28"					F-48-57-A-d
núi Nà Bao	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 14' 09"					F-48-57-A-b
thôn Nà Danh	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 50"	106° 12' 52"					F-48-57-A-d
thôn Nà Giá	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 37"	106° 13' 52"					F-48-57-A-b
thôn Nà Pán	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 12' 51"					F-48-57-A-d
thôn Nà Quế	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 27"	106° 12' 56"					F-48-57-A-d
thôn Nà Rộng	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 13' 42"					F-48-57-A-d
thôn Phúc Tiến	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 12' 31"					F-48-57-A-d
núi Thảm Vải	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 20"	106° 13' 21"					F-48-57-A-d
cầu Đông Mạ	KX	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 09"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Lũng Nọi	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 11"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Phai Cam	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 21' 54"					F-48-57-B-a
thôn Bản Khương	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 29' 10"					F-48-57-B-b
thôn Bản Pát	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 19"	106° 30' 46"					F-48-58-A-a
suối Bản Pí Oa (Bản Pyôa)	TV	xã Bình La	H. Bình Gia		21° 56' 22"	106° 28' 57"		21° 56' 08"	106° 29' 31"	F-48-57-B-b
thôn Bản Pla	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 12"	106° 29' 24"					F-48-57-B-b
suối Bình La	TV	xã Bình La	H. Bình Gia		21° 56' 05"	106° 29' 34"		21° 54' 47"	106° 29' 47"	F-48-57-B-b
núi Chơng Tu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Phường	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 27' 57"					F-48-57-B-b
suối Cốc Phường	TV	xã Bình La	H. Bình Gia		21° 58' 43"	106° 27' 59"		21° 57' 15"	106° 28' 55"	F-48-57-B-b
núi Khun Pí Ất (Khun Piết)	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 02"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Khuổi Lương	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 03"	106° 28' 57"					F-48-57-B-b
khau Làng	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 34"	106° 31' 52"					F-48-58-A-a
núi Ma Thải	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 17"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
núi Mây Cửa	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 14"	106° 31' 24"					F-48-58-A-a
suối Nà Vàng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia							F-48-58-A-a
suối Nura Thong	TV	xã Bình La	H. Bình Gia		21° 56' 25"	106° 31' 41"		21° 55' 24"	106° 30' 57"	F-48-58-A-a
bản Nura Thong	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 49"	106° 29' 13"			21° 57' 13"	106° 28' 51"	F-48-57-B-b
suối Quan Thu	TV	xã Bình La	H. Bình Gia		21° 56' 29"	106° 30' 58"		21° 54' 49"	106° 29' 48"	F-48-57-B-b
núi Sam Siêu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 27' 28"					F-48-58-A-a
suối Trung Thượng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia		21° 55' 25"	106° 30' 56"		21° 55' 03"	106° 30' 24"	F-48-57-B-b
thôn Bản Dục	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 08"	106° 15' 31"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Bản Duộc	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 02"	106° 16' 28"			21° 58' 04"	106° 15' 59"	21° 59' 12"	106° 14' 35"	F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					21° 57' 55"	106° 16' 48"	21° 58' 04"	106° 15' 59"	F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia									F-48-57-B-a
khau Bao	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 26"	106° 12' 24"							F-48-57-A-b
núi Khau Hai	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 17' 24"							F-48-57-B-a
khuổi Kinh	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					21° 56' 45"	106° 13' 51"	21° 58' 33"	106° 13' 30"	F-48-57-A-b
bản Khúc Khuýt	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 38"	106° 13' 44"							F-48-57-A-b
núi Khuổi Cuông	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 01' 04"	106° 12' 13"							F-48-45-C-d
bản Khuổi Khiết	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 35"	106° 11' 02"							F-48-57-A-b
thôn Khuổi Kinh	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 58"	106° 13' 55"							F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nhuận	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 12' 41"							F-48-57-A-b
núi Ma Này	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 00' 07"	106° 12' 44"							F-48-45-C-d
suối Mây Đầy	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					22° 01' 22"	106° 11' 17"	22° 00' 00"	106° 11' 47"	F-48-45-C-d
núi Mây Khoang	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"							F-48-57-A-b
bản Nà Chỉ	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 14' 33"							F-48-57-A-b
suối Nà Chỉ	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					21° 58' 45"	106° 15' 12"	21° 58' 36"	106° 13' 52"	F-48-57-A-b
suối Nà Dát	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					21° 58' 21"	106° 12' 11"	21° 58' 55"	106° 12' 37"	F-48-57-A-b
bản Nà Lào	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 17"	106° 12' 06"							F-48-57-A-b
khuổi Nhuận	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					21° 59' 18"	106° 11' 56"	21° 58' 38"	106° 13' 01"	F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 17"	106° 12' 47"							F-48-57-A-b
thôn Tà Chu	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 14"	106° 14' 30"							F-48-57-A-b
suối Tà Chu	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					21° 58' 36"	106° 13' 52"	22° 00' 04"	106° 14' 47"	F-48-57-A-b
bản Tà Vàng	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 10"	106° 13' 31"							F-48-57-A-b
khuổi Tang	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					22° 00' 17"	106° 13' 14"	21° 58' 56"	106° 12' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Cù	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 20' 55"							F-48-45-D-a
suối Bản Cù	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					22° 08' 53"	106° 21' 53"	22° 08' 08"	106° 21' 04"	F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 1	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 08' 56"	106° 20' 57"							F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 2	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 09' 49"	106° 20' 56"							F-48-45-D-a
núi Bò Quan	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 08' 08"	106° 26' 12"							F-48-45-D-a
suối Cáo Chòm	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia					22° 13' 16"	106° 23' 59"	22° 11' 10"	106° 23' 23"	F-48-45-D
khau Chòm	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 11' 56"	106° 23' 28"							F-48-45-D
thôn Đột Cấn 1	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 11' 03"	106° 22' 16"							F-48-45-D
thôn Đột Cấn 2	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 11' 28"	106° 23' 29"							F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Tù	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 13' 21"	106° 23' 28"					F-48-45-D
núi Khuổi Pàn	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 09' 16"	106° 23' 37"					F-48-45-D
núi Kốc Pô	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 08' 40"	106° 23' 28"					F-48-45-D
Khuổi Lìn	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả			22° 12' 58"	106° 20' 37"	22° 12' 02"	106° 20' 33"	F-48-45-D-a
thôn Nà Lò	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 08' 00"	106° 21' 18"					F-48-45-D-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 07' 22"	106° 21' 14"					F-48-45-D-a
Khuổi Ngáo	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả			22° 12' 19"	106° 22' 15"	22° 10' 11"	106° 22' 30"	F-48-45-D-c
núi Phình Lốc	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 10' 18"	106° 24' 01"					F-48-45-D-a
thôn Tân Lập	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 07' 07"	106° 21' 43"					F-48-45-D
Khuổi Thảm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả			22° 11' 14"	106° 21' 18"	22° 10' 40"	106° 20' 08"	F-48-45-D-c
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Giả	22° 09' 29"	106° 26' 40"					F-48-45-D-a
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Giả			22° 09' 21"	106° 25' 32"	22° 07' 37"	106° 25' 58"	F-48-45-D
thôn Bản Phán	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 59' 26"	106° 19' 40"					F-48-57-B-a
suối Bản Phán	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả			22° 00' 05"	106° 20' 24"	21° 59' 34"	106° 19' 13"	F-48-57-B-a
đèo Khau Ra	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 59' 19"	106° 20' 16"					F-48-57-B-a
khao Khuổi Hang	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 59' 43"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
núi Khuổi Hò	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	22° 00' 31"	106° 21' 38"					F-48-45-D-c
suối Khuổi Kỳ	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả			21° 57' 02"	106° 20' 52"	21° 57' 02"	106° 21' 34"	F-48-57-B-a
núi Khuổi Luồng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	22° 00' 53"	106° 21' 41"					F-48-57-B-a
núi Lũng Nhù	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	22° 00' 16"	106° 21' 13"					F-48-45-D-c
bản Nà Cui	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 59' 27"	106° 21' 11"					F-48-45-D-c
bản Nà Rường	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 56' 56"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Phai Danh	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 59' 21"	106° 22' 23"					F-48-57-B-a
hồ Phai Danh	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 58' 27"	106° 22' 08"					F-48-57-B-a
núi Phai Cúm	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	22° 00' 39"	106° 20' 56"					F-48-57-B-a
bản Phai Không	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 56' 04"	106° 21' 01"					F-48-45-D-c
đèo Phai Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 55' 53"	106° 20' 58"					F-48-57-B-a
núi Phai Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 56' 08"	106° 21' 28"					F-48-57-B-a
núi Rơi	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	22° 00' 09"	106° 22' 22"					F-48-57-B-a
bản Thảm Sáng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 58' 40"	106° 21' 29"					F-48-45-D-c
suối Thảm Sáng	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả			21° 59' 37"	106° 21' 17"	21° 59' 12"	106° 21' 29"	F-48-57-B-a
thôn Thuận Như	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả	21° 58' 18"	106° 21' 33"					F-48-57-B-a
suối Thuận Như	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Giả			21° 58' 49"	106° 21' 30"	21° 57' 34"	106° 21' 35"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tông Chu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 57' 20"	106° 21' 35"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 226	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 21"	106° 23' 58"	22° 08' 05"	106° 24' 01"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 02"	106° 23' 38"	22° 04' 32"	106° 28' 17"	F-48-45-D-d
sông Bắc Giang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 35"	106° 20' 56"	22° 07' 12"	106° 28' 16"	F-48-45-D-d
súoi Bắc Me	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 53"	106° 21' 57"	22° 06' 23"	106° 22' 38"	F-48-45-D-c
súoi Cao Lan	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 20"	106° 23' 54"	22° 05' 35"	106° 23' 23"	F-48-45-D-d
súoi Cốc Lùng	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 09' 11"	106° 27' 37"	22° 08' 40"	106° 27' 31"	F-48-45-D
khuổi Đắc	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 06' 15"	106° 20' 49"	22° 06' 47"	106° 21' 41"	F-48-45-D
bản Khau Phai	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 43"	106° 28' 34"					F-48-45-D
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 01"	106° 24' 01"					F-48-45-D-d
khuổi Khuy	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 20' 42"					F-48-45-D-c
thôn Kim Đồng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 59"	106° 24' 12"	22° 05' 55"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
khuổi Linh	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 53"	106° 24' 47"	22° 06' 25"	106° 25' 13"	F-48-45-D-d
khau Linh	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 29"	106° 24' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Bướn	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 15"	106° 23' 24"					F-48-45-D-d
thôn Nà Cạp	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 03"	106° 25' 55"					F-48-45-D-d
bản Nà Đeng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 49"	106° 24' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Háng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Kít	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 14"	106° 25' 08"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nát	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 50"	106° 23' 00"					F-48-45-D-d
thôn Nà Sla	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 38"	106° 27' 32"					F-48-45-D
bản Nà Sli	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 03"	106° 23' 22"					F-48-45-D-d
thôn Nà Ven	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
súoi Nà Ven	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 08' 02"	106° 23' 38"	22° 05' 52"	106° 23' 06"	F-48-45-D-d
thôn Nậm Slin	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
khau Phai	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 52"	106° 28' 01"					F-48-45-D
bản Pò Mý	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 04"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
bản Quyển	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 28' 50"					F-48-45-D-d
núi Thọ Văn	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 07"	106° 27' 58"					F-48-45-D
bản Văn Can	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 25' 37"					F-48-45-D-d
thôn Văn Mịch	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 28"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
cầu Văn Mịch	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 42"	106° 23' 28"					F-48-45-D-d
thôn Vằng Phia	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 04"	106° 27' 05"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 37"	106° 25' 58"	22° 06' 41"	106° 26' 20"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hoay	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 13"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
thôn Bản Huân	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 07"	106° 27' 17"					F-48-57-B-b
suối Bản Huân	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 54"	106° 27' 17"	21° 56' 20"	106° 27' 11"	F-48-57-B-b
thôn Bản Nghiệp	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 25"	106° 27' 22"					F-48-57-B-b
suối Cốc Múc	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 22"	106° 25' 22"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Cốc Sa	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 08"	106° 27' 46"					F-48-57-B-b
thôn Cồn Quan	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 08"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
sông Cồn Quan	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 00"	106° 27' 20"	21° 54' 06"	106° 28' 45"	F-48-57-B-b
suối Cồn Tầu Ư (Cồn Tầu)	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 41"	106° 25' 17"	21° 56' 56"				F-48-57-B-b
núi Khuôn Tát	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 46"	106° 28' 00"					F-48-57-B-b
bản Mỏ Hấu	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 22"	106° 28' 41"					F-48-57-B-b
thôn Nà Bàn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 52"	106° 26' 07"					F-48-57-B-b
suối Nà Bàn	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 57"	106° 26' 19"	21° 56' 47"	106° 26' 12"	F-48-57-B-b
thôn Nà Dẫn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 28' 39"					F-48-57-B-b
bản Nà Kéo	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 05"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 43"	106° 28' 18"					F-48-57-B-b
thôn Nà Ngựa	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 25"	106° 26' 28"					F-48-57-B-b
suối Nà Ngựa	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 09"	106° 25' 52"	21° 56' 20"	106° 26' 23"	F-48-57-B-b
bản Nà Om	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 21"	106° 28' 27"					F-48-57-B-b
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 27"	106° 25' 18"					F-48-57-B-b
suối Phi Phạ	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 54' 06"	106° 28' 45"	21° 54' 05"	106° 28' 44"	F-48-57-B-b
núi Pò Thu Kiều	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 44"	106° 26' 15"					F-48-57-B-b
khuai Quàn	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 25"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
thôn Bản Chu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 08"	106° 19' 15"					F-48-57-B-b
khuổi Bường	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 19' 05"	22° 12' 59"	106° 18' 32"	F-48-45-D-a
khuổi Dầy	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			245° 78' 60"	63° 71' 40"	245° 56' 20"	63° 59' 50"	F-48-45-D-a
suối Hưng Đạo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 46"	106° 15' 47"	22° 11' 27"	106° 19' 39"	F-48-45-D-a
suối Kéo Liêng	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 08' 26"	106° 20' 58"	22° 07' 08"	106° 21' 19"	F-48-45-D-a
khuổi Khiếu	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 30"	106° 18' 18"	22° 13' 34"	106° 17' 41"	F-48-45-D-a
thôn Nà Bura	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 59"	106° 18' 32"					F-48-45-D-a
thôn Nà Dạ	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 14' 10"	106° 16' 55"					F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà Dạ	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 60"	106° 17' 23"	22° 14' 02"	106° 16' 57"	F-48-45-D-a
thôn Pắc Khếch	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 13' 40"	106° 17' 40"					F-48-45-D-a
thôn Pán Deng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 12"	106° 19' 27"					F-48-45-D-a
thôn Pán Sèo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 50"	106° 20' 16"					F-48-45-D-a
đường tỉnh 226	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia			21° 59' 30"	106° 23' 31"	22° 04' 21"	106° 23' 56"	F-48-45-D-d
thôn Bần Hời	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 54"	106° 24' 38"					F-48-45-D-d
thôn Bần Tấn	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 22' 34"					F-48-45-D-d
thôn Bần Tiến	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 56"	106° 24' 34"					F-48-45-D-d
suối Cao Lan	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 23' 38"	22° 04' 20"	106° 23' 54"	F-48-45-D-d
cầu Cao Lan	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
núi Đồng Ké	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 40"	106° 25' 02"					F-48-57-B-b
núi Đồng Nim	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 22' 05"					F-48-45-D-c
đèo Khau Phư	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 30"	106° 23' 31"					F-48-57-B-b
khuổi Khem	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 21"	106° 25' 21"	22° 01' 10"	106° 25' 56"	F-48-45-D-d
thôn Khuổi Con	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 23' 16"					F-48-45-D-d
thôn Khuổi Ổ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 47"	106° 24' 15"					F-48-45-D-d
thôn Nà Khuông	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 57"	106° 25' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mạ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 23' 30"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mười	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 11"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nén	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 25' 21"					F-48-45-D-d
cầu Nà Thủ	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 23' 42"					F-48-45-D-d
cầu Nà Tồng	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 23' 43"					F-48-45-D-d
thôn Pán Pén 1	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 19"	106° 24' 16"					F-48-45-D-d
thôn Pán Pén 2	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 23' 44"					F-48-45-D-d
thôn Phiang Nưa	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 24"	106° 26' 02"					F-48-57-B-b
thôn Bần Muồng	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 35"					F-48-57-B-a
suối Bần Quá	TV	xã Mông An	H. Bình Gia			21° 56' 17"	106° 17' 42"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
khuổi Càn	TV	xã Mông An	H. Bình Gia			21° 59' 27"	106° 16' 53"	21° 59' 46"	106° 15' 58"	F-48-57-B-a
thôn Cốc Mạn	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 58' 41"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Đồng Hương	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 18' 03"					F-48-57-B-a
bản Khuổi Càn	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 59' 56"	106° 15' 55"					F-48-57-B-a
khuổi Kì	TV	xã Mông An	H. Bình Gia			21° 58' 18"	106° 17' 15"	21° 58' 53"	106° 17' 34"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Cam	TV	xã Mông An	H. Bình Gia			21° 59' 08"	106° 17' 29"	21° 59' 58"	106° 17' 35"	F-48-57-B-a
thôn Nà Cướm	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
suối Nà Cướm	TV	xã Mông An	H. Bình Gia			21° 56' 39"	106° 17' 17"	21° 56' 01"	106° 16' 41"	F-48-57-B-a
thôn Nà Vồ	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 58' 24"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Nà Vuông	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 41"					F-48-57-B-a
bản Quái	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 56' 03"	106° 17' 17"					F-48-57-B-a
khuổi Quán	TV	xã Mông An	H. Bình Gia			21° 57' 47"	106° 17' 51"	21° 58' 53"	106° 17' 38"	F-48-57-B-a
thôn Viên Minh	DC	xã Mông An	H. Bình Gia	21° 59' 52"	106° 16' 32"					F-48-57-B-a
suối Bắc Mè	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 05"	106° 22' 20"	22° 05' 53"	106° 21' 57"	F-48-45-D-c
thôn Bản Quán	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 44"	106° 20' 45"					F-48-45-D-c
suối Bản Quán	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 42"	106° 20' 26"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Đình Cam	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 19' 53"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	22° 05' 30"	106° 21' 36"	F-48-45-D-c
suối Đình Cam	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia							F-48-45-D-c
thôn Kèo Giếng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 24"	106° 20' 06"					F-48-45-D-c
núi Khau Mạ	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 56"	106° 20' 52"					F-48-45-D-d
thôn Mỏ Mè	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 44"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 55"					F-48-45-D-c
suối Nà Ngần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 34"	106° 18' 55"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Nà Tèo	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 15"	106° 19' 46"					F-48-45-D-c
thôn Nà Tổng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 21' 28"					F-48-45-D-c
suối Nà Tổng	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia							F-48-45-D-c
thôn Pác Giám	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 23"	106° 21' 33"	22° 03' 38"	106° 22' 18"	21° 03' 05"	106° 22' 21"	F-48-45-D-c
núi Pò Pán	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 09"	106° 22' 16"					F-48-45-D-c
núi Tinh Lay	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 15"	106° 22' 12"					F-48-45-D-c
sông Bắc Giang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 30"	106° 16' 34"	22° 07' 35"	106° 20' 56"	F-48-45-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 20' 04"					F-48-45-D-a
suối Hát Lọc	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia							F-48-45-D-a
bản Khuổi Là	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 24"	106° 15' 57"	22° 10' 12"	106° 17' 44"	22° 10' 07"	106° 17' 24"	F-48-45-D-a
thôn Khuổi Ngánh	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 20' 00"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Sầm	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 16' 29"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slang	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 32"	106° 15' 35"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Tròng	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 17' 17"					F-48-45-D-a
khuổi Là	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 14"	106° 15' 12"	22° 09' 33"	106° 17' 09"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuê Liêng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 07' 17"	106° 20' 32"					F-48-45-D-c
khuổi Lũng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 08' 51"	106° 19' 42"					F-48-45-D-a
thôn Nà Kéo	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 09' 34"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Nà Lũng	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 09' 15"	106° 18' 18"					F-48-45-D-a
sước Pác Cáp	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 09' 30"	106° 19' 00"	22° 08' 09"	106° 20' 00"	F-48-45-D-a
bản Sang Dưới	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 08' 23"	106° 15' 26"					F-48-45-D-a
khuổi Slang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 07' 48"	106° 15' 27"	22° 09' 14"	106° 15' 12"	F-48-45-D-a
khuổi Sium	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 07' 58"	106° 13' 54"	22° 08' 46"	106° 14' 27"	F-48-45-C-b
khuổi Toong	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 07' 49"	106° 16' 56"	22° 08' 46"	106° 17' 22"	F-48-45-D-a
bản Vằng Puộc	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 07' 39"	106° 20' 29"					F-48-45-D-a
khuổi Bùng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 55' 53"	106° 10' 02"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-45-D-a
khuổi Cát	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 56' 41"	106° 10' 05"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
bản Cốc Pục	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 43"	106° 07' 50"					F-48-57-A-b
khuổi Cộn	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 57' 20"	106° 10' 42"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
khuổi Điện	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 55' 03"	106° 09' 41"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
khuổi Hẩu	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 56' 22"	106° 08' 51"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
núi Kéo Dính	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 58' 14"	106° 07' 11"					F-48-57-A-a
thôn Khuổi Bồng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 55' 03"	106° 10' 15"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Cát	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 32"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Cộn	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 14"	106° 10' 34"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Liêng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 56' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Mũi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 52"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 56' 27"	106° 07' 41"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Phung	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 58' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Tỏi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 58' 07"	106° 11' 31"					F-48-57-A-b
núi Lầu Bàu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 55' 21"	106° 08' 37"					F-48-57-A-b
khuổi Liêng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 54' 50"	106° 08' 01"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
bản Lũng Li	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 57"	106° 07' 18"					F-48-57-A-a
núi Lũng Li	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 56' 41"	106° 06' 46"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
bản May Deng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 50"	106° 11' 52"					F-48-57-A-b
núi May Khoang	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 16"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
sước May Khoang	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 57' 21"	106° 11' 13"	21° 57' 36"	106° 11' 58"	F-48-57-A-b
khuổi Mũi	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 57' 58"	106° 10' 26"	21° 57' 55"	106° 10' 45"	F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khuổi Nà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 56' 28"	106° 07' 43"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b		
thôn Nà Màng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 58' 28"	106° 10' 43"					F-48-57-A-b		
bản Phiêng Hà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 58' 01"	106° 12' 32"					F-48-57-A-b		
suối Phiêng Hà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả			21° 59' 00"	106° 10' 35"	21° 57' 08"	106° 12' 54"	F-48-57-A-b		
núi Pía Ká	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 54' 52"	106° 07' 36"					F-48-57-A-b		
núi Pò Dầu Siếu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 55' 48"	106° 09' 47"					F-48-57-A-b		
núi Pò Khuổi Lũng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 55' 26"	106° 09' 35"					F-48-57-A-b		
núi Pò Pha Khiết	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 56' 18"	106° 09' 29"					F-48-57-A-b		
núi Pò Tăng Khằng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 57' 37"	106° 11' 13"					F-48-57-A-b		
bản Quang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Giả	21° 58' 20"	106° 08' 31"					F-48-57-A-b		
quốc lộ 1B	KX	xã Tân Văn	H. Bình Giả			21° 56' 32"	106° 24' 28"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	F-48-57-B-b		
thôn Bản Dao	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 18"	106° 25' 44"					F-48-57-B-b		
thôn Bản Đáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 52' 22"	106° 26' 01"					F-48-57-B-b		
cầu Bản Đáp	KX	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 52' 39"	106° 26' 04"					F-48-57-B-d		
thôn Bản Nàng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 30"	106° 26' 39"					F-48-57-B-b		
suối Cáp	TV	xã Tân Văn	H. Bình Giả			21° 53' 36"	106° 26' 38"	21° 53' 56"	106° 28' 57"	F-48-57-B-b		
núi Cốc Phát	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 59"	106° 26' 44"					F-48-57-B-b		
thôn Cón Tàu Lự (Cón Tàu)	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 56' 09"	106° 25' 01"					F-48-57-B-b		
đèo Gặm Nha	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 35"	106° 24' 50"					F-48-57-B-b		
thôn Giao Thủy	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 56' 48"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b		
núi Hin Khang	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 31"	106° 26' 58"					F-48-57-B-b		
thôn Kéo Coong	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 18"	106° 25' 22"					F-48-57-B-b		
núi Kéo Rằm	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 34"	106° 25' 39"					F-48-57-B-b		
thôn Lán Khánh	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 09"	106° 24' 15"					F-48-57-B-b		
núi Mỏ Rồng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 07"	106° 25' 15"					F-48-57-B-b		
thôn Nà Dai	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 18"	106° 26' 30"					F-48-57-B-b		
suối Nà Dai	TV	xã Tân Văn	H. Bình Giả			21° 54' 46"	106° 26' 06"	21° 53' 13"	106° 25' 59"	F-48-57-B-b		
thôn Nà Đồng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 36"	106° 26' 08"					F-48-57-B-b		
núi Nà Giáo	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 41"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b		
suối Nà Giáo	TV	xã Tân Văn	H. Bình Giả			21° 53' 56"	106° 26' 57"	21° 54' 23"	106° 27' 25"	F-48-57-B-b		
cầu Nà Pái	KX	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 56' 33"	106° 24' 55"					F-48-57-B-b		
thôn Nà Pái	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 56' 39"	106° 24' 41"					F-48-57-B-b		
cầu Nà Quẩn	KX	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 26"	106° 26' 13"					F-48-57-B-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Vương	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 56"	106° 25' 00"					F-48-57-B-b
thôn Pá Péc	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 55' 15"	106° 25' 04"					F-48-57-B-b
núi Phia Giảng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 54' 52"	106° 24' 14"					F-48-57-B-b
núi Phia Hón	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 19"	106° 25' 19"					F-48-57-B-b
núi Pò Tường	SV	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 55' 00"	106° 25' 42"					F-48-57-B-b
thôn Suối Cáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 53' 07"	106° 26' 23"					F-48-57-B-b
thôn Trà Lầu	DC	xã Tân Văn	H. Bình Giả	21° 55' 37"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả		22° 05' 03"	106° 08' 20"	106° 13' 36"	22° 01' 42"		F-48-45-C-d
thôn Ba Biển	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 31"	106° 10' 53"					F-48-45-C-d
thôn Cầm Tắm	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 01' 36"	106° 12' 45"					F-48-45-C-d
khuổi Cầu	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả		22° 05' 20"	106° 10' 17"	22° 04' 01"	106° 10' 07"		F-48-45-C-d
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 35"	106° 08' 33"					F-48-45-C-c
bản Khuổi Giảng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 01"	106° 12' 46"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Lào	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 04' 10"	106° 13' 01"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Luồng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 02' 22"	106° 12' 18"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Ôn	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 02' 22"	106° 13' 56"					F-48-45-C-d
suối Khuổi Sắn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả		22° 02' 53"	106° 08' 52"	22° 03' 35"	106° 09' 54"		F-48-45-C-d
thôn Lán Luồng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 42"	106° 06' 31"					F-48-45-C-c
khuổi Lào	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả			22° 04' 07"	106° 13' 00"	22° 02' 55"	106° 12' 48"	F-48-45-C-d
khuổi Lủ	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả			22° 01' 51"	106° 11' 31"	22° 02' 05"	106° 13' 18"	F-48-45-C-d
khau Lũng Qua	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 52"	106° 07' 38"					F-48-45-C-d
thôn Nà Lặng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 02' 11"	106° 13' 21"					F-48-45-C-d
thôn Nà Tán	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 04' 31"	106° 08' 16"					F-48-45-C-d
khuổi Nà Tán	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả		22° 03' 55"	106° 07' 05"	22° 04' 29"	106° 08' 28"		F-48-45-C-d
khau Slam Lải	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 05' 00"	106° 07' 58"					F-48-45-C-d
khau Tằng	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 04' 26"	106° 09' 54"					F-48-45-C-d
thôn Thạch Lũng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 53"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
thôn Thảm Khôn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 02' 59"	106° 09' 20"					F-48-45-C-d
khau Vạt	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 02' 55"	106° 07' 47"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngắm Con	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 06' 47"	106° 10' 07"					F-48-45-C-d
thôn Yên Hùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả	22° 03' 35"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
suối Yên Hùng	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Giả		22° 03' 28"	106° 11' 07"	22° 03' 11"	106° 11' 08"		F-48-45-C-d
thôn Bắc Hóa	DC	xã Thiện Long	H. Bình Giả	21° 59' 53"	106° 10' 16"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bắc Hóa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 43"	106° 08' 16"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-45-C-d
thôn Bán Thàng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 13"	106° 08' 04"					F-48-45-C-d
thôn Ca Siêu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
núi Cột Cờ	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 55"	106° 09' 30"					F-48-45-C-d
khuổi Hẩu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 58' 06"	106° 08' 41"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-57-A-b
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 37"	106° 06' 28"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Hẩu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 58' 51"	106° 09' 18"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Khẩu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 52"	106° 10' 11"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Sủ	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 17"	106° 07' 12"					F-48-45-C-c
khuổi Kiểc	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 50"	106° 10' 12"	21° 59' 42"	106° 10' 55"	F-48-45-C-d
nậm Lâm Xa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 10"	106° 06' 60"	21° 58' 58"	106° 09' 17"	F-48-57-A-b
bản Lộ Sao	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 21"	106° 08' 06"					F-48-45-C-d
khau Lũng Qua	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 03' 10"	106° 07' 05"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lù	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 06' 39"					F-48-45-C-c
bản Nà Ngà	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 58"	106° 07' 04"					F-48-45-C-c
bản Nha Càng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 12"	106° 10' 02"					F-48-45-C-c
suối Nhả Càng	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 58' 18"	106° 09' 52"	21° 59' 00"	106° 10' 35"	F-48-57-A-b
núi Pò Vòm	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 10' 13"					F-48-45-C-d
khuổi Sủ	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 02' 60"	106° 07' 14"	22° 01' 59"	106° 06' 57"	F-48-45-C-c
bản Tầu Reng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 37"	106° 09' 16"					F-48-45-C-d
thôn Tổng Nộc	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 24"	106° 07' 25"					F-48-45-C-c
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 42"	106° 13' 36"	21° 59' 34"	106° 19' 14"	F-48-45-C-c
thôn Bản Chúc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 18' 28"					F-48-45-D-c
suối Bản Chúc	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 06"	106° 18' 43"	22° 00' 32"	106° 16' 50"	F-48-45-D-c
khuổi Hấp	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 04' 31"	106° 15' 57"	22° 03' 57"	106° 16' 20"	F-48-45-D-c
bản Khuổi Cản	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 15' 56"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cườm	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 40"	106° 15' 54"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Đắc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 34"	106° 19' 24"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Hấp	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 16"	106° 16' 37"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Lù	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 05"	106° 17' 16"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Lý	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 03"	106° 13' 22"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Mông	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 00"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Y	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 01' 16"	106° 17' 50"					F-48-45-D-c
khuổi Khuy	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả			22° 02' 08"	106° 16' 33"	22° 02' 51"	106° 15' 39"	F-48-45-D-c
khuổi Lú	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả			22° 01' 21"	106° 17' 02"	22° 00' 25"	106° 16' 54"	F-48-45-D-c
thôn Nà Lốc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 00' 28"	106° 16' 44"					F-48-45-D-c
thôn Pác Khuông	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 00' 47"	106° 15' 53"					F-48-45-D-c
sông Pác Khuông	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả			22° 00' 04"	106° 14' 47"	22° 04' 24"	106° 17' 06"	F-48-45-D-c
cầu Pác Khuông	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 00' 42"	106° 15' 49"					F-48-45-D-c
thôn Pác Là	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 03' 26"	106° 15' 04"					F-48-45-D-c
thôn Pác Luông	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 03' 36"	106° 17' 13"					F-48-45-D-c
suối Pác Luông	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả			22° 03' 11"	106° 17' 19"	22° 04' 09"	106° 17' 18"	F-48-45-D-c
núi Pán Cheng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 02' 34"	106° 18' 16"					F-48-45-D-c
núi Pán Lèn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 04' 20"	106° 14' 24"					F-48-45-C-d
núi Pán Môn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 00' 57"	106° 16' 28"					F-48-45-D-c
thôn Pò Sẻ	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 00' 50"	106° 15' 00"					F-48-45-C-d
khuổi Sẻ	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 01' 01"	106° 13' 48"					F-48-45-C-d
núi Thảm	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 01' 35"	106° 19' 15"					F-48-45-D-c
khuổi Thán	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 04' 24"	106° 17' 52"					F-48-45-D-c
suối Thiện Hoà	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 01' 43"	106° 14' 23"	22° 01' 41"	106° 13' 33"	22° 00' 43"	106° 15' 08"	F-48-45-C-d
núi Thương Bóc	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả	22° 02' 49"	106° 14' 09"					F-48-45-C-d
thôn Vằng Sầu	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả			22° 01' 33"	106° 17' 55"	22° 00' 25"	106° 17' 07"	F-48-45-D-c
khuổi Y	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Giả			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 59' 30"	106° 24' 28"	F-48-45-D-c
đường tỉnh 226	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 56' 32"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 55' 35"	106° 23' 56"					F-48-57-B-b
núi Độc Cước	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 56' 49"	106° 22' 57"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Quyền	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 57' 24"	106° 22' 49"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Trí	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 58' 21"	106° 23' 25"					F-48-57-B-b
thôn Pác Nàng	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 57' 05"	106° 23' 16"					F-48-57-B-b
núi Pác Sào	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 56' 30"	106° 23' 41"					F-48-57-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả	21° 58' 48"	106° 23' 28"					F-48-57-B-b
thôn Yên Bình	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả			21° 58' 28"	106° 23' 16"	21° 57' 57"	106° 23' 13"	F-48-57-B-b
suối Yên Bình	TV	xã Tô Hiệu	H. Bình Giả			22° 13' 17"	106° 13' 57"	22° 10' 30"	106° 16' 34"	F-48-45-D-a
sông Bắc Giang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Giả			22° 09' 53"	106° 15' 15"	22° 10' 20"	106° 15' 56"	F-48-45-D-a
khuổi Chi	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Giả							F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Đàng	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 15' 44"	22° 12' 25"	106° 15' 36"	F-48-45-D-a
khuổi Dui	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 25"	106° 15' 27"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Đàng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 57"	106° 15' 40"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Dui	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 55"	106° 15' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Luồng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 14' 37"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Mần	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 30"	106° 13' 46"					F-48-45-C-b
khuổi Mần	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 45"	106° 13' 16"	22° 12' 10"	106° 13' 55"	F-48-45-C-b
núi Phía Bàng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 31"	106° 13' 48"					F-48-45-C-b
núi Phía Mạ	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 22"	106° 14' 34"					F-48-45-C-b
khuổi Quang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 42"	106° 17' 50"	22° 11' 50"	106° 17' 03"	F-48-45-D-a
khuổi Sầu	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 12' 30"	106° 16' 45"	22° 11' 52"	106° 16' 55"	F-48-45-D-a
bản Song Phụ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 50"	106° 14' 28"					F-48-45-C-b
khuổi Tèn	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 00"	106° 15' 18"	22° 12' 27"	106° 14' 58"	F-48-45-D-a
thôn Vằng Mần	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 16' 33"					F-48-45-D-a
thôn Vằng Ứn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 11"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Bàn Mè	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 04' 53"	106° 17' 20"					F-48-45-D-c
thôn bản Pe	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 48"	106° 13' 37"					F-48-45-C-d
núi Cạm Măng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 50"	106° 20' 10"					F-48-45-D-c
núi Đông Lào	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 34"	106° 15' 11"					F-48-45-D-c
khuổi Kép	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 29"	106° 14' 34"	22° 05' 43"	106° 13' 56"	F-48-45-C-d
khuổi Khoan	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 07' 09"	106° 12' 00"	22° 06' 32"	106° 12' 32"	F-48-45-C-d
thôn Khuổi Chặng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 10"	106° 19' 00"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 59"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Kép	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 06"	106° 14' 00"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Ma	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 57"	106° 17' 28"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 18' 15"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 55"	106° 17' 15"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Sáp	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 15"	106° 12' 19"					F-48-45-D-c
khuổi Liêng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 18' 41"					F-48-45-D-c
khuổi Ma	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 51"	106° 18' 15"	22° 06' 24"	106° 18' 48"	F-48-45-D-c
khuổi Nà	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 34"	106° 12' 56"	22° 04' 51"	106° 17' 21"	F-48-45-D-c
bản Nà Lào	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 44"	106° 15' 47"					F-48-45-D-c
bản Nà Pang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 06' 20"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c
thôn Nà Quảng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 05' 13"	106° 14' 40"					F-48-45-C-d
bản Nà Sầm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 06' 15"	106° 12' 23"					F-48-45-C-d
bản Nà Tầm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 05' 16"	106° 15' 13"					F-48-45-D-c
bản Pác Xoong	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 05' 46"	106° 18' 43"					F-48-45-D-c
thôn Pò Mắm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 05' 34"	106° 16' 32"					F-48-45-D-c
núi Sa Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 07' 19"	106° 17' 56"					F-48-45-D-c
bản Sam Chai	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 06' 39"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Thu Kiều	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 05' 33"	106° 13' 15"					F-48-45-D-c
núi Xa Ngâm	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả	22° 07' 11"	106° 11' 02"					F-48-45-C-d
sông Yên Lỗ	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Giả			22° 04' 24"	106° 17' 06"	22° 07' 36"	106° 19' 30"	F-48-45-C-d
khối 1	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 22"	106° 45' 53"					F-48-45-D-c
khối 2	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 45' 48"					F-48-58-B+46-D
khối 4	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 05"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 04"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 12"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 51' 30"	106° 46' 04"	21° 52' 33"	106° 45' 20"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 58' 32"	106° 42' 34"	21° 56' 36"	106° 42' 01"	F-48-58-B+46-D
khối Dây Thép	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 41' 44"					F-48-58-A
đồi Đồn	SV	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 57' 56"	106° 42' 05"					F-48-58-A
suối Đồng Đăng	TV	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 57' 34"	106° 42' 25"	21° 56' 40"	106° 41' 24"	F-48-58-A
ga Đồng Đăng	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 41' 43"					F-48-58-A
khối Ga	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 56' 33"	106° 41' 42"					F-48-58-A
cửa khẩu Hữu Nghị	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 58' 30"	106° 42' 32"					F-48-58-A
thôn Kéo Kham	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 57' 26"	106° 42' 08"					F-48-58-A
núi Khỉ Héo	SV	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 57' 35"	106° 41' 51"					F-48-58-A
núi Lán Vải	SV	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 58' 04"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khối Nam Quan	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 41' 47"					F-48-58-A
bó Siêng	SV	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 58' 14"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khối Vườn Sỏi	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 42' 07"					F-48-58-A
đường tỉnh 235D	KX	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 12"	106° 42' 47"	21° 59' 27"	106° 45' 00"	F-48-58-A
thôn Cò Luông	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 16"	106° 43' 22"					F-48-58-A
núi Co Mìn	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 37"	106° 43' 15"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Co Mồi	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 29"	106° 43' 01"	21° 57' 34"	106° 42' 28"	F-48-58-A
núi Cốc Chác	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 29"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Cốc Tào	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 01"	106° 44' 51"					F-48-58-A
thôn Cốc Tòng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 32"	106° 44' 27"					F-48-58-A
khuổi Đầy	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 59"	22° 00' 29"	106° 46' 30"	F-48-58-B+46-D
suối Đồng Ké	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 12"	21° 58' 53"	106° 44' 34"	F-48-58-A
bản Già Mọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Già Mọc	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 00"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
khuổi He	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 49"	106° 43' 31"	21° 58' 34"	106° 43' 47"	F-48-58-A
khau Kéo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 38"	106° 44' 35"					F-48-58-A
thôn Kéo Có	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 12"	106° 43' 54"					F-48-58-A
đồi Khau Siểm	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 56"	106° 42' 57"					F-48-58-A
khau Khê	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 44"	106° 45' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Hạng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 49"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Kéo	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 06"	106° 44' 53"					F-48-58-A
bản Khuổi Tao	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 31"	106° 43' 50"					F-48-58-A
bản Li Tắng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 47"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
núi Ma Khoét	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 03"	106° 46' 44"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ân	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 52"	106° 45' 51"			21° 58' 45"	106° 43' 20"	F-48-58-A
suối Nà Hé	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc					21° 58' 11"		F-48-58-A
bản Nà Ké	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 58"	106° 44' 20"					F-48-58-A
núi Nà Kéo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 42' 37"					F-48-58-A
bản Nà Làng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 02"	106° 46' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pán	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 02"	106° 43' 05"					F-48-58-A
bản Nà Pháy	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 15"	106° 44' 41"					F-48-58-A
suối Nà Tát	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 41"	106° 45' 00"	21° 58' 12"	106° 42' 45"	F-48-58-A
bản Pá Deng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 42"	106° 43' 54"					F-48-58-A
núi Pá Tàu	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 44' 20"					F-48-58-A
suối Pác Luộc	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 55"	106° 43' 50"	21° 58' 13"	106° 43' 28"	F-48-58-A
thôn Phác Táng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 40"	106° 44' 08"					F-48-58-A
bản Pò Coc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 09"	106° 44' 19"					F-48-58-A
thôn Pò Nhung	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 06"	106° 46' 02"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pha	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 04"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Trí	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 39' 30"					F-48-58-A
thôn Bản Sáng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 39' 02"					F-48-58-A
thôn Chục Pính	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 39' 17"					F-48-58-A
núi Cốc Khảo	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 27"	106° 40' 00"					F-48-58-A
thôn Cồn Cốc	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 26"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Đông Ké	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 38' 51"					F-48-58-A
núi Giảng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	106° 38' 26"					F-48-58-A
núi Giảng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 56"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đèo Kéo Sình	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 39' 19"					F-48-58-A
đập Khánh Khê	KX	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 44"	106° 39' 21"					F-48-58-A
dãy Khảo Lương	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 34"	106° 39' 35"					F-48-58-A
thôn Khau Khe	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 37' 51"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc			21° 52' 21"	106° 39' 54"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
thôn Lũng Páng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 53"	106° 39' 10"					F-48-58-A
thôn Pá Pách	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 39' 16"					F-48-58-A
thôn Pò Đồn	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-A
thôn Xuân Lũng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 09"	106° 38' 13"					F-48-58-A
đường tỉnh 235	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 09"	106° 56' 07"	21° 56' 05"	106° 56' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đon	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 55' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rền	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 54' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Vàng	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 56' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Xám	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
suối Bò Nhung	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 58' 14"	106° 53' 18"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
bản Co Riễn	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 36"	106° 54' 45"					F-48-58-B+46-D
suối Cỏ Riễn	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 57' 09"	106° 54' 17"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
suối Co Riễn	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 04"	106° 52' 59"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
bản Co Sầu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 34"	106° 56' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Cồn Nán	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 57' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Đà Nẵng	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 06"	106° 55' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Lướt	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 59"	106° 54' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Lị	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 01"	106° 55' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 32"	106° 52' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Đảo	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Hộc	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 53' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Luộc	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 53' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Mạn	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Năm	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 53' 59"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Rào	TV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc			21° 56' 39"	106° 55' 29"	21° 56' 38"	106° 54' 20"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thảm	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Va	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 54' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Ngâm Đắc	SV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 49"	106° 55' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Pá Cường	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Pá Cam	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Pá Cầu	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 56' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Pá Nhung	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 58' 11"	106° 54' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Sông Danh	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 52"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Lương	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 56' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Tông Trính	SV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D
núi Đông Chấn	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 11"	106° 52' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tao	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 46"	106° 54' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Luồng	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 06"	106° 51' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Hào	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 57"	106° 51' 38"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tao	TV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 54' 16"	21° 51' 45"	106° 52' 54"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 49"	106° 50' 36"	21° 51' 17"	106° 47' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lim	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 49' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngà	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Càng Nộc	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 16"	106° 49' 19"					F-48-58-B+46-D
bản Co Sía	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 59"	106° 48' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Chùa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khao Tàng	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 56"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Mu	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 35"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Hanh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 35"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Lướt	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 51"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Sang	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 14"	106° 50' 05"					F-48-58-B+46-D
bản Khuẩn Rú	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 48"	106° 48' 27"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lầy Nọi	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 45"	106° 51' 17"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy Thủa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 08"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
núi Luồng Chanh	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 00"	106° 48' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Bó	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 48"	106° 49' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Linh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 12"	106° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Lùng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 40"	106° 49' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Pán	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 23"	106° 49' 15"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Pán	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 49' 47"	21° 49' 39"	106° 49' 11"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Rào	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 28"	106° 50' 45"					F-48-58-B+46-D
khuổi Ngà	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc							F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 50' 41"	106° 51' 26"	21° 48' 59"	106° 49' 56"	F-48-58-B+46-D
bản Pò Lín	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 12"	106° 50' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Riêng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 16"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
thôn Quân Hàng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 31"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Tềnh Slung	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 56"	106° 49' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Tềnh Slung	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 26"	106° 50' 55"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Thám Chàng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 50' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Khuông	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 51' 30"					F-48-58-B+46-D
núi Chi Mông	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 52' 35"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Liêng	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	106° 52' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Co Phường	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 48"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Co Riêng	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 35"	106° 52' 52"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Hải	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 24"	106° 52' 33"	21° 53' 37"	106° 52' 51"	F-48-58-B+46-D
núi Hóc Mù	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 50' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Đưa	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 35"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 38"	106° 52' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tền	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Pác Bó	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 17"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
suối Pác Bó	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 41"	106° 50' 46"	21° 53' 29"	106° 50' 22"	F-48-58-B+46-D
khuổi Phầy	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 54' 34"	106° 51' 40"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Sắn	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 47"	106° 51' 38"	21° 53' 51"	106° 51' 08"	F-48-58-B+46-D
bản Sĩ Huân	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 08"	106° 50' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thín Lái	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tổng Riễn	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 44"	106° 50' 44"	21° 53' 59"	106° 51' 27"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 235	KX	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 16"	106° 49' 31"	21° 52' 28"	106° 47' 03"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Cầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 40"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Lành	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc							F-48-58-B+46-D
thôn Chè Lăn	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 49' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Cam	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Co Chi	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 47' 53"					F-48-58-B+46-D
bản Đông Nội	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 49' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Cặp	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 55"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Song	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 58"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Vạn	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 01"	106° 48' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Khuôn Linh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 32"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luồng	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 22"	106° 48' 19"	21° 54' 37"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 49"	106° 47' 31"	21° 52' 38"	106° 46' 59"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Khác	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Ngọt	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 47' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Nặm Dân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 47' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Pán Danh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 49' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Pán Khoang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 47' 27"					F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiêu	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 51' 59"	106° 48' 37"	F-48-58-B+46-D
bản Phai Tầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 11"	106° 48' 46"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Pò	SV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 06"	106° 47' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Tầm Liên	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 34"	106° 48' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 48' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Thốc	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 38"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Cón Khoang	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 40' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Cón Quyền	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 40' 59"					F-48-58-A
núi Hang Soong	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 40' 19"					F-48-58-A
thôn Nà Chà	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 53"	106° 40' 37"					F-48-58-A
thôn Nà Lâm	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 40' 54"					F-48-58-A
thôn Nà Luộc	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 39' 52"					F-48-58-A
núi Nà Luồng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 39' 29"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pá Phiêng	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 58' 45"	106° 40' 52"					F-48-58-A
thôn Pá Poài (Pá Pòi)	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 58"	106° 41' 17"					F-48-58-A
núi Sinh Minh	TV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 40' 14"	21° 56' 14"	106° 41' 33"	F-48-58-A
thôn Tênh Chè	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 08"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đường tỉnh 234	KX	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc			21° 53' 49"	106° 46' 27"	21° 52' 37"	106° 45' 39"	F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 47"	106° 45' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Phầy	SV	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Tảo	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 24"	106° 47' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ca	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 46' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Nùng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 55"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 46' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Luồng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 59"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Dạn	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 44"	106° 49' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Dạn	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 15"	106° 49' 18"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Giếng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 51' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Héc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 18"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Riễn	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 48"	106° 49' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 50' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Cổ Luồng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 49' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Cón Tơng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 13"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
nậm Keng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 50' 55"	21° 57' 13"	106° 50' 56"	F-48-58-B+46-D
núi Khau Bó	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 32"	106° 48' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Vải	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Hốc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 51' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Luồng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 56"	106° 48' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luồng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 37"	106° 48' 21"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Lục Ngoảng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 33"	106° 48' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Tát	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 19"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 51' 07"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tém	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 30"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Lại	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 57"	106° 49' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pảng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 20"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
núi Truong Trính	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 1A	KX	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 55' 39"	106° 41' 44"	21° 55' 36"	106° 42' 01"	21° 55' 55"	106° 42' 39"	F-48-58-A
thôn Cón Bó	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 54' 40"	106° 41' 11"					F-48-58-A
bản Cón Chang	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 54' 53"	106° 41' 13"					F-48-58-A
bản Cón Chũ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 53' 45"	106° 40' 29"					F-48-58-A
thôn Cón Kện	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 55' 52"	106° 42' 00"					F-48-58-A
bản Cón Tông	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 53' 41"	106° 41' 15"					F-48-58-A
núi Hang Lạn	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 54' 30"	106° 40' 55"					F-48-58-A
thôn Lộc Hồ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 54' 14"	106° 41' 10"					F-48-58-A
thôn Nà Slin	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 54' 47"	106° 40' 34"					F-48-58-A
dãy Núi Tém	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 54' 59"	106° 40' 47"					F-48-58-A
thôn Pác Lũng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc					21° 56' 41"	106° 42' 50"	21° 56' 44"	106° 41' 47"	F-48-58-A
suối Pò Bơ	TV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc									F-48-58-A
thôn Thảm Mò Biếp	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 12"	106° 41' 47"					F-48-58-A
thôn Hang Riêng	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 21"	106° 40' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Mạ	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 29"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc					21° 52' 19"	106° 42' 19"	21° 52' 21"	106° 39' 54"	F-48-58-A-d
khuai Mạ	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 53' 22"	106° 42' 47"					F-48-58-A
núi Mây Xiếc	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 53' 07"	106° 41' 36"					F-48-58-A
thôn Nà Ngườm	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 53' 04"	106° 41' 17"					F-48-58-A
thôn Nà Tậu	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 14"	106° 41' 24"					F-48-58-A-d
thôn Siam Kha	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 53' 04"	106° 40' 45"					F-48-58-A
thôn An Rinh 1	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc									
thôn An Rinh 2	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc									
suối Bản Mới	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc					21° 47' 52"	106° 48' 49"	21° 49' 19"	106° 48' 50"	F-48-58-B+46-D
khuai Cà	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 49' 05"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Chơng Là	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 33"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ái	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 47' 55"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 47' 52"	106° 49' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 49' 10"	106° 48' 41"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc					21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D
hồ Lê Minh	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 27"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Mỏ Mái	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 23"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Phình	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 50' 07"	106° 47' 57"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phố Ngầu	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 49' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Leng	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 49' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Trăn	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Tam Độ	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 25"	106° 49' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Tầm Nguyên	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 15"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Thoang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 50' 16"					F-48-58-B+46-D
ga Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 48"	106° 49' 24"					F-48-58-B+46-D
bản Thông Yên	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 57"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Cầm	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 38"	106° 39' 04"	21° 46' 44"	106° 39' 55"	F-48-58-A-d
thôn Bản Cầm	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 38"	106° 39' 32"					F-48-58-A-d
khau Chín	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 51"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
bản Cốc Báy	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 59"	106° 40' 23"					F-48-58-A-d
thôn Còn Phèo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 42' 12"					F-48-58-A-d
bản Kéo Cà	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 28"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Lục Môn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 11"	106° 38' 26"					F-48-58-A-d
suối Nà Don	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 39' 55"	21° 46' 25"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Đơn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 40' 06"					F-48-58-A-d
suối Nà Múc	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 25"	106° 40' 37"	21° 46' 48"	106° 40' 56"	F-48-58-A-d
bản Nà Múc A	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 47"	106° 40' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Múc B	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 49"	106° 41' 37"					F-48-58-A-d
bản Nà Nam	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 29"	106° 41' 35"					F-48-58-A-d
bản Nà Quẩn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 09"	106° 42' 13"					F-48-58-A-d
suối Pác Vè	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 47' 37"	106° 39' 56"	21° 47' 10"	106° 40' 52"	F-48-58-A-d
cầu Pác Vè	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 20"	21° 45' 49"					F-48-58-A-d
bản Pò Hóc	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 39' 45"					F-48-58-A-d
bản Quanh Quyết	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 33"	106° 41' 14"					F-48-58-A-d
thôn Sài Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 41"	106° 39' 40"					F-48-58-C-b
đèo Sài Hồ	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 39' 04"					F-48-58-C-b
bản Suối Cáp	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 38' 41"					F-48-58-C-b
cầu Tầm Danh	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 33"	21° 46' 24"					F-48-58-A-d
thôn Tinh Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 14"	106° 39' 16"					F-48-58-A-d
thôn Tông Han	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 38"	106° 40' 56"					F-48-58-A-d
thôn Tông Méo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 21"	106° 41' 13"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 238	KX	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 47' 28"	21° 56' 51"	106° 48' 38"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đầy	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mạc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 50"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Phường	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 45' 20"	21° 55' 29"	106° 47' 15"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rọc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 22"	108° 46' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Rọc	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc					21° 57' 19"	106° 48' 23"	F-48-58-B+46-D
bản Chang Khuổi	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 46' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Cồn Quỳ	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 14"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuôn Cường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
khau Lầu	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Linh Đeng	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
bản Mu Ngạp	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc							F-48-58-B+46-D
thôn Nà Lệnh	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 41"	106° 47' 21"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Lệnh	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 29"	106° 47' 15"	21° 55' 45"	106° 47' 37"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Môn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 46' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nhàn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 18"	106° 47' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Piao	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 04"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Sla	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 23"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Vá	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 04"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Phường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 56"	106° 46' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Chả	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 46' 40"					F-48-58-B+46-D
núi Tầm Tường	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 58' 03"	106° 45' 59"					F-48-58-B+46-D
khau Vải	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 37"	106° 45' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Lòa	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 53"	106° 51' 51"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Nhạc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 23"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rọi	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 44"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Bóc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 48' 59"					F-48-58-B+46-D
núi Cỏ Chi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 20"	106° 51' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Khuất	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 52' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Cồn Phác	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 09"	106° 47' 30"					F-48-58-B+46-D
suối Cồn Phác	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 32"	106° 48' 20"	21° 59' 10"	106° 47' 58"	F-48-58-B+46-D
núi Đông Ké	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 49' 14"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Hiến	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 50' 16"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ham, Khuổi Sường	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 17"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Mạy Ồi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 50' 10"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Tắc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 13"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khẩu Tắc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 47"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
núi Khối Uồn	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 46"	106° 52' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Khuôn Phụng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 59"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Lãng	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 49' 13"					F-48-58-B+46-D
sườn Nà Lãng	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 17"	106° 49' 10"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Nà Mý	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 48"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phạ	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 48"	106° 51' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Phao	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 28"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Quỳn	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 27"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Thiên Lạp	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 33"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Thín Đăm	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 39"	106° 50' 42"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 55"	106° 42' 39"	21° 54' 25"	106° 43' 51"	F-48-58-A
bản Cốc Châu	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 08"	106° 41' 38"					F-48-58-A
bản Cón Công	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 42' 27"					F-48-58-A
thôn Cón Phao	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 57"	106° 41' 49"					F-48-58-A
thôn Cón Tông	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 46"	106° 43' 18"					F-48-58-A
núi Hín Khao	SV	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 56' 31"	106° 42' 48"					F-48-58-A
núi Khau Ngóm	SV	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 43' 36"					F-48-58-A
thôn Khuổi Khê	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 43' 21"					F-48-58-A
sườn Khuổi Mười	TV	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 41"	106° 42' 14"	21° 55' 21"	106° 42' 21"	F-48-58-A
thôn Khuổi Mười	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 21"	106° 43' 06"					F-48-58-A
thôn Nà Hồ	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 43' 46"					F-48-58-A
thôn Nà Lại	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 41' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 43' 05"					F-48-58-A
thôn Nà Piải (Nà Pải)	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 31"	106° 42' 47"					F-48-58-A
bản Phai Cài	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 27"	106° 43' 45"					F-48-58-A
bản Phai Leng	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 43' 07"					F-48-58-A
thôn Pò Nghiêu	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 00"	106° 43' 04"					F-48-58-A
thôn Tam Lung	DC	xã Thuy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 01"	106° 43' 25"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thâm Lũng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 11"	106° 43' 07"					F-48-58-A
suối Tổng Hénh	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 42' 59"	21° 55' 41"	106° 42' 14"	F-48-58-A
thôn Báo Sáo	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 52' 52"	106° 42' 30"					F-48-58-A-d
thôn Bản Tân	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 55"	106° 40' 08"					F-48-58-A-d
suối Bản Tân	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc							F-48-58-A-d
bản Kéo Bang	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 38' 40"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Bó	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 38"	106° 41' 38"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Chủ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
suối Khôn Rền	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc							F-48-58-A-d
bản Khuồn Danh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 50"	106° 41' 41"			21° 50' 03"	106° 41' 06"	F-48-58-A-d
thôn Lục Niếng	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 14"	106° 39' 53"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 39"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lìn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 06"	106° 41' 16"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 49' 45"	106° 40' 17"	21° 49' 49"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Mạ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 40"	106° 40' 01"					F-48-58-A-d
bản Nà Sầu	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 40' 16"					F-48-58-A-d
núi Nhọt Pha	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 58"	106° 41' 46"					F-48-58-A-d
bản Nưa Muồn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 59"	106° 39' 02"					F-48-58-A-d
khu Răng	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 28"	106° 40' 30"					F-48-58-A-d
bản Văn Minh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 59"	106° 40' 44"					F-48-58-A-d
thôn Ba Sơn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 59"					F-48-58-A-d
suối Bản Lẻ	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 26"	106° 58' 52"	21° 54' 10"	106° 58' 49"	F-48-59-A
thôn Bản Lẻ	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 23"	106° 59' 01"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ngọa	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc							F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngọa	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 59' 36"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ranh	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 54"	107° 00' 31"	21° 54' 19"	106° 59' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Co Chi	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Khưỡng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 58' 28"					F-48-58-B+46-D
suối Co Khưỡng	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 25"	106° 57' 45"	21° 53' 26"	106° 58' 52"	F-48-59-A
bản Cờn Chủ	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	107° 02' 42"					F-48-59-A
bản Đông Pầu	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 21"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tát	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 41"	107° 02' 35"					F-48-59-A
bản Lũng Vài	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 52' 50"	106° 56' 36"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mò Lèo	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 42"	106° 58' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rằm	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 58' 48"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Sĩa	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	106° 58' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Phình Hà	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 43"	107° 00' 04"					F-48-59-A
bản Phình Háng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 55' 26"	106° 59' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Pí Ang	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 56' 00"	106° 58' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mả	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	107° 02' 17"					F-48-59-A
suối Pò Mả	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc		21° 53' 52"	107° 03' 23"	21° 54' 19"	107° 02' 03"		F-48-59-A
bản Pò Qua	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	107° 00' 30"					F-48-59-A
thôn Pò Riêng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	107° 01' 59"					F-48-59-A
suối Pò Riêng	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc		21° 53' 14"	107° 01' 34"	21° 54' 16"	107° 02' 01"		F-48-59-A
bản Sà Thườn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 59' 44"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tát	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	107° 03' 04"					F-48-59-A
khuổi Tát	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc		21° 54' 40"	107° 02' 33"	21° 54' 44"	107° 01' 49"		F-48-59-A
thôn Tầu Lìn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 34"	106° 57' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Thạch Khuẩn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	107° 00' 46"					F-48-59-A
suối Thạch Khuẩn	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc		21° 53' 07"	107° 00' 50"	21° 54' 59"	106° 59' 39"		F-48-59-A
bản Thâm Cờn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	107° 01' 12"					F-48-59-A
khau Phạ	SV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 45' 43"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
suối Bản Bám	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc		21° 48' 04"	106° 46' 50"	21° 49' 08"	106° 46' 39"		F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 44"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Cải	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Lục Thèn	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 56"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Hào	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 50"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Sáy	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 08"	106° 45' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Soong	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thà	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 28"	106° 44' 34"					F-48-58-B+46-D
suối Tát Uẩn	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc		21° 46' 44"	106° 45' 17"	21° 48' 04"	106° 46' 50"		F-48-58-A-d
thôn Tát Uẩn	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 32"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Vằng Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 53"	106° 46' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Yên Hạ	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 30"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thành	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 49' 17"	106° 45' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thủy 1	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 11"	106° 46' 52"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thủy 2	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 19"	106° 46' 48"					F-48-58-B+46-D
ga Yên Trạch	KX	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	106° 45' 33"	21° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng							F-48-57-D-d
thôn Cây Hồng	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 16"	106° 29' 23"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Bành	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 29"	106° 30' 16"					F-48-58-C-c
thôn Lân Bông	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 49"	106° 28' 33"					F-48-57-D-d
thôn Lãng Vực	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 14"	106° 30' 24"					F-48-58-C-c
núi Ngủ	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 06"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Pha Lác	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 45"	106° 30' 12"					F-48-58-C-c
thôn Phố Sắt	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 41"	106° 30' 29"					F-48-58-C-c
núi Soi Sậy	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hoà	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 55"	106° 28' 53"					F-48-57-D-d
ga Sông Hòa	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 31"	106° 29' 17"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hoà 2	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 55"	106° 28' 46"					F-48-57-D-d
thôn Trung Mai	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 28"	106° 28' 38"					F-48-57-D-d
thôn Xóm Nà	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 57"	106° 29' 44"					F-48-57-D-d
thôn Yên Thịnh	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 46"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
đường tỉnh 234 A	KX	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng			21° 39' 06"	106° 34' 03"	21° 39' 49"	106° 35' 22"	F-48-58-C-a
đèo Bền	SV	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 34' 36"					F-48-58-C-a
khu Chín	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 32"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
ga Đồng Mô	KX	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-a
khu Ga	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
khu Hòa Bình	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 34' 17"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Cút	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 40' 15"	106° 34' 51"					F-48-58-C-a
làng Lũng Than	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Chảo	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 34' 55"					F-48-58-C-a
làng Nà Đon	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 22"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
đèo Rẻ	SV	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 33' 49"					F-48-58-C-a
khu Thống Nhất	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 35' 10"					F-48-58-C-a
thôn Bắc Khánh	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 41' 55"					F-48-58-C-b
thôn Bắc Phù	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 34"	106° 39' 28"					F-48-58-C-b
ga Bắc Thủy	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Háng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 45"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Lân	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 22"	106° 39' 53"					F-48-58-C-b
thôn Khôn Phường	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 48"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Khun Cùm	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
thôn Khuổi Khảo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 16"	106° 40' 59"					F-48-58-C-b
núi Lăng Cắc	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 51"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
bản Lấp Lụng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Mạy Tàn	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 44"	106° 41' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Công	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 24"	106° 40' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Dạ	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 09"	106° 40' 27"					F-48-58-C-b
núi Pô Khiên	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 41' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 5	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 6	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 22"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Thín Khao	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 41' 34"					F-48-58-C-b
bản Tinh Kéo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 26"	106° 40' 42"					F-48-58-C-b
thôn Tông Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 39' 20"					F-48-58-C-b
bản Bó Nam	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 00"	106° 29' 25"					F-48-58-C-b
đèo Cướm	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 28' 29"					F-48-57-D-b
núi Đồng Cải	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 29' 30"					F-48-57-B-d
núi Giả Suồng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 31"	106° 29' 24"					F-48-57-B-d
bản Kéo Nhì	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 29' 02"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Nọi	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 29' 11"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phảy	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 03"	106° 29' 54"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phị	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 31"	106° 29' 40"					F-48-57-D-b
cầu Kéo Phị	KX	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 23"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
thôn Khùng Khính	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 26"	106° 29' 16"					F-48-57-D-b
thôn Lăng Chiềng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 30' 19"					F-48-57-D-b
thôn Lăng Giao	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 46"	106° 29' 50"					F-48-58-C-a
thôn Lăng Tuồng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 57"	106° 30' 20"					F-48-57-D-b
núi Lũng Bấu	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 30"	106° 29' 12"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Đầy	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 49"	106° 28' 07"					F-48-57-D-b
thôn Pá Tào	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 42"	106° 28' 32"					F-48-57-D-b
bản Tham Trang	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 27' 39"					F-48-57-D-b
núi Thang Lũng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 28' 44"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thông Nọc	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 50"	106° 30' 06"	21° 41' 56"	106° 30' 21"	21° 42' 10"	106° 30' 20"	F-48-58-C-a
suối Bo Luống	TV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng							F-48-58-C-a
thôn Đồng Chùa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 16"	106° 30' 16"					F-48-58-C-a
thôn Đồng Quan	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 29' 53"					F-48-57-D-b
làng Khau Đeng	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 50"	106° 31' 07"					F-48-58-C-a
thôn Khau Tào	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 30' 58"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Nưa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 17"	106° 30' 50"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Vạc	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 30' 37"					F-48-58-C-a
thôn Lăng Khoác	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 29' 46"					F-48-57-D-b
núi Lăng Khoác	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 11"	106° 29' 14"					F-48-57-D-b
núi Lăng Lườn	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chè	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 17"	106° 28' 14"					F-48-57-D-b
làng Lũng Kheo	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 27' 51"					F-48-57-D-b
làng Lũng Khút	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 30"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
làng Lũng Vai	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Lũng Xóm	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 29' 33"					F-48-57-D-b
thôn Nà Canh	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 03"	106° 30' 24"					F-48-58-C-a
làng Nà Pe	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 30' 49"					F-48-58-C-a
làng Nùng Gầm	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 38"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
thôn Phai Xá	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 26"	106° 31' 38"					F-48-58-C-a
cầu Ái Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 59"	106° 32' 37"					F-48-58-C-c
thôn Ba Đán	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 21"	106° 31' 27"					F-48-58-C-c
thôn Bái Hào	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 47"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
đập Bái Hào	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 55"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
dãy Cai Kinh	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 45"	106° 30' 33"					F-48-58-C-c
cầu Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 31' 14"					F-48-58-C-c
ga Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 09"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
làng Cốc Mìn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
đèo Com Năm	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 42"	106° 32' 33"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Đỉnh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 26"	106° 31' 48"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Hoà	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 38"	106° 31' 37"					F-48-58-C-c
đèo Lán Li	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Càng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 38"	106° 31' 32"					F-48-58-C-c
làng Làng Đă	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 41"	106° 31' 45"					F-48-58-C-c
thôn làng Đồn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
thôn Làng Nghĩa	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 31' 25"					F-48-58-C-c
làng Linh Ba	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 51"	106° 30' 55"					F-48-58-C-c
làng Nà Nong	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 32' 24"					F-48-58-C-c
thôn Quán Bàu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 10"	106° 31' 35"					F-48-58-C-c
thôn Quán Thanh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 56"	106° 32' 16"					F-48-58-C-c
núi Quỳ Mòn Quan	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 05"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
làng Thành Kho	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 30"	106° 31' 06"					F-48-58-C-c
sông Thương	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 34' 56"	106° 30' 39"	21° 37' 18"	106° 32' 25"	F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới A	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 17"	106° 32' 18"					F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới B	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 32' 42"					F-48-58-C-c
đèo Cấm	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 42' 43"					F-48-58-C-c
làng Cốc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 45' 30"					F-48-58-C-b
đèo Đông Lèn	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 23"	106° 42' 36"					F-48-58-D-a
bản Khau Phụng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 44' 17"					F-48-58-C-b
bản Khau Phình	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 04"	106° 44' 19"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thanh	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 15"	106° 45' 12"					F-48-58-C-b
thôn Nà Cải	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 44' 03"					F-48-58-D-a
thôn Nà Dạ	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 12"	106° 44' 46"					F-48-58-C-b
suối Nà Dạ	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 43' 43"	106° 45' 08"	21° 43' 54"	106° 45' 32"	F-48-58-C-b
thôn Nà Hà	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 59"	106° 46' 03"					F-48-58-D-a
suối Nà Hà	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 44' 04"	106° 45' 32"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-B
thôn Nà Lâm	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 53"	106° 45' 41"					F-48-58-D-a
suối Nà Lâm	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 42' 55"	106° 47' 05"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
làng Nà Mẩn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 34"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhạn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 45"	106° 45' 53"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhị	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
thôn Nà Pát	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
suối Nà Pát	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 41' 29"	106° 45' 41"	21° 44' 04"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Tinh	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 53"	106° 44' 21"					F-48-58-D-a
làng Pắc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 41"	106° 45' 35"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Pắc Đét	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 22"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
thôn Pắc Ma	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 46' 16"					F-48-58-D-a
làng Pò Đen	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 46' 04"					F-48-58-D-a
bản Pò Lèn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 42"	106° 44' 06"					F-48-58-C-b
làng Pò Luyến	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 50"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
bản Thái Đảng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 43' 29"					F-48-58-C-b
quốc lộ 279	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 45' 08"	106° 32' 33"	21° 42' 14"	106° 32' 51"	F-48-58-C-a
làng Bó Chính	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 34' 31"					F-48-58-C-a
làng Bó Lầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 43"					F-48-58-A-c
đèo Ca	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 33' 27"					F-48-58-C-a
suối Cầu Bồng	TV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng							F-48-58-C-a
thôn Cầu Bồng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 32' 28"					F-48-58-C-a
làng Đầu Cầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 07"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Đông Deng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 25"	106° 31' 08"					F-48-58-C-a
thôn Đông Pầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 32' 56"					F-48-58-C-a
đèo Khau Choong	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 45"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
bản Khôn Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
làng Khôn Tầu Ư (Khôn Tầu)	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
thôn Làng Dộc	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 57"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giang	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 32' 59"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mỏ	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 09"	106° 32' 09"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Mán	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 52"	106° 31' 45"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mát	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 37"	106° 31' 27"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghe	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 34' 05"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 41"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Lũng Pì	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Quan	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 09"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Tạo	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 48"	106° 32' 25"					F-48-58-C-a
làng Nà Chùa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 12"	106° 32' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mán	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 03"	106° 31' 37"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Ngoại	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 36"	106° 33' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Trong	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Nậm Tộc	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 33' 27"					F-48-58-A-c
thôn Phai Đeng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 57"	106° 32' 46"					F-48-58-C-a
làng Phai Lầy	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 13"	106° 31' 42"					F-48-58-C-a
làng Phảng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 40"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Phúc Lũng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 55"					F-48-58-C-a
làng Tân Hẩu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 33' 31"					F-48-58-C-a
đập Vải Cà	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 20"					F-48-58-C-a
làng Bó Đin	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 31' 40"					F-48-58-C-a
đèo Bó Đin	SV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 04"	106° 31' 21"	21° 39' 47"	106° 31' 36"	F-48-58-C-a
đền Châu Mươi	KX	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a
thôn Đon Xa	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 31' 33"					F-48-58-C-a
làng Kẹm Càng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 32' 10"					F-48-58-C-a
làng Khôn Đông	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 31' 31"					F-48-58-C-a
làng Khôn Ngai	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 43"	106° 33' 16"					F-48-58-C-a
thôn Lăng Càng 1	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 13"	106° 32' 26"					F-48-58-C-a
thôn Lăng Càng 2	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 58"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Do	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Lũng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 32' 50"					F-48-58-C-a
làng Lũng Móng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 30"	106° 32' 48"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 32' 35"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Tung	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 31' 30"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Ba	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 32"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Cống	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 28"	106° 32' 36"					F-48-58-C-a
suối Nà Lá	TV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 15"	106° 32' 55"	21° 40' 48"	106° 33' 03"	F-48-58-C-a
thôn Pa Ràng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 25"	106° 31' 05"					F-48-58-C-a
làng Phố Cùm	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 12"	106° 31' 14"					F-48-58-C-a
thôn Tung Càn	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 33' 10"					F-48-58-C-a
làng Bó Luồng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 05"	106° 43' 57"					F-48-58-C-a
suối Co Bơ	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 01"	106° 46' 01"	21° 35' 41"	106° 45' 46"	F-48-58-C-d
làng Co Gao	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 23"	106° 43' 40"					F-48-58-D-c
làng Co Hương	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 37"	106° 42' 30"					F-48-58-C-b
suối Cường Nộc	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 46' 03"	21° 37' 41"	106° 43' 54"	F-48-58-D-a
khuai Giáo	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 33' 43"	106° 42' 36"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Gioa	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 38"	106° 45' 38"					F-48-58-D-a
khu Hương	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 17"	106° 44' 36"					F-48-58-C-d
làng Kéo Nà	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 16"	106° 42' 17"					F-48-58-C-d
suối Lị	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 22"	106° 41' 55"	21° 37' 46"	106° 41' 04"	F-48-58-C-b
làng Lũng Ngàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 21"	106° 43' 31"					F-48-58-C-d
khu Ly	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 43' 44"					F-48-58-C-b
thôn Mè Thinh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 29"	106° 44' 43"					F-48-58-C-d
thôn Nà Lìa	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 30"	106° 44' 10"					F-48-58-C-d
làng Nà Thành	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 57"	106° 45' 10"					F-48-58-D-c
làng Nà Thặng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 45' 54"					F-48-58-D-c
suối Ó	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 17"	106° 43' 08"	21° 36' 20"	106° 43' 18"	F-48-58-C-d
làng Pá La	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Pá Phèo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 46"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
làng Phai Rinh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 43' 05"					F-48-58-C-b
suối Phục	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 39' 00"	106° 44' 46"	21° 39' 51"	106° 43' 14"	F-48-58-C-d
làng Quán Chiếu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 43' 46"					F-48-58-C-b
khu Rạn	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 42' 43"					F-48-58-C-d
làng Suối Cầu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 08"	106° 43' 14"					F-48-58-C-d
làng Suối Dầm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 08"	106° 43' 15"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mạ A	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 44' 31"					F-48-58-C-b
thôn Suối Mạ B	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 42' 51"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mỏ	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 33"	106° 44' 44"					F-48-58-C-d
làng Suối Sạn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 46' 07"					F-48-58-C-d
làng Suối Thấu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
làng Suối Vắm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 43' 19"					F-48-58-D-c
suối Thấu	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 48"	106° 45' 00"	21° 37' 23"	106° 46' 02"	F-48-58-C-d
suối Xá	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 34' 00"	106° 43' 48"	21° 36' 17"	106° 43' 08"	F-48-58-C-d
thôn Bắc Phiềng	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 18"	106° 42' 15"					F-48-58-C-b
suối Bắc Phiềng	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 14"	106° 42' 37"	21° 40' 32"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Bắc Ropoc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 41' 22"					F-48-58-C-b
đèo Cầm	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
suối Cầm Thù	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 27"	106° 41' 30"	21° 38' 54"	106° 39' 15"	F-48-58-C-b
thôn Co Lái	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 42' 08"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cỏ Lái	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			20° 40' 53"	106° 42' 10"	21° 40' 32"	106° 41' 59"	F-48-58-C-b
làng Cỏ Lị	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 36"	106° 41' 36"					F-48-58-C-b
làng Co Mười	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 40' 21"					F-48-58-C-b
làng Dọc Lát	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Hà Nam	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 40' 11"					F-48-58-C-b
làng Kéo Gà	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 39' 46"					F-48-58-C-b
đèo Kéo Lèo	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 45"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Khau Xoong	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
núi Khuôn Kén	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-58-C-b
làng Nà Chuối	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 06"	106° 41' 33"					F-48-58-C-b
suối Nà Chuối	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 21"	106° 41' 37"	21° 41' 30"	106° 41' 23"	F-48-58-C-b
làng Nà Kham	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 41' 10"					F-48-58-C-b
làng Nà Lá	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 27"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
làng Nà Lầm	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 42' 16"					F-48-58-C-b
làng Nà Mỏ	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
làng Rọ Bọt	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 41' 11"					F-48-58-C-b
làng Rọ Cút	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 41' 00"					F-48-58-C-b
làng Rọc Sến	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 40' 31"					F-48-58-C-b
núi Tam Tấu	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 35"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Thầm Nặc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 08"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
làng Trung Khìn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 42' 39"					F-48-58-C-b
suối Trung Khìn	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 21"	106° 43' 21"	21° 40' 31"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Tung Hòn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 48"	106° 40' 30"					F-48-58-C-b
làng Vinh Tinh	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 31"	106° 42' 07"					F-48-58-C-b
thôn Bản Lầm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 04"	106° 44' 36"					F-48-58-C-b
khau Dầm	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 45' 01"					F-48-58-D-a
thôn Hợp Đường	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 44' 00"					F-48-58-C-b
núi Mây Thương	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 44' 11"					F-48-58-C-b
bản Nư	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 44' 10"					F-48-58-C-b
thôn Thiên Cầm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 45' 13"					F-48-58-D-a
suối Vạn Tùng	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 05"	106° 44' 30"	21° 40' 37"	106° 44' 01"	F-48-58-C-b
suối Vằng Hỷ	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 00"	106° 44' 43"	21° 41' 27"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 33"	106° 35' 59"	21° 41' 27"	106° 37' 35"	F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Đồn Điền	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 21"	106° 36' 59"					F-48-58-C-a
làng Đồng Chùa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
Khu du lịch Hang Gió	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 29"					F-48-58-C-a
làng Hoà Mục	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 42"	106° 36' 58"					F-48-58-C-a
làng Khôn Choong	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 37' 32"					F-48-58-C-b
thôn Khôn Rẻ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 37' 24"					F-48-58-C-a
làng Khôn Ván	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Nắc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 22"	106° 36' 45"					F-48-58-C-a
cầu Lạng Nắc	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 36' 40"					F-48-58-C-b
làng Lũng Khồm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 36' 37"					F-48-58-C-a
làng Nà Bềng	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 36' 41"					F-48-58-C-a
làng Nà Lầm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 37' 20"					F-48-58-C-a
thôn Nà Lốc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 33"	106° 36' 46"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mùm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 02"	106° 36' 53"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sên	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 21"	106° 36' 23"					F-48-58-C-a
thôn Sao Hạ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 55"	106° 36' 36"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng A	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 57"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng B	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 44"	106° 36' 49"					F-48-58-C-a
làng Thông Ngòi	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 44"	106° 36' 12"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 41' 22"	106° 37' 36"	F-48-58-C-a
thôn Tin Đèo	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 06"	106° 37' 38"					F-48-58-C-b
làng Tồng Cóm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
cầu Vằng Khèo	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 36' 11"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 16"	106° 37' 37"	21° 42' 00"	106° 40' 20"	F-48-58-C-a
đèo Kéo Gà	SV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 39' 58"					F-48-58-C-b
làng Khau Lếch	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 38' 31"					F-48-58-C-b
làng Khôn Khai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 39' 56"					F-48-58-C-b
làng Khôn Lầu	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Khôn Sào	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 48"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khoan	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 38' 51"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khuông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 13"	106° 38' 35"					F-48-58-C-b
thôn Khun Lồng	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 34"	106° 39' 36"					F-48-58-C-b
thôn Khun Tiếm	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 20"	106° 38' 50"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Chiềng	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 39"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Giai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 51"	106° 39' 29"					F-48-58-C-b
cầu Lạng Giai	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 58"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Nà Khòn	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 28"	106° 37' 47"					F-48-58-C-b
làng Nà Phiệt	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 39' 02"					F-48-58-C-b
thôn Pa Lái	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 46"	106° 38' 34"					F-48-58-C-b
sông Thương	TV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 22"	106° 37' 36"	21° 42' 02"	106° 40' 14"	F-48-58-C-b
làng Bờ Ái	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 01"	106° 35' 20"					F-48-58-C-b
súoi Cái	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 02"	106° 40' 43"	21° 36' 25"	106° 42' 09"	F-48-58-C-c
thôn Cũ Na	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 39' 58"					F-48-58-C-d
làng Dục Kít	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 49"	106° 38' 56"					F-48-58-C-b
núi Dục Nghiễn	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 22"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
làng Đin Đeng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 36"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Đồng Ghè	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 21"	106° 35' 25"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Mỏ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 37' 55"					F-48-58-C-b
đèo Hoan	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 12"	106° 38' 11"					F-48-58-C-d
núi Khao Đăm	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 00"	106° 34' 47"					F-48-58-C-c
làng Khuôn Dầu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 36' 24"					F-48-58-C-c
núi Khuôn Mạt	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 33"	106° 37' 50"					F-48-58-C-d
thôn Làng Hạ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 35' 42"					F-48-58-C-c
thôn Làng Hăng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 37' 06"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mùn	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 38' 03"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 36' 07"					F-48-58-C-c
khau Lầu	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 40' 31"					F-48-58-C-d
súoi Lịt	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 51"	106° 41' 08"	21° 36' 19"	106° 39' 22"	F-48-58-C-d
thôn Lũng Châu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 36' 35"					F-48-58-C-a
làng Nà Cai	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 35"	106° 38' 15"					F-48-58-C-b
làng Nà Ké	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 02"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
làng Nà Mỏ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 48"	106° 38' 36"					F-48-58-C-b
núi Nà Mỏ	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 37' 28"					F-48-58-C-d
làng Nà Xoong	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
súoi Pắc Piêng	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 36' 15"	21° 37' 31"	106° 36' 57"	F-48-58-C-a
làng Súoi Bốc	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 41' 16"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Suối Cái	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 41' 35"					F-48-58-C-d
làng Suối Mù	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 22"	106° 38' 14"					F-48-58-C-b
núi Thái Hòa	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 34' 05"					F-48-58-C-c
đèo Trang	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-c
núi Tu Lũng	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 34' 58"					F-48-58-C-c
cầu Tu Lũng	KX	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 52"	106° 35' 16"					F-48-58-C-c
làng Tung Pha	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 39"	106° 38' 43"					F-48-58-C-b
suối Vực Ngườm	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 45"	106° 37' 47"	21° 36' 00"	106° 35' 13"	F-48-58-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 04"	106° 32' 51"	21° 40' 22"	106° 36' 17"	F-48-58-C-c
thôn Chăm Pháng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 42"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Cón Phiang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 32' 51"					F-48-58-C-c
suối Dọc Trang	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 11"	106° 34' 50"	21° 38' 15"	106° 33' 54"	F-48-58-C-a
làng Đan Chuông	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 34"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
thôn Đông Mỏ	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Áng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 02"	106° 35' 38"					F-48-58-C-a
suối Khuôn Áng	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 39' 05"	106° 35' 38"	21° 39' 34"	106° 35' 10"	F-48-58-C-a
đèo Khuôn Bạc	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 42"	106° 35' 48"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Phang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 07"	106° 34' 59"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Thùng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
thôn Làng Cốc	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 58"	106° 35' 45"					F-48-58-C-a
thôn Làng Đẳng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 35' 43"					F-48-58-C-a
cầu Làng Đẳng	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 35' 35"					F-48-58-C-a
thôn Làng Thành	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 21"	106° 33' 13"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Tằng	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 33' 39"					F-48-58-C-c
thôn Mỏ Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 35' 49"					F-48-58-C-a
làng Nà Pa	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 26"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
thôn Núi Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 54"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
đèo Quao	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 03"	106° 34' 20"					F-48-58-C-c
thôn Than Muội	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 33' 00"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 37' 04"	106° 32' 34"	F-48-58-C-a
làng Trung	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 23"	106° 34' 28"					F-48-58-C-a
làng Yên Quang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 03"	106° 33' 59"					F-48-58-C-a
thôn Chợ Hoàng	DC	xã Thương Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Cồn Khê	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 01"	106° 34' 02"					F-48-58-C-a
làng Cồn Pằng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 59"	106° 33' 07"					F-48-58-C-a
làng Khôn Lân	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 54"	106° 34' 03"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Nghiêng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 19"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Sầu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 15"	106° 34' 10"					F-48-58-C-a
thôn Làng Nong	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Ca	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 34' 57"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Luông	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 35' 07"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Táng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 34' 15"					F-48-58-C-a
làng Nà Ang	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
thôn Nà Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 07"	106° 32' 53"					F-48-58-C-a
làng Nà Lũng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 12"	106° 35' 12"					F-48-58-C-a
thôn Nà Nưa	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 33' 34"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sầu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Quán Hàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 02"	106° 34' 13"					F-48-58-C-a
suối Tồng Nột	TV	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng			21° 42' 25"	106° 33' 41"	21° 41' 20"	106° 32' 53"	F-48-58-C-a
thôn Tồng Nột	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 33' 02"					F-48-58-C-a
thôn Cồ Hồng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 44' 47"	106° 47' 46"					F-48-58-C-a
thôn Hang Vải	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 47' 34"	106° 48' 54"					F-48-58-D-a
núi Kéo Phạ	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 49' 10"					F-48-58-B
núi Kéo Sao	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 55"	106° 49' 28"					F-48-58-B
thôn Khau Thung	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 47"					F-48-58-B
thôn Khôn Nao	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 48' 46"					F-48-58-B
thôn Làng Giồng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 54"	106° 48' 06"					F-48-58-B
làng Mây Tập	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 47' 54"					F-48-58-B
suối Nà Hà	TV	xã Văn An	H. Chi Lăng			21° 45' 43"	106° 46' 49"	21° 45' 10"	106° 46' 09"	F-48-58-D-a
thôn Nà Pằng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 44' 21"	106° 47' 50"					F-48-58-B-46-D
thôn Nà Thưa	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 47' 21"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
suối Nà Thưa	TV	xã Văn An	H. Chi Lăng			21° 43' 04"	106° 48' 01"	21° 47' 52"	106° 48' 49"	F-48-58-B
thôn Phai Mỏ	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 48"	106° 48' 05"					F-48-58-B
núi Phiang Sang	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 49' 36"					F-48-58-B
thôn Tả Riêng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 10"	106° 47' 44"					F-48-58-B
thôn Tả Sắn	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 29"	106° 46' 20"					F-48-58-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Long	DC	xã Vạn An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 36"					F-48-58-D-a
thôn Tân Minh	DC	xã Vạn An	H. Chi Lăng	21° 45' 24"	106° 48' 21"					F-48-58-B
khau Tậu	SV	xã Vạn An	H. Chi Lăng	21° 46' 57"	106° 49' 20"					F-48-58-B
núi Tềng Chấn	SV	xã Vạn An	H. Chi Lăng	21° 47' 17"	106° 48' 11"					F-48-58-B
thôn Tùng Mẩn	DC	xã Vạn An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 48' 50"					F-48-58-B
núi Bó	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 28' 41"					F-48-57-D-b
núi Bó Nội	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 29' 29"					F-48-57-D-b
núi Cài	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 28' 39"					F-48-57-D-b
làng Chang	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 28' 34"					F-48-57-D-b
làng Chọc Chay	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 17"	106° 30' 47"					F-48-58-C-a
núi Chùa	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Bay	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 17"	106° 29' 17"					F-48-57-D-b
đèo Cốc Chủ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 25"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Khê	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 26' 54"					F-48-57-D-b
núi Cốc Phầy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 28' 01"					F-48-57-D-b
núi Cốc Thuật	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 28' 15"					F-48-57-D-b
làng Đông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 28' 00"					F-48-57-D-b
thôn Đông Khao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 03"	106° 29' 52"					F-48-57-D-b
núi Đưng Hín	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 27' 45"					F-48-58-C-a
làng Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 05"	106° 27' 36"					F-48-57-D-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 19"	106° 27' 22"					F-48-57-D-b
làng Hoàng Sơn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 30' 14"					F-48-57-D-b
thôn Khun Đút	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 26' 45"					F-48-58-C-a
làng Lá Già	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 31"	106° 26' 38"					F-48-57-D-b
làng Lán Mán	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 25' 36"					F-48-57-D-b
thôn Làng Đăm	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 26' 49"					F-48-57-D-b
thôn Làng Hao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 29"	106° 26' 14"					F-48-57-D-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 05"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 30' 09"					F-48-57-D-b
núi Lũng Đắc	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 28' 21"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Luồng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 41' 07"	106° 28' 52"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Luồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 37"	106° 28' 45"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Na	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 27' 55"					F-48-57-D-b
núi Lũng Om	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Tàn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 20"	106° 28' 19"					F-48-57-D-b
lần Lũng Thứ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 09"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Cây	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 51"	106° 26' 35"					F-48-57-D-b
đèo Mỏ Cây	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 27' 09"					F-48-57-D-b
làng Mỏ Keng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 32"	106° 28' 11"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Rọ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 47"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
làng Nà Hìn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 14"	106° 27' 34"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lai	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 10"	106° 27' 41"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lấp	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 28' 34"					F-48-57-D-b
làng Nà Tềng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 47"	106° 27' 06"					F-48-57-D-b
làng Nà Xia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 33"	106° 29' 04"					F-48-57-D-b
núi Pá Lướt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 28' 20"					F-48-57-D-b
núi Pha Sải	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 28' 26"					F-48-57-D-b
núi Phất Si	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 46"	106° 28' 58"					F-48-57-D-b
thôn Phố Cũ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 45"	106° 30' 01"					F-48-58-C-a
thôn Phố Mới	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 29' 22"					F-48-57-D-b
làng Sả	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
làng San Mao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 30' 35"					F-48-58-C-a
núi Sẻ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 13"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
núi Ta Thị	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 26' 10"					F-48-57-D-b
núi Tác Ní	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 27' 21"					F-48-57-D-b
suối Tai Sên	TV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng			21° 38' 55"	106° 26' 37"	21° 37' 54"	106° 26' 29"	F-48-57-D
núi Xá Cây	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 27' 00"					F-48-57-D-b
thôn Xá Đán	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 29' 00"					F-48-57-D-b
núi Xá Khao	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 27' 11"					F-48-57-D-b
núi Xá Khao Đưng Hìn	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Xá Ngang	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 26' 31"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng			21° 43' 12"	106° 41' 19"	21° 46' 40"	106° 44' 20"	F-48-57-D-b
thôn Bản Dù	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
thôn Bản Thi	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 43' 47"					F-48-58-C-b
ga Bản Thi	KX	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 02"	106° 43' 48"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Bó Rươi	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 48' 03"	106° 44' 27"					F-48-58-A-d
làng Cỏ Hiên	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 56"	106° 43' 35"					F-48-58-A-d
làng Con Kheng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 10"	106° 42' 42"					F-48-58-A-d
làng Khau Chử	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 19"	106° 42' 52"					F-48-58-A-d
đèo Khau Phạ	SV	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 01"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
làng Nà Cam	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 25"	106° 43' 19"					F-48-58-A-d
làng Nà Khum	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 51"	106° 43' 51"					F-48-58-C-b
thôn Nà Lừ	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 15"	106° 43' 13"					F-48-58-C-b
làng Nà Mòng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 44"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
làng Nà Pá	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 08"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
thôn Nà Pát	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 45"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Phưốc	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 44' 01"					F-48-58-A-d
làng Nà Tái	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 42"					F-48-58-A-d
làng Nà Táng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 16"	106° 44' 18"					F-48-58-A-d
khau Pính	SV	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 34"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 1	KX	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 08"	106° 42' 13"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 4	KX	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 41' 32"					F-48-58-C-b
thôn Tinh Lũng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 42' 55"					F-48-58-C-b
làng Viên Sài	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 41' 37"					F-48-58-C-b
làng Bó Bẩn	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 28' 11"					F-48-57-D-d
làng Bó Loạc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 41"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Bó Mỏ	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 28' 43"					F-48-57-D-b
núi Bó Mù	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 27' 14"					F-48-57-D-b
làng Canh Tổng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 32"	106° 28' 19"					F-48-57-D-d
làng Đèo Tướng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 29' 08"					F-48-57-D-d
làng Đìn Đeng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 27"	106° 28' 14"					F-48-57-D-b
làng Đồng Tiến	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 29' 20"					F-48-57-D-d
thôn Giáp Thượng 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 20"	106° 29' 38"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 40"	106° 29' 03"					F-48-57-D-b
làng Gốc Hương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Keng Vải	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 04"	106° 27' 10"					F-48-57-D-d
làng Lán Khuyết	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 26' 11"					F-48-57-D-b
làng Lán Trám	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 46"	106° 27' 07"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lũng Áng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 29' 21"					F-48-57-D-d
làng Lũng Nội	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 31' 25"					F-48-58-C-a
làng Lũng Tát	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 28' 35"					F-48-57-D-d
núi Lũng Vải	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 43"	106° 29' 28"					F-48-57-D-b
thôn Nà Cà 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 30' 39"					F-48-58-C-a
thôn Nà Cà 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 31' 10"					F-48-58-C-a
làng Nà Mèo	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 24"	106° 28' 26"					F-48-57-D-d
suối Nà Tang	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 12"	106° 29' 55"	21° 35' 53"	106° 28' 32"	F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 35"	106° 29' 07"					F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 36"	106° 28' 23"					F-48-57-D-d
làng Nặm Tà	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 16"	106° 29' 44"					F-48-57-D-b
núi Nặm Tà	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
suối Nặm Tà	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 43"	106° 29' 25"	21° 38' 29"	106° 29' 42"	F-48-57-D-b
núi Pa Mìn	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 34' 25"	106° 26' 48"					F-48-57-D-d
núi Sa Sáy	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
thôn Thạch Lương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 30' 07"					F-48-58-C-c
thôn Thần Lăng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 36"	106° 27' 38"					F-48-57-D-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 23"	106° 29' 26"					F-48-57-D-d
làng Tùng Nau	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 18"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d
làng Xa Cút	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 28' 27"					F-48-57-D-d
làng Xiệc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 44"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
khu 1	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 47"	107° 05' 52"					F-48-59-C-c
khu 2	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 59"	107° 05' 43"					F-48-59-C-c
khu 3	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 21"	107° 05' 15"					F-48-59-C-c
quốc lộ 31	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 18"	107° 06' 25"	21° 32' 33"	107° 05' 26"	F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 31"	107° 06' 14"	21° 33' 27"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
suối Đình Lập	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 47"	107° 06' 08"	21° 32' 58"	107° 04' 43"	F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 1	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 06"	107° 05' 32"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 2	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 53"	107° 05' 42"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 3	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 05' 53"					F-48-59-C-c
núi Khuổi In	SV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 57"	107° 06' 00"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 35"	107° 06' 16"	21° 32' 37"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
cầu Nà Phèo	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 05' 22"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 02' 38"					F-48-71-A-a
khu 2	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 51"	107° 01' 54"					F-48-71-A-a
khu 3	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 53"	107° 01' 16"					F-48-71-A-a
khu 4	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 54"	107° 01' 13"					F-48-71-A-a
khu 5	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 35"	107° 01' 05"					F-48-71-A-a
khu 6	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	107° 01' 22"					F-48-71-A-a
cầu 20	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 26"	107° 01' 00"					F-48-71-A-a
cầu 21	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 40"	107° 01' 09"					F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 29' 28"	107° 02' 34"	21° 27' 16"	107° 00' 44"	F-48-71-A-a
công ty CP chè Thái Bình - Lạng Sơn	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 01' 23"					F-48-71-A-a
sông Bản Mực	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 15"	107° 00' 53"	21° 28' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
suối Đông Sao	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 27' 25"	107° 00' 47"	21° 27' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập							F-48-71-A-a
cầu Pắc Lạng	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 33"	21° 28' 59"	107° 01' 10"	F-48-71-A-a
đồi Pốt	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 02"	107° 01' 28"					F-48-71-A-a
khau Trĩ	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 30"	107° 01' 07"					F-48-71-A-a
quốc lộ 4B	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 03"	107° 01' 46"					F-48-71-A-a
thôn Bản Hà	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 52"	107° 12' 37"					F-48-71-A-a
cầu Bản Hà	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 13"	107° 14' 56"					F-48-71-A-b
núi Khau Pha	SV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 05"	107° 14' 59"					F-48-71-B-a
thôn Khé Cây	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 54"	107° 11' 24"					F-48-71-A-b
cầu Khé Cây	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 20"	107° 12' 50"					F-48-71-A-b
bản Khé Há	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 26"	107° 13' 13"					F-48-71-A-b
suối Khé Há	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 23' 23"	107° 10' 55"					F-48-71-A-b
thôn Khé Lím	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 08"	107° 14' 35"	21° 24' 23"	107° 15' 44"	F-48-71-A-b
thôn Khé Mỏ	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 17"	107° 14' 46"					F-48-71-A-b
cầu Khé Mỏ	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 46"	107° 14' 15"					F-48-71-A-b
thôn Khé Pạc	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 55"	107° 14' 02"					F-48-71-A-b
suối Khé Phạ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 37"	107° 13' 41"					F-48-71-A-b
thôn Khé Trôi	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 24"	107° 11' 15"	21° 23' 24"	107° 10' 20"	F-48-71-A-b
suối Khé Trôi	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 11"	107° 12' 23"					F-48-71-A-b
thôn Khé Váp	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 12' 34"	21° 24' 55"	107° 14' 02"	F-48-71-A-b
			H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 10' 45"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Váp	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 22' 38"	107° 10' 16"	21° 22' 06"	107° 10' 25"	F-48-71-A-b
làng Nà Pèo	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 36"	107° 13' 01"					F-48-71-A-b
thôn Nà Phai	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 19"	107° 13' 29"					F-48-71-A-b
sông Phố Cũ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 28' 00"	107° 12' 38"	21° 24' 39"	107° 15' 10"	F-48-71-A-b
thôn Bắc Xa	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 24"	107° 20' 29"					F-48-59-D
núi Bạch Thịnh	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 33"	107° 16' 12"					F-48-59-D
thôn Bản Ván	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 15' 14"					F-48-59-D
thôn Bản Háng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 54"	107° 17' 24"					F-48-59-D
thôn Bản Mạ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 41' 10"	107° 18' 30"					F-48-59-D
suối Bản Mạ	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 17"	107° 19' 43"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
suối Bản Quỳ	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 32"	107° 15' 13"	21° 39' 52"	107° 16' 10"	F-48-59-D
thôn Bản Quỳ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 25"	107° 16' 00"					F-48-59-D
núi Cao Kiết Sơn	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 09"	107° 15' 09"					F-48-59-D
bản Chè Mừng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 09"	107° 19' 15"					F-48-59-D
suối Chè Mừng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 38' 33"	107° 21' 31"	21° 40' 15"	107° 19' 43"	F-48-59-D
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 01"	107° 16' 42"					F-48-59-D
thôn Kéo Cẩn	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 53"	107° 15' 53"					F-48-59-D
núi Kéo Máy	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 19' 41"					F-48-59-D
suối Kéo Máy	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 36' 27"	107° 19' 15"	21° 38' 38"	107° 18' 44"	F-48-59-D
núi Khiếu Pải	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 44' 19"	107° 17' 33"					F-48-59-D
núi Kho Bùng	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 05"	107° 21' 31"					F-48-59-D
núi Khuổi Bật	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 33"	107° 19' 21"					F-48-59-D
cầu Khuổi Chanh	KX	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 15"	106° 18' 02"					F-48-59-D
thôn Khuổi Sầu	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 13"	107° 17' 33"					F-48-59-D
suối Khuổi Tà	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 47"	107° 19' 35"	21° 37' 10"	107° 15' 55"	F-48-59-D
bản Khuổi Tà	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 53"	107° 19' 05"					F-48-59-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 18"	107° 17' 41"					F-48-59-D
núi Nà Khang	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 57"	107° 16' 04"					F-48-59-D
thôn Nà Thuộc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 26"	107° 15' 30"					F-48-59-D
thôn Nè Pẻ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 42"	107° 19' 44"					F-48-59-D
núi Ngàn La	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 30"	107° 18' 35"					F-48-59-D
núi Pác Cát	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 03"	107° 18' 20"	21° 41' 06"	107° 18' 22"	F-48-59-D
suối Song Phe	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập							F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tấn Lầu	DC	xã Bắc Xá	H. Đình Lập	21° 38' 32"	107° 16' 02"					F-48-59-D
thôn Tấp Tĩnh	DC	xã Bắc Xá	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 17' 16"					F-48-59-D
suối Tấp Tĩnh	TV	xã Bắc Xá	H. Đình Lập			21° 43' 38"	107° 15' 58"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
quốc lộ 31	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 44' 01"	107° 11' 50"	21° 34' 09"	107° 07' 56"	F-48-59-C
thôn Bản Chất	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 42' 50"	107° 10' 22"					F-48-59-C
thôn Bản Mọi	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 58"	107° 07' 44"					F-48-59-C
suối Bản Mọi	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
khau Bang	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	20° 49' 56"	107° 10' 11"			21° 37' 55"	107° 08' 05"	F-48-59-C
suối Cồn Cà	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
làng Cồn Khưa	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 18"	107° 07' 55"			21° 37' 37"	107° 08' 04"	F-48-59-C
cầu Cồn Khưa	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 15"	107° 07' 58"					F-48-59-C-d
thôn Cồn Phiêng	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 38' 36"	107° 08' 44"					F-48-59-C-d
suối Cồn Phiêng	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
núi Hua Phụ	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 38' 31"	107° 05' 24"			21° 38' 35"	107° 06' 35"	F-48-59-C
núi Kéo Kham	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 25"	107° 06' 12"					F-48-59-C
núi Kéo Yáo	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 42' 04"	107° 09' 29"					F-48-59-C-c
núi Khau Háy	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 56"	107° 10' 10"					F-48-59-C
suối Khuổi Coong	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
suối Khuổi Giáo	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
núi Khuổi Ngòi	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 40' 11"	107° 06' 12"	21° 34' 15"	107° 08' 57"	21° 35' 44"	107° 08' 47"	F-48-59-C
núi Khuổi O	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 41' 28"	107° 07' 46"	21° 42' 13"	107° 14' 09"	21° 42' 31"	107° 12' 21"	F-48-59-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
bản Lâm Trường 1	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 07"	21° 38' 35"	107° 10' 25"	21° 40' 37"	107° 05' 53"	F-48-59-C
núi Mây Sùng	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 60"	107° 05' 51"					F-48-59-C
núi Mu	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 40' 03"	107° 06' 07"					F-48-59-C
suối Nà Bó	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
cầu Nà Khuông	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 52"	107° 08' 26"	21° 36' 33"	107° 08' 09"	21° 35' 54"	107° 08' 22"	F-48-59-C
thôn Nà Lâm	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 42' 26"	107° 11' 05"					F-48-59-C-d
suối Nà Lâm	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 42' 31"	107° 12' 21"			F-48-59-C
thôn Nà Loông	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 38' 15"	107° 08' 51"					F-48-59-C
suối Nà Loông	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 38' 24"	107° 08' 40"	21° 39' 30"	107° 09' 44"	F-48-59-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 21"	107° 09' 02"					F-48-59-C
suối Nà Lừa	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 36' 49"	107° 08' 33"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Lừa	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 01"	107° 08' 37"					F-48-59-C-d
bản Nà Nghiêu	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 58"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
suối Nà Nghiêu	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập							F-48-59-C
cầu Nà Phạ	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 08' 30"					F-48-59-C-d
bản Nà Phạ	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 39"	107° 08' 28"					F-48-59-C-d
bản Nà Sang	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 40"	107° 08' 43"					F-48-59-C
núi Niu Lục Duốc	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 07' 02"					F-48-59-C
thôn Pàn Mò	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 33"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
cầu Pàn Mò 2	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 42"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
thôn Pò Háng	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 30"					F-48-59-C
thôn Pò Mát	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 34' 53"	107° 07' 46"					F-48-59-C-d
thôn Pò Phi Sương	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 57"	107° 07' 51"					F-48-59-C
núi Pò Toong Pục	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 44' 14"	107° 11' 21"					F-48-59-C
khau Sam chom	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 43' 21"	107° 12' 36"					F-48-59-C
núi Siam Siếu	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 51"	107° 06' 23"					F-48-59-C
thôn Tiên Phi	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 41' 27"	107° 06' 48"					F-48-59-C
thôn Trung tâm Lâm Nghiệp 2	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 48"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 22"	107° 08' 40"					F-48-59-C-d
khau Vương	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 34' 41"	107° 07' 03"					F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			20° 58' 39"	107° 08' 09"	21° 25' 52"	107° 12' 37"	F-48-71-A-b
núi Kéo Tầm	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 30' 14"	107° 11' 46"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 12' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Cay	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 28' 26"	107° 10' 01"	21° 28' 26"	107° 10' 01"	F-48-71-A-b
thôn Khe Cù	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 28"	107° 10' 36"					F-48-71-A-b
suối Khe Cù	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 27' 38"	107° 10' 38"	21° 26' 44"	107° 09' 36"	F-48-71-A-b
cầu Khe Cù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 38"	107° 10' 38"					F-48-71-A-b
thôn Khe Diêng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 09' 29"					F-48-71-A-b
thôn Khe Luồng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 42"	107° 11' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 41"	107° 10' 56"	21° 27' 11"	107° 11' 33"	F-48-71-A-b
cầu Khe Mù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 02"	107° 11' 13"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mùn	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 19"	107° 10' 01"					F-48-71-A-b
suối Khe Pắn	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 54"	107° 12' 41"	21° 26' 25"	107° 12' 24"	F-48-71-A-b
thôn Khe Pắn Giữa	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 50"	107° 12' 28"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mào Bao	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 06"	107° 10' 29"							F-48-71-A-b
núi Mo A	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 30"	107° 08' 10"							F-48-71-A-b
thôn Nà Hạng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 07"	107° 11' 26"							F-48-71-A-b
thôn Nà Loóng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 04"	107° 11' 08"							F-48-71-A-b
thôn Nà Nát	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 21"	107° 12' 17"							F-48-71-A-b
thôn Nà Van	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 15"	107° 09' 04"							F-48-71-A-b
cầu Nà Van	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 21"	107° 09' 07"							F-48-71-A-b
thôn Nà Y	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 49"	107° 11' 38"							F-48-71-A-b
số 1 Nam Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 08' 36"	21° 26' 01"	107° 12' 38"			F-48-71-A-b
núi Tầm Muồng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 40"	107° 08' 46"							F-48-71-A-b
quốc lộ 4B	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 10"	107° 05' 13"			21° 31' 34"	107° 07' 14"	20° 58' 39"	107° 08' 10"	F-48-71-A-b
thôn Bản Chuồn	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập									F-48-59-C-d
số 1 Bản Chuồn	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập									F-48-59-C-c
số 1 Bản Pe	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập									F-48-59-C-c
thôn Bản Pila	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 05"	107° 06' 02"							F-48-71-A-a
bản Bản Xum	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 34"	107° 04' 50"							F-48-71-A-a
núi Cậm Sác	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 06' 52"							F-48-59-C-c
núi Chom Luồng	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 18"	107° 04' 57"							F-48-59-C-c
thôn Đồng Khoang	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 39"	107° 06' 22"							F-48-59-C-c
số 1 Đồng Khoang	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập					21° 30' 27"	107° 06' 24"	21° 27' 19"	107° 06' 35"	F-48-59-C-c; F-48-71-A-b
khau Kéo Phúc	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 06' 17"							F-48-59-C-c
thôn Khe Bó	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 45"	107° 07' 16"							F-48-71-A-a
số 1 Khe Bó	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập									F-48-71-A-a
bản Khe Luồng	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 28"	107° 03' 33"			21° 29' 52"	107° 06' 56"	21° 29' 52"	107° 06' 58"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập									F-48-71-A-a
núi Mao Lài	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 39"							F-48-71-A-a
bản Nà Cà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 36"	107° 02' 56"							F-48-71-A-a
khau Phi Sương	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 30"	107° 07' 35"							F-48-71-A-b
núi Pò Điền	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 10"	107° 02' 57"							F-48-59-C-d
thôn Quang Hoà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 08' 04"							F-48-71-A-a
cầu Quang Hoà	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 57"	107° 07' 49"							F-48-59-C-d
quốc lộ 31	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 18"	107° 03' 11"	21° 34' 12"	107° 08' 10"			F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối					
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)				
Quốc lộ 4B	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập										
thôn Bán Chuông	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 35' 29"	107° 03' 17"								F-48-59-C-c
cầu Bình Chương	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 01"	107° 04' 27"								F-48-59-C-c
thôn Bình Chương 1	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 13"	107° 04' 16"								F-48-59-C-c
bán Châu Mỏ	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 06"	107° 04' 29"								F-48-59-C-c
bán Cón Ấng	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 33' 19"	107° 02' 59"								F-48-59-C-c
suối Cón Chi	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 35' 51"	107° 01' 31"	21° 35' 29"	107° 03' 09"				F-48-59-C-c
thôn Cón Đường	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 33' 50"	107° 04' 55"								F-48-59-C-c
thôn Cón Mỏ	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 34' 59"	107° 04' 35"								F-48-59-C-c
thôn Cón Quan	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 37' 47"	107° 03' 44"								F-48-59-C
thôn Cón Sung	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 36' 23"	107° 02' 02"								F-48-59-C-c
cầu Cón Sung	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 36' 27"	107° 02' 07"								F-48-59-C-c
bán Cón Tầm	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 33' 52"	107° 02' 20"								F-48-59-C-c
suối Cón Tầm	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 33' 47"	107° 02' 28"	21° 32' 11"	107° 04' 22"				F-48-59-C-c
núi Cóc Ngánh	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 36' 01"	107° 05' 10"								F-48-59-C-c
khuai Dải	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 28"	107° 03' 05"								F-48-59-C-c
khởi Hẩu	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 33' 00"	107° 06' 25"	21° 32' 47"	107° 06' 07"				F-48-59-C-c
bán Kéo Cọ	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 38' 50"	107° 03' 31"								F-48-59-C
thôn Khe Mạ	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 04"	107° 06' 45"								F-48-59-C-c
thôn Khe Vuông	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 33' 23"	107° 06' 54"								F-48-59-C-c
cầu Khe Vuông	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 33' 23"	107° 06' 59"								F-48-59-C-c
núi Khuổi Cải	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 31' 19"	107° 04' 19"								F-48-59-C-c
thôn Kim Quán	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 41"	107° 04' 15"								F-48-59-C-c
suối Làng Em	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 34' 48"	107° 05' 11"	21° 35' 19"	107° 04' 08"				F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 38' 36"	107° 00' 14"	21° 32' 35"	107° 06' 16"				F-48-59-C-c
khởi Luông	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 36' 19"	107° 05' 34"	21° 34' 25"	107° 04' 11"				F-48-59-C-c
khe Mạ	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 32' 25"	107° 07' 09"	21° 32' 35"	107° 06' 16"				F-48-59-C-c
núi Mẻ Mải	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 35' 22"	107° 05' 29"								F-48-59-C-c
khởi Mùn	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 36' 54"	107° 02' 44"	21° 35' 38"	107° 03' 01"				F-48-59-C-c
bán Nà Dặc	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 38' 14"	107° 03' 31"								F-48-59-C
núi Nà Khau	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 52"	107° 04' 21"								F-48-59-C-c
bán Nà Lắc	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 56"	107° 03' 23"								F-48-59-C-c
thôn Nà Pá	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 35' 47"	107° 02' 58"								F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Pả	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 40"	107° 03' 01"					F-48-59-C-c
núi Nà Tằng	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 05' 51"					F-48-59-C-c
sườn Nà Tằng	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 31' 47"	107° 05' 57"	21° 31' 57"	107° 04' 31"	F-48-59-C-c
khởi Nương	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 02"	107° 01' 54"	21° 33' 47"	107° 02' 28"	F-48-59-C-c
núi Phà Lác	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 56"	107° 03' 09"					F-48-59-C-c
thôn Phát Chỉ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 08' 24"					F-48-59-C-c
thôn Pò Khoang	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 40' 27"	107° 04' 06"					F-48-59-C-c
thôn Pò Tầu	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 03' 43"					F-48-59-C
cầu Pò Tầu	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 15"	107° 03' 37"					F-48-59-C-c
bản Pò Vánh	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 21"	107° 06' 21"					F-48-59-C-c
khau Sam Chom	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 20"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khởi Sáy	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 10"	107° 06' 09"					F-48-59-C-c
núi Sum Ngần	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 03"	107° 03' 50"					F-48-59-C-c
thôn Tà Hòn	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 02"	107° 03' 55"					F-48-59-C-c
cầu Tà Hòn	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 03' 34"					F-48-59-C-c
khau Úc	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 27' 19"	107° 06' 35"	21° 25' 02"	107° 07' 14"	F-48-71-A-a
sông Đồng Quy	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập							F-48-71-A-a
núi Khe Buồng	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 28' 20"	107° 06' 08"					F-48-71-A-a
núi Khe Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 58"	107° 10' 33"					F-48-71-A-b
thôn Khe Lạn	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 19"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
sườn Khe Lạn	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 24' 10"	107° 08' 38"	21° 22' 55"	107° 08' 00"	F-48-71-A-b
thôn Nà Ngòi	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 28' 41"	107° 06' 40"					F-48-71-A-a
thôn Nà Quan	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 49"	107° 07' 23"					F-48-71-A-a
thôn Nà Soong	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 25' 06"	107° 07' 07"					F-48-71-A-a
bản Pắc Cốc	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 04"	107° 08' 02"					F-48-71-A-b
thôn Pắc Dầu	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 54"	107° 06' 54"					F-48-71-A-a
núi Pắc Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 06' 05"					F-48-71-A-a
thôn Bản Chạo	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 39' 08"	107° 11' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Có	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 49"	107° 11' 28"					F-48-59-C-d
sườn Bản Có	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 24"	107° 11' 37"	21° 37' 02"	107° 11' 36"	F-48-59-C-d
thôn Bản Hạng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 38' 58"	107° 11' 29"					F-48-59-C-d
thôn Bản Lự	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 50"	107° 13' 60"					F-48-59-C
thôn Bản Mực	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 10"	107° 12' 55"					F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súối Bản Mực	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 35' 08"	107° 13' 40"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
thôn Bản Phục	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 37' 13"	107° 11' 19"					F-48-59-C-d
thôn Bản Pía	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 37' 57"	107° 10' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Tăng	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 35' 41"	107° 14' 15"					F-48-59-C-d
súối Bản Tăng	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 35' 53"	107° 14' 12"	21° 37' 47"	107° 13' 28"	F-48-59-C-d
bản Bản Tầm	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 34' 01"	107° 11' 22"					F-48-59-C-d
khe Bùng	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 34' 03"	107° 10' 28"	21° 34' 55"	107° 10' 56"	F-48-59-C-d
thôn Hìn Đăm	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 33' 43"	107° 09' 13"					F-48-59-C-d
súối Khau Cát	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 41' 27"	107° 13' 16"	21° 38' 30"	107° 10' 59"	F-48-59-C
bản Khau Dịu	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 12' 01"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	20° 35' 56"	107° 12' 20"					F-48-59-C-d
núi Khau Mè	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 38' 26"	107° 10' 09"					F-48-59-C
núi Khau Sao	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 33' 14"	107° 08' 24"					F-48-59-C-d
thôn Khe Bùng	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 33' 54"	107° 10' 05"					F-48-59-C-d
thôn Khe Luồng	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 31' 58"	107° 10' 31"					F-48-59-C-d
súối Khe Luồng	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 31' 05"	107° 12' 05"	21° 30' 23"	107° 11' 08"	F-48-59-C-d
súối Khe Moong	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 33' 54"	107° 11' 59"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
núi Khuổi Luồng	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 13' 26"					F-48-59-C
núi Khuổi Mỏ	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 14' 20"					F-48-59-C
sông Kỳ Cung	TV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập			21° 37' 46"	107° 14' 31"	21° 38' 35"	107° 10' 25"	F-48-59-C-d
núi Móng Vài	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 31' 06"	107° 11' 44"					F-48-59-C
thôn Bắc Thút	DC	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 37' 38"	107° 12' 57"					F-48-59-C
núi Quang Hoà	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 31' 29"	107° 10' 44"					F-48-59-C-d
khau Sung Khòn	SV	xã Kiên Mực	H. Đình Lập	21° 40' 49"	107° 12' 15"					F-48-59-C
thôn Bản Lạn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 57"	107° 03' 08"					F-48-71-A-a
bản Bình Lâm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 03"	107° 01' 08"					F-48-71-A-c
bản Bình Thắng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 21"	107° 04' 54"					F-48-71-A-a
núi Cao Lương	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 00"	107° 01' 41"					F-48-71-A-a
núi Cao Phầy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 23"	107° 03' 34"					F-48-71-A-a
khuổi Chim	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 08"	107° 02' 46"	21° 22' 23"	107° 01' 41"	F-48-71-A-c
núi Cốc Mười	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 21"	107° 02' 12"					F-48-71-A-c
khuổi Dăm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 00' 07"	21° 25' 34"	107° 01' 18"	F-48-71-A-a
khau Đông Sao	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 41"	107° 02' 01"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
khuai Giảng	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 35"	106° 59' 47"						F-48-70-B-b
núi Khao Tân	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 37"	106° 59' 25"						F-48-70-B-b
núi Khau Cài	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 11"	107° 02' 09"						F-48-71-A-a
bản Khe Buồng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 22"	107° 05' 20"						F-48-71-A-a
suối Khe Buồng	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 05' 04"	21° 25' 03"	107° 03' 53"		F-48-71-A-a
thôn Khe Ca	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 01' 38"						F-48-71-A-a
thôn Khe Chim	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 32"	107° 02' 21"						F-48-71-A-c
thôn Khe Dầm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 45"	107° 01' 02"						F-48-71-A-a
thôn Khe Lầm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 16"	107° 04' 45"						F-48-71-A-a
thôn Khe Sen	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 04' 07"						F-48-71-A-c
suối Khe Sen	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 52"	107° 04' 11"	21° 22' 15"	107° 04' 32"		F-48-71-A-c
thôn Khe Xiéc	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 25"	106° 59' 48"						F-48-71-A-c
kuổi Lầm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 28"	107° 05' 11"	21° 24' 29"	107° 04' 37"		F-48-70-B-b
kuổi Lấp	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 21"	107° 02' 02"	21° 26' 12"	107° 01' 34"		F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 09"	107° 03' 53"	21° 23' 24"	106° 59' 07"		F-48-71-A-a
kuổi Mười	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 05"	107° 02' 14"	21° 21' 20"	107° 01' 46"		F-48-71-A-c
thôn Nà Cút	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 32"	107° 03' 56"						F-48-71-A-a
khuai Na Đình	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 02"	107° 00' 19"						F-48-71-A-c
bản Nà Khu	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 49"	107° 03' 57"						F-48-71-A-a
thôn Pá Pháy	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 37"	107° 00' 14"						F-48-71-A-a
thôn Pắc Vắn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 53"	107° 01' 34"						F-48-71-A-c
khuai Phạ Khả	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 20' 34"	107° 00' 57"						F-48-71-A-a
núi Phạ Lở	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 37"	107° 00' 37"						F-48-71-A-c
núi Pò Phầy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 41"	107° 00' 25"						F-48-71-A-a
kuổi Soong	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 00' 19"	21° 25' 41"	107° 01' 13"		F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 19"	107° 03' 11"	21° 29' 28"	107° 02' 34"		F-48-59-C-c
thôn Bản Chu	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 53"	106° 58' 44"						F-48-59-C-c
thôn Bản Mực	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	106° 59' 54"						F-48-70-B-b
thôn Bản Piềng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 15"	106° 58' 33"						F-48-70-B-b
suối Đông Mỏ	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 33' 23"	107° 00' 46"	21° 32' 50"	107° 01' 30"		F-48-70-B-d
núi Khau Cút	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 54"	107° 00' 51"						F-48-59-C-c
núi Khau O	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 46"	107° 00' 06"						F-48-71-A-a
núi Khau Trạng	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 36"	107° 02' 17"						F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Cháy	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 40"	107° 02' 19"					F-48-59-C-c
suối Khe Cháy	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập							F-48-59-C-c
cầu Khe Cháy	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 02' 29"	21° 30' 59"	107° 01' 14"	21° 30' 39"	107° 02' 23"	F-48-59-C-c
suối Khe Đa	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập							F-48-59-C-c
thôn Khe Đa 1	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 29"	107° 01' 15"	21° 30' 59"	107° 01' 45"	F-48-59-C-c
thôn Khe Đa 2	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Hìn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
núi Khe Hìn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 39"	106° 54' 31"					F-48-70-B-b
thôn Khe Sắn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 33"	106° 57' 50"					F-48-70-B-b
bản Khuổi Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 33' 25"	107° 00' 42"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Cọ	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 42"	107° 00' 04"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Tân	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 59"	106° 55' 23"					F-48-70-B-b
sông Lục Nam	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 32' 30"	107° 01' 44"					F-48-59-C-c
khu Mào Lạnh	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 40"	107° 01' 25"	21° 31' 17"	107° 03' 12"	21° 29' 27"	107° 02' 35"	F-48-59-C-c
khu Mào Tầm	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 34' 08"	107° 01' 09"					F-48-71-A-a
bản Nà Hìn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 53"	106° 57' 34"					F-48-59-C-c
bản Nà Luống	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 44"	107° 02' 53"					F-48-70-B-b
bản Nà Phai	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	106° 58' 07"					F-48-59-C-c
bản Nà Vàng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 04"	106° 57' 11"					F-48-70-B-b
hồ Pắc Láng	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 24"	107° 00' 38"					F-48-70-B-b
cầu Pắc Vàng	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 59"	107° 02' 52"					F-48-71-A-a
khu Phai Sào	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 32"	107° 00' 03"					F-48-59-C-c
thôn Vằng Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 18"	107° 01' 30"					F-48-71-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 29' 58"	106° 19' 50"	F-48-59-C-c
khu Cầu Mươi	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 37"	106° 20' 02"					F-48-57-D-c
khu Na Đầu	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 53"	106° 20' 31"					F-48-57-D-c
khu Tân Mỹ	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 21' 25"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 32' 38"	106° 22' 31"	21° 33' 21"	106° 26' 02"	F-48-57-D-d
thôn Ba Nàng	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 22' 56"					F-48-57-D-d
núi Cao Bằng	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Chùa Am	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 16"	106° 23' 31"					F-48-57-D-d
thôn Đă Đò	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 19"	106° 23' 35"					F-48-57-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 09"	106° 25' 09"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 04"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Thuộc	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 31"	106° 23' 21"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trảnh	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 25' 52"					F-48-57-D-d
làng Gián	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 43"					F-48-57-D-d
thôn Hồng Châu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Lăng Bến	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 45"	106° 23' 34"					F-48-57-D-d
đèo Lừa	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 35"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng		21° 31' 00"	106° 23' 17"		21° 32' 49"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Văn Tảo	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 27"	106° 25' 19"					F-48-57-D-d
núi Xã Vện	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
thôn Ao Lão	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 02"	106° 17' 19"					F-48-57-D-c
rừng Bãi Lạc	KX	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 39"	106° 17' 24"					F-48-69-B-a
thôn Bản Mới	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 15"	106° 17' 13"					F-48-57-D-c
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 15' 51"					F-48-57-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 32"	106° 17' 10"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 30"	106° 16' 23"					F-48-57-D-c
thôn Giồng	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 31"	106° 14' 37"					F-48-57-C-d
thôn Lương	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 15' 09"					F-48-69-B-a
thôn Phú Đồ	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 05"	106° 16' 45"					F-48-57-D-c
thôn Suối Trảng	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 16' 06"					F-48-57-D-c
suối Trảng	TV	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng		21° 31' 13"	106° 16' 19"		21° 30' 47"	106° 15' 55"	F-48-57-D-c
thôn Văn	DC	xã Đồ Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 23"	106° 16' 29"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng		21° 30' 55"	106° 21' 15"		21° 32' 37"	106° 22' 36"	F-48-57-D-d
thôn Bãi Vàng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 20' 40"					F-48-57-D-c
thôn Bến Kim	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 08"	106° 22' 57"					F-48-57-D-d
làng Cây Chầy	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 05"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Heo	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 20' 30"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lai	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 38"	106° 21' 29"					F-48-57-D-c
thôn Góc Me	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 55"	106° 22' 09"					F-48-57-D-c
thôn Lăng Cẩn	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 22' 16"					F-48-57-D-c
thôn Lăng Ngọc	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
núi Nón	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 14"	106° 21' 02"					F-48-57-D-c
đèo Phiêu	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 33' 24"	106° 22' 12"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Rừng Dong	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 21' 36"					F-48-57-D-c
thôn Sậy Hạ	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 29' 52"	106° 21' 47"					F-48-69-B-a
thôn Sậy Thượng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 11"	106° 22' 02"					F-48-57-D-c
làng Ba Trăm	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 45"	106° 12' 59"					F-48-57-C-d
trại Cao	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 22"	106° 10' 26"					F-48-57-C-d
hồ Chiến thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 10' 45"					F-48-57-C-d
mương Chiến Thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 30' 46"	106° 12' 24"	21° 30' 55"	106° 10' 49"	F-48-57-C-d
làng Công Sur	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 10' 33"					F-48-57-C-d
thôn Địa Phận	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 12' 28"					F-48-57-C-d
suối Lân Bạc	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng							F-48-57-C-d
thôn Lân Châm - Đèo Cáo	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 11' 14"					F-48-57-C-d
thôn Lân Luồng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 12' 07"					F-48-57-C-d
thôn Lân Cà	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 21"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Lân Già	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 25"	106° 11' 58"					F-48-57-C-d
thôn Lân Quặng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 47"	106° 11' 12"					F-48-57-C-d
thôn Liên Phương	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Mỏ Am	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 10' 49"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Hương	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 53"	106° 10' 41"	21° 31' 21"	106° 10' 41"	F-48-57-C-d
trại giam Ngọc Lý 1	KX	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 12"	106° 12' 53"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Già	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 24"	106° 23' 40"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Sơn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 24' 07"					F-48-57-D-d
làng Già Thọ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 10"	106° 22' 28"					F-48-57-D-d
làng Nà Leng	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 22' 57"					F-48-69-B-b
làng Nà Tầm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 22' 57"					F-48-69-B-b
thôn Nà Ví	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 24' 27"					F-48-57-D-d
thôn Phố Vị	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 09"	106° 23' 03"					F-48-57-D-d
thôn Sơn Hồ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 40"	106° 22' 39"					F-48-57-D-d
thôn Tầm Nhâm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 56"	106° 22' 47"					F-48-69-B-b
thôn Tân Hoa	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 13"	106° 23' 46"					F-48-69-B-b
sông Thương	TV	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 21' 58"					F-48-57-D-d
thôn Trại Nhạn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 10"	21° 28' 35"	106° 22' 04"	F-48-69-B-a
núi Bến Ngạn	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 29' 07"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
núi Canh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 42"	106° 16' 43"					F-48-69-B-b
	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 21"	106° 18' 29"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lốc	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 20"	106° 17' 32"					F-48-57-D-c
núi Hút Tre	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 26"	106° 20' 18"					F-48-57-D-a
đèo Kênh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 31"	106° 18' 17"					F-48-57-D-c
núi Kha	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 55"	106° 19' 01"					F-48-57-D-a
núi Lái Xe	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 17' 42"					F-48-57-D-c
đèo Lán Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 19' 02"					F-48-57-D-a
núi Lán Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 17"	106° 19' 14"					F-48-57-D-a
núi Lán De	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 40"	106° 17' 17"					F-48-57-D-a
núi Lán Đồ	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 45"	106° 19' 56"					F-48-57-D-a
núi Lán Rươi	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 09"	106° 18' 21"					F-48-57-D-a
núi Ngang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 44"	106° 16' 07"					F-48-57-D-a
thôn Non Hương	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 14"	106° 17' 57"					F-48-57-D-a
thôn Tô Hiệu	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 33"					F-48-57-D-c
thôn Tráng	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 38"	106° 17' 06"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 34' 56"	106° 16' 35"	F-48-57-D-c
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 17' 12"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng							F-48-57-D-c
suối Cây Đu	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 14"	106° 28' 49"	21° 31' 25"	106° 29' 52"	F-48-57-D-d
xóm Cây Hồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 28' 37"					F-48-57-D-d
thôn Châm Non	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 26' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Sáu	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 48"	106° 27' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Tư	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 42"	106° 27' 03"					F-48-57-D-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 37"	106° 28' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Luồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
xóm Góc Đa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 31"	106° 28' 06"					F-48-57-D-d
núi Khau Hồ	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 12"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
suối Luộc	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 32' 55"	106° 29' 49"	21° 32' 41"	106° 30' 27"	F-48-58-C-c
thôn Rừng Cắm	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 27' 11"					F-48-57-D-d
thôn Tam Hợp	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 28' 17"					F-48-57-D-d
thôn Tảng Mật	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 05"	106° 28' 58"					F-48-57-D-d
xóm Thịnh Hòa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 16"	106° 29' 47"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 25"	106° 28' 15"	21° 32' 47"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Việt Thắng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 17"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Ấng	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 28' 45"					F-48-57-D-d
xóm Ao Ca	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 09"	106° 26' 28"					F-48-57-D-d
xóm Ao Lợn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 27' 20"					F-48-57-D-d
xóm Ao Trượng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 57"	106° 27' 25"					F-48-57-D-d
đèo Bà	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 39"	106° 26' 32"					F-48-57-D-d
xóm Ba Khe	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 38"	106° 27' 10"					F-48-69-B-b
núi Cây Đào	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 29' 49"					F-48-57-D-d
thôn Đèo Bà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 38"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Giản	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 20"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 26' 47"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Ngang	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 28"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Đồng Sung	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 20"	106° 27' 01"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trong	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 26' 38"					F-48-57-D-d
núi Gia Cò	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 48"	106° 28' 41"					F-48-57-D-d
xóm Góc Phường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
đồi Góc Thị	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 35"	106° 29' 13"					F-48-57-D-d
thôn Hồ Mười	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 19"	106° 29' 35"					F-48-57-D-d
thôn Hồ Quyết	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 56"	106° 28' 06"					F-48-69-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 50"	106° 28' 00"					F-48-57-D-d
núi Khuôn Pỉnh	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 28' 48"					F-48-57-D-d
đập Khuôn Pỉnh	KX	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 28' 18"					F-48-57-D-d
xóm Lăng Chảo	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 56"					F-48-69-B-b
xóm Liên Ninh	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 51"	106° 27' 35"					F-48-69-B-b
xóm Minh Cường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 21"	106° 27' 19"					F-48-57-D-d
sui Nghé	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 29' 60"	106° 22' 19"	21° 29' 28"	106° 27' 17"	F-48-69-B-b
xóm Ngọn Sui	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 25"	106° 28' 36"					F-48-69-B-b
thôn Suối Trà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 29"	106° 29' 06"					F-48-69-B-b
sui Trà	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 02"	106° 28' 45"	21° 31' 11"	106° 29' 00"	F-48-57-D-d
thôn Trại Dạ	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 26"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Báo Đài	SV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 00"	106° 21' 00"					F-48-69-B-b
sui Cát	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 27' 46"	106° 22' 23"	21° 28' 01"	106° 21' 29"	F-48-69-B-a
thôn Cốc Lùng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 05"	106° 23' 13"					F-48-69-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đất Đỏ	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 38"	106° 23' 03"					F-48-69-B-b
xóm Hồ Tông	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 26"	106° 20' 37"					F-48-69-B-a
xóm Hồ Trí	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 46"	106° 19' 57"					F-48-69-B-a
thôn Hồ Vất	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 04"	106° 23' 49"					F-48-69-B-b
thôn Lán Thán	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 30"	106° 22' 25"					F-48-69-B-b
xóm Mờ Cửa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 58"	106° 20' 13"					F-48-69-B-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 53"	106° 23' 20"					F-48-69-B-b
thôn Suối Ngang	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 08"	106° 21' 44"					F-48-69-B-a
xóm Tử Xuyên	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 24"	106° 22' 54"					F-48-69-B-a
thôn Vạn Thắng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 22"	106° 22' 37"					F-48-69-B-b
ga Voi Xỏ	KX	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 26"	106° 20' 04"					F-48-69-B-a
suối Xe Điều	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 24' 20"	106° 20' 55"	21° 26' 26"	106° 19' 46"	F-48-69-B-a
thôn Xóm Chùa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 28"	106° 22' 23"					F-48-69-B-a
thôn Xóm Mới	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 53"	106° 21' 55"					F-48-69-B-a
thôn Ao Bải	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 41' 23"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
thôn Ba Lặng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
núi Bường Hiếu	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 43"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
đèo Căng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 16"	106° 23' 14"					F-48-57-D-a
núi Cảnh Tay	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Canh Trung	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 34"	106° 21' 32"					F-48-57-D-a
núi Chung Hồng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 11"	106° 23' 15"					F-48-57-D-a
làng Cửa Chùa	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 24"	106° 22' 45"					F-48-57-D-b
suối Đồng Dưới	TV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng			21° 37' 50"	106° 22' 12"	21° 37' 59"	106° 23' 08"	F-48-57-D-a
làng Gò Môn	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 08"	106° 22' 29"					F-48-57-D-a
núi Khau Kinh	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 20"	106° 23' 39"					F-48-57-D-b
núi Lán Bương	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 10"	106° 22' 50"					F-48-57-D-b
làng Lán Cát	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 40"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lán Châu	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 03"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
làng Lán Chúc Tang	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 04"	106° 22' 47"					F-48-57-D-b
thôn Lán Coóc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 54"	106° 24' 40"					F-48-57-D-b
thôn Lán Đật	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 36"					F-48-57-D-a
đèo Lán Đật	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 02"	106° 20' 26"					F-48-57-D-a
làng Lán Hắng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 24' 49"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Hỷ Ngoài	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 28"	106° 21' 44"					F-48-57-D-a
làng Lân Hỷ Trong	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 11"	106° 21' 09"					F-48-57-D-a
làng Lân Rằm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 41"	106° 23' 05"					F-48-57-D-b
núi Lân Sóc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 48"	106° 21' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Bền	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 51"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Làng Cướm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 48"	106° 22' 27"					F-48-57-D-a
thôn Làng Que	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 24"	106° 22' 19"					F-48-57-D-a
đèo Lối Hùm	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 35"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
thôn Nà Nọc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 15"	106° 24' 43"					F-48-57-D-a
đèo Nà Nọc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 16"	106° 24' 42"					F-48-57-D-b
đèo Quáo	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 52"	106° 23' 31"					F-48-57-D-b
đèo Trá	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
đồi Cây Thị	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 28' 14"	106° 19' 24"					F-48-69-B-a
thôn Chím	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 21' 32"					F-48-69-B-a
thôn Chùa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 27"	106° 21' 52"					F-48-69-B-a
xóm Đồng Sậy	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 02"	106° 20' 06"					F-48-69-B-a
thôn Hẩu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 23"	106° 21' 02"					F-48-69-B-a
xóm Keo	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 13"	106° 20' 46"					F-48-69-B-a
thôn Mới	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 58"	106° 19' 03"					F-48-69-B-a
trại Nào Tỉu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 19"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng			21° 27' 08"	106° 18' 36"	21° 29' 08"	106° 21' 48"	F-48-69-B-a
đồi Tranh Vẽ	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 50"	106° 21' 19"					F-48-69-B-a
xóm Xa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 03"	106° 20' 27"					F-48-69-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 26' 47"	106° 17' 26"	21° 29' 35"	106° 20' 06"	F-48-69-B-a
thôn Bến Lường	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 10"	106° 17' 32"					F-48-69-B-a
thôn Có Ngoài	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 19' 48"					F-48-69-B-a
thôn Có Trong	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 19' 01"					F-48-69-B-a
thôn Cốc Mò	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 22"	106° 19' 33"					F-48-57-D-c
xóm Điện	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 42"	106° 19' 34"					F-48-69-B-a
thôn Hồ Mươi	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 56"	106° 18' 25"					F-48-57-D-c
rừng Hồ Rỗng	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 38"	106° 17' 06"					F-48-69-B-a
trường Lâm Nghiệp	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 58"	106° 17' 39"					F-48-69-B-a
đèo Lỗ Hỏm	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 19' 02"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Lò Ngòi	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 02"	106° 19' 35"					F-48-69-B-a
xóm Lót	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 18' 46"					F-48-69-B-a
thôn Lót - Bò Các	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 55"	106° 18' 45"					F-48-69-B-a
cầu Lường	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 26' 47"	106° 17' 26"					F-48-69-B-a
núi Tiên	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 35"	106° 17' 44"					F-48-57-D-c
thôn Văn Miêu	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 17' 54"					F-48-69-B-a
thôn Bẩn Cát	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 52"	106° 16' 25"					F-48-57-D-c
thôn Bẩn Cón	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 12"	106° 15' 45"					F-48-57-D-c
núi Con Ngỗng	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 08"	106° 15' 32"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bé	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 18"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Cằng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lão	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 34' 05"	106° 16' 52"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Phúc	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 17"	106° 17' 20"					F-48-57-D-c
thôn Hồ Vạng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 33"	106° 17' 28"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 17' 24"					F-48-57-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 32"	106° 17' 05"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng							F-48-57-D-c
xóm Vừng Dưng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 54"	106° 16' 50"			21° 35' 00"	106° 16' 31"	F-48-57-D-c
thôn Duyên Tiến	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 32"	106° 19' 19"					F-48-57-D-c
núi Đá Ngàn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 08"	106° 20' 07"					F-48-57-D-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 29"	106° 19' 45"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 17' 59"					F-48-57-D-c
núi Lán Hoàn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 19' 27"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Phát	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 50"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 57"	106° 19' 47"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hoa	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 01"	106° 19' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 27"	106° 20' 04"					F-48-57-D-c
thôn Tân Tạo	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 18' 44"					F-48-57-D-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 18' 36"					F-48-57-D-c
thôn Trại Diêm	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 51"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng					21° 33' 07"	106° 17' 53"	F-48-57-D-c
thôn Tự Nhiên	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 45"	106° 20' 01"					F-48-57-D-c
thôn Bầm	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 56"	106° 12' 39"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bờ Lính	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 54"	106° 12' 14"					F-48-57-C-b
thôn Bông	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 46"	106° 13' 10"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Thia	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 24"	106° 11' 49"					F-48-57-C-d
xóm Hang Cao	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 31"	106° 11' 35"					F-48-57-C-b
thôn Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 28"	106° 13' 39"					F-48-57-C-d
xóm Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 50"	106° 13' 23"					F-48-57-C-b
núi Lân Vắn	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 49"	106° 12' 03"					F-48-57-C-b
hồ Lân Vắn	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 50"	106° 12' 21"					F-48-57-C-b
mường Lân Vắn	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 35"	106° 14' 44"	21° 38' 41"	106° 12' 13"	F-48-57-C-b
núi Lướt	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 03"	106° 12' 47"					F-48-57-C-b
xóm Mắc Cày	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 12' 17"					F-48-57-C-b
núi Mỏ Nghiến	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 12' 17"					F-48-57-C-b
núi Nám Cơm	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 40"	106° 12' 06"					F-48-57-C-d
suối Nám Cơm	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 24"	106° 11' 43"	21° 38' 17"	106° 12' 26"	F-48-57-C-b
suối Niu	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 39"	106° 12' 58"	21° 37' 37"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Rây	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 11' 57"					F-48-57-C-b
thôn Trắng	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 51"	106° 13' 47"					F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 38' 41"	106° 11' 23"	21° 37' 30"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Dốc Mới 1	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 53"	106° 20' 09"					F-48-69-B-a
thôn Dốc Mới 2	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 34"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
thôn En	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 27"	106° 20' 32"					F-48-69-B-a
xóm Mới	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 46"	106° 20' 21"					F-48-69-B-a
thôn Na Hoa	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 37"	106° 21' 24"					F-48-69-B-a
thôn Ngòi Na	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 08"	106° 21' 09"					F-48-69-B-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 20' 52"					F-48-69-B-a
suối Chùa	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 15"	106° 14' 16"	21° 34' 54"	106° 13' 56"	F-48-57-C-d
thôn Đa Mải	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 13"					F-48-57-C-d
núi Đèo Thập	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 14' 26"					F-48-57-C-d
xóm Đồng Cạn	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 56"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 30"	106° 14' 05"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Sinh	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 13' 20"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 28"	106° 13' 10"	21° 35' 25"	106° 14' 10"	F-48-57-C-d
xóm Hân	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 45"	106° 14' 30"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hợp Thành	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 22"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
đèo Lân Cản	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 15' 44"					F-48-57-D-c
núi Lân Cản	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 09"	106° 16' 02"					F-48-57-D-c
thôn Lân Mơ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 15' 01"					F-48-57-D-c
núi Lân Nửa	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 57"					F-48-57-D-c
núi Lân Vải	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 40"					F-48-57-D-c
thôn Lân Vầu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 39"	106° 14' 53"					F-48-57-D-c
suối Ổ	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 16"	106° 12' 38"	21° 35' 28"	106° 13' 10"	F-48-57-C-d
thôn Tân Châu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 07"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
thôn Ao Kham	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 58"	106° 25' 13"					F-48-57-C-d
làng Ao Mãng	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 50"	106° 25' 44"					F-48-69-B-b
thôn Bắc Lệ	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 25' 50"					F-48-69-B-b
đèo Bần Bĩa	SV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 31' 11"	106° 26' 00"					F-48-57-D-d
làng Cầu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 48"	106° 25' 24"					F-48-69-B-b
làng Cầu Con	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 10"	106° 25' 07"					F-48-57-D-d
thôn Cây Sấu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 26' 23"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Cây	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 58"	106° 24' 52"					F-48-69-B-b
làng Giầu Sang	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 24' 41"					F-48-69-B-b
làng Góc Cỏ	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 43"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Góc Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 25' 30"					F-48-57-D-d
suối Khuôn Nghé	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 29' 06"	106° 27' 04"	21° 27' 05"	107° 26' 53"	F-48-57-D-d
thôn Lăng Cống	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 25' 53"					F-48-69-B-b
thôn Lăng Ngọn	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 14"	106° 24' 37"					F-48-69-B-b
làng Lão Cai	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 33"	106° 24' 54"					F-48-69-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 57"	106° 26' 28"					F-48-69-B-b
suối Vĩ	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 28' 40"	106° 24' 50"	21° 28' 26"	106° 24' 27"	F-48-69-B-b
thôn Vườn Chè	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 55"	106° 24' 47"					F-48-69-B-b
thôn Bàng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 55"	106° 13' 33"					F-48-69-B-b
thôn Điện Dưới	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 30"	106° 12' 58"					F-48-57-C-d
thôn Điện Giữa	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 33"	106° 12' 39"					F-48-57-C-d
thôn Điện Trên	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 12' 08"					F-48-57-C-d
suối Giao Thủy	TV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 07"	106° 11' 44"	21° 32' 46"	106° 12' 20"	F-48-57-C-d
thôn Lay 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 42"	106° 13' 07"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lay 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 13' 41"					F-48-57-C-d
núi Một	SV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 47"	106° 13' 57"					F-48-57-C-d
thôn Na Đán	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 19"	106° 12' 57"					F-48-57-C-d
thôn Niềng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 14' 00"					F-48-57-C-d
xóm Quýt	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 18"	106° 13' 09"					F-48-57-C-d
xóm Xa Khao	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 13' 30"					F-48-57-C-d
suối Cãi	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng			21° 33' 54"	106° 10' 22"	21° 34' 31"	106° 11' 21"	F-48-57-C-d
làng Chung Triền	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 11' 15"					F-48-57-C-d
hồ Đắp Đề	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 49"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
làng Đèo Cáo	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 33' 10"	106° 10' 50"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng			21° 34' 49"	106° 11' 41"	21° 34' 37"	106° 12' 35"	F-48-57-C-d
làng Gốc Tắm	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 11' 56"					F-48-57-C-d
làng Lân	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 33' 39"	106° 11' 09"					F-48-57-C-d
thôn Lăng Trạng	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 27"	106° 11' 03"					F-48-57-C-d
đèo Ông Đồng	SV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 11' 42"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 35' 16"	106° 12' 04"					F-48-57-C-d
đập Sáp	KX	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
thôn Cáo	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 17"	106° 13' 34"					F-48-57-C-d
suối Đập	TV	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng			21° 31' 35"	106° 14' 30"	21° 30' 58"	106° 14' 37"	F-48-57-C-d
thôn Hét	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 14"	106° 14' 40"					F-48-57-C-d
núi Lăng Hét	SV	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 14' 33"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Đinh	TV	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng			21° 32' 06"	106° 14' 01"	21° 32' 18"	106° 14' 25"	F-48-57-C-d
thôn Phổng	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 52"	106° 14' 09"					F-48-57-C-d
thôn Thuyền	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 14' 34"					F-48-57-C-d
núi Châu Bấu	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 14' 13"					F-48-57-C-b
núi Con Cá	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 21"	106° 14' 24"					F-48-57-C-d
núi Đĩa Suối	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 13' 42"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Bua	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 04"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bụt	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 13"	106° 15' 52"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Xa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 41"	106° 14' 41"					F-48-57-C-d
núi Hang Trại	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 16"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
thôn Hồng Gạo	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 14' 44"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn La 1	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 29"	106° 15' 09"					F-48-57-D-a
đèo Lân Dỏ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 17"	106° 16' 27"					F-48-57-D-a
núi Lân Dù	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 00"	106° 15' 48"					F-48-57-D-a
núi Lân Kiêng	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 25"	106° 15' 27"					F-48-57-D-a
đèo Lân Nứa	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 54"	106° 15' 48"					F-48-57-D-c
núi Lân Rì	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 07"	106° 17' 28"					F-48-57-D-a
đèo Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 59"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
núi Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 52"	106° 16' 54"					F-48-57-D-a
thôn Làng Trang	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 50"	106° 14' 17"					F-48-57-C-d
đèo Máng Lợn	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 08"	106° 16' 06"					F-48-57-D-a
núi Mỏ Cỏm	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 50"	106° 17' 30"					F-48-57-D-a
làng Ní	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 48"	106° 15' 13"					F-48-57-D-c
thôn Quý Xã	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 41"	106° 15' 38"					F-48-57-D-a
đèo Thạp	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 15' 09"					F-48-57-D-c
thôn Bãi Danh	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 24' 34"					F-48-57-D-d
đèo Cã	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
núi Căng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 31"	106° 25' 15"					F-48-57-D-d
thôn Chục Bảy	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 31"	106° 23' 57"					F-48-57-D-d
núi Chung Nấu	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 15"	106° 23' 49"					F-48-57-D-d
núi Cửa Ngựa	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 25' 02"					F-48-57-D-d
đèo Đẳng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 59"	106° 25' 57"					F-48-57-D-d
thôn Đẳng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 41"	106° 23' 16"					F-48-57-D-d
núi Địa Nhãn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 56"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
núi Bồng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 18"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Bồng Hút	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 38"	106° 26' 01"					F-48-57-D-d
núi Bồng Quỳ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 17"	106° 23' 48"					F-48-57-D-d
núi Gò Ngụm	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Hang Cười	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 02"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Hang Đá Mài	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 25' 23"					F-48-57-D-d
núi Hang Hồng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 14"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Lân Nồng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b
xóm Lân Rì	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 05"	106° 26' 21"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lân Thuổng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 25' 39"					F-48-57-D-d
núi Lân Ván	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
núi Lãng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 01"	106° 23' 55"					F-48-57-D-d
thôn Lôi	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 49"	106° 25' 21"					F-48-57-D-d
đèo Lôi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 26' 10"					F-48-57-D-d
núi Lược	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 43"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Luy	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 23' 36"					F-48-57-D-d
núi Mỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 25' 46"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Kẹt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 51"	106° 24' 47"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Phức	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 22' 33"					F-48-57-D-d
núi Mọt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 26' 18"					F-48-57-D-d
núi Nhà Mạt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
núi Nhà Tanh	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 24' 00"					F-48-57-D-d
núi Nong Đở	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 36"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
thôn Nong Thâm	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 22' 42"					F-48-57-D-d
núi Ôt Cà	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 36"	106° 22' 18"					F-48-57-D-d
núi Phương Hoàng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 47"	106° 25' 44"					F-48-57-D-d
núi Rừng Ma	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 23' 42"					F-48-57-D-d
núi Thác Trại	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 25' 18"					F-48-57-D-d
núi Thông	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 52"	106° 24' 35"					F-48-57-D-d
núi Trám Sỏi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 24' 13"					F-48-57-D-d
xóm Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 24' 16"					F-48-57-D-d
núi Trúc Bầy	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 25' 41"					F-48-57-D-d
núi Vọng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Vực Mìn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 26"	106° 24' 18"					F-48-57-D-d
làng Ao Cỏ	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 35' 29"	106° 24' 54"					F-48-57-D-d
núi Ao Dầm	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 47"	106° 23' 01"					F-48-57-D-d
đèo Bụt	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 53"	106° 23' 35"					F-48-57-D-b
núi Cây Găng	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 20"	106° 21' 16"					F-48-57-D-b
làng Cây Khế	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 22' 59"					F-48-57-D-a
núi Cây Lầu	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 27"	106° 20' 51"					F-48-57-D-c
thôn Chùa	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 42"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
				21° 37' 12"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chùa Coong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 36"	106° 21' 43"					F-48-57-D-a
làng Cốc Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 38"	106° 24' 08"					F-48-57-D-b
thôn Diên	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 32"	106° 21' 01"					F-48-57-D-a
núi Đàn Bò	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 22' 43"					F-48-57-D-b
thôn Đồng Áng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 06"	106° 22' 06"					F-48-57-D-c
núi Đồng Là Mát	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 07"	106° 18' 52"					F-48-57-D-c
thôn Gạo Ngoài	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
thôn Gạo Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
làng Giàng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
thôn Gò Mắm	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 44"	106° 21' 54"					F-48-57-D-a
núi Hang Dao	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 21' 27"					F-48-57-D-c
núi Lân Ba Mìn	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 23' 25"					F-48-57-D-b
núi Lân Đù	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
núi Lân Lầy	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 39"	106° 20' 44"					F-48-57-D-a
núi Lân Luồng	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 04"	106° 22' 13"					F-48-57-D-a
núi Lân Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 23"	106° 19' 28"					F-48-57-D-c
núi Lân Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 28"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
đèo Lân Nghè	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
núi Lân Nọc	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 35"	106° 22' 08"					F-48-57-D-a
núi Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 21' 43"					F-48-57-D-c
đèo Trá	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 21' 28"					F-48-57-D-c
núi Ao Khanh	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
thôn Ao Sen	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 20' 27"					F-48-57-D-c
núi Ao Sen	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 21' 34"					F-48-57-D-c
núi Bà Kỵ	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 21' 46"					F-48-57-D-c
núi Bà Thịnh	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 35' 08"	106° 21' 40"					F-48-57-D-c
làng Cây Hồng	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 20' 47"					F-48-57-D-c
thôn Cây Hồng - Mỏ Tỏi	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 46"	106° 20' 50"					F-48-57-D-c
thôn Chúc Quan	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 50"	106° 20' 13"					F-48-57-D-c
núi Đất Sét	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 35' 36"	106° 21' 58"					F-48-57-D-c
núi Đẻ	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 19' 44"					F-48-57-D-c
núi Đồng Mát	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 19"	106° 19' 58"					F-48-57-D-c
làng Đồng Yên	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 18' 34"					F-48-57-D-c
		xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 21' 30"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Góc Sau	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 35"	106° 22' 00"					F-48-57-D-c
núi Hàm Rồng	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 21' 03"					F-48-57-D-c
núi Hang Hùm	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 40"	106° 21' 52"					F-48-57-D-c
thôn Lâm Hạ	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-c
thôn Lâm Thượng	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 59"	106° 21' 14"					F-48-57-D-c
núi Lâm Trầm	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 19' 37"					F-48-57-D-c
núi Lân Mỏ Tỏi	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 35' 08"	106° 19' 59"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 22"	106° 22' 14"					F-48-57-D-c
núi Năm Ngọn	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 41"	106° 20' 26"					F-48-57-D-c
núi Trà Diêm	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 21' 17"					F-48-57-D-c
núi Tục Tăng	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 33' 46"	106° 20' 56"					F-48-57-D-c
đường tỉnh 236	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 45' 44"	108° 55' 42"	21° 45' 36"	108° 55' 16"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 46' 16"	108° 54' 23"	21° 44' 59"	108° 55' 44"	F-48-58-B+46-D
thôn Bán Kho	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 55' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Chợ Vằng	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 55' 42"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Quân	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mực	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 49"	106° 55' 05"					F-48-58-B+46-D
khu 4	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 47"	106° 58' 16"					F-48-58-D-b
khu 5	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 38"	106° 58' 04"					F-48-58-D-b
khu 6	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 11"					F-48-58-D-b
khu 7	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	106° 58' 21"					F-48-58-D-b
khu 9	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	106° 58' 25"					F-48-58-D-b
quốc lộ 4B	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình							
bản Nà Cây	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 08"					F-48-58-D-b
hồ Nà Cây	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 59"	106° 57' 54"					F-48-58-D-b
bản Nà Đười	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 48"	106° 58' 46"					F-48-58-D-b
mỏ than Na Dương	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 58' 06"					F-48-58-D-b
thôn Nà Phải	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 16"	106° 57' 06"					F-48-58-D-b
bản Nà Sắn	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	106° 58' 36"					F-48-58-D-b
núi Nà Sắn	SV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 48"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Nà Táp	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 23"	106° 57' 20"					F-48-58-D-b
suối Pác Hân	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 40' 38"	108° 59' 21"	21° 40' 41"	106° 58' 41"	F-48-58-D-b
khuổi Phục	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 42' 11"	106° 58' 15"	21° 42' 34"	106° 57' 11"	F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Hà	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 57"	106° 57' 01"							F-48-58-D-b
làng Ao Lai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 41"	106° 53' 08"							F-48-58-D-d
thôn Co Hồng	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 56' 06"							F-48-58-D-d
làng Cốc Ngựa	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 59"	106° 54' 12"							F-48-58-D-d
suối Cốc Sầu	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 57' 12"	21° 36' 02"	106° 57' 45"			F-48-58-D-b
thôn Đông Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 10"	106° 57' 23"							F-48-58-D-d
núi Đông Mùn	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 59"	106° 58' 29"							F-48-58-D-d
thôn Đông Sung	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 59"	106° 53' 22"							F-48-58-D-d
thôn Khau Khèo	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 52"	106° 55' 58"							F-48-58-D-d
làng Khuổi Châu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 01"	106° 52' 21"							F-48-58-D-c
thôn Khuổi Danh	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 03"	106° 54' 49"							F-48-58-D-d
thôn Khuổi Han	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 29"	106° 57' 53"							F-48-58-D-d
thôn Khuổi Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 02"	106° 55' 03"							F-48-58-D-d
thôn Khuổi Pu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 15"	106° 52' 42"							F-48-58-D-d
làng Khuổi Sòm	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 37"	106° 55' 43"							F-48-58-D-d
thôn Khuổi Thuận	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 16"	106° 55' 45"							F-48-58-D-d
suối Nà Cà	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 34' 04"	106° 56' 42"	21° 34' 21"	106° 56' 55"			F-48-58-D-d
làng Nà Chục	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 59"	106° 53' 06"							F-48-58-D-d
thôn Phạ Thác	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 51"	106° 57' 19"							F-48-58-D-d
làng Phay Phài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 21"	106° 53' 08"							F-48-58-D-d
thôn Pía Lai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 19"	106° 58' 38"							F-48-58-D-d
thôn Quang Khao	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 53' 49"							F-48-58-D-d
làng Soong Tài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 50"	106° 52' 48"							F-48-58-D-d
suối Soong Tài	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 33"	106° 52' 54"	21° 32' 22"	106° 53' 25"			F-48-58-D-d
làng Suối Vịt	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 53' 20"							F-48-58-D-d
núi Tạ Chử Hùi	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 09"	106° 53' 26"							F-48-58-D-d
làng Thau Long	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 07"	106° 55' 08"							F-48-58-D-d
khuổi Thuận	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 24"	106° 56' 18"	21° 32' 36"	106° 55' 59"			F-48-58-D-d
làng Vằng Li	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 34"	106° 57' 45"							F-48-58-D-d
đường tỉnh 237A	KX	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 50' 04"	106° 53' 38"	21° 48' 24"	106° 51' 50"			F-48-58-B+46-D
núi Hua Lê	SV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 49' 29"	106° 54' 06"							F-48-58-B+46-D
bản Kéo Mạt	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 14"	106° 52' 28"							F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Khơng	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	106° 51' 31"							F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Ngần	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 29"	106° 51' 60"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Pục	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 52"	106° 51' 29"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tằng	TV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 49' 07"	106° 53' 32"	21° 48' 10"	106° 51' 31"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 237C	KX	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 47' 08"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
suối Cầu 20	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 48' 02"	106° 55' 18"	21° 46' 13"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
bản Háng Cẩu	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
núi Hu Sĩa	SV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Miến	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Quắc	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 29"	106° 54' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Khôn Thống	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 48"	106° 55' 17"	21° 46' 03"	106° 54' 36"	F-48-58-B+46-D
bản Khôn Vạn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 48' 02"	106° 55' 18"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 46' 09"	106° 54' 12"	F-48-58-B+46-D
bản Lăng Xé	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiang Quán	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 53' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mẩn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Vén	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 13"	106° 54' 16"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			21° 43' 20"	106° 56' 56"	21° 42' 26"	106° 57' 08"	F-48-58-D-d
thôn Bản Nùng	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 42"	106° 54' 32"					F-48-58-D-b
thôn Bản Pít	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 09"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
bản Chặng Cảnh	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 56' 12"					F-48-58-D-b
bản Cốc Pục	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 56' 15"					F-48-58-D-d
bản Cốc Sầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 57' 04"					F-48-58-D-d
thôn Hua Cầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 55' 58"					F-48-58-D-b
núi Keo Hách	SV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 07"	106° 56' 42"					F-48-58-D-b
suối Khau Phảy	TV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			21° 41' 50"	106° 52' 54"	21° 41' 31"	106° 55' 21"	F-48-58-D-d
bản Khoang Mỏ	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	106° 55' 30"					F-48-58-D-b
bản Khôn Cát	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 41"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Phác	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 55' 57"					F-48-58-D-b
làng Khuổi Luồng	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	106° 57' 05"					F-48-58-D-b
bản Nà Lầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 54"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b
suối Nà Lầu	TV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			2° 13' 79"	106° 57' 36"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Nà Miến	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 55' 54"					F-48-58-D-b
thôn Nà Toán	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 50"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
thôn Phá Lạn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 38"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Ét	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	106° 55' 06"					F-48-58-D-b
bản San	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 43"	106° 55' 33"					F-48-58-D-b
thôn Soong Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 56' 14"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình		21° 42' 46"	106° 55' 38"	21° 37' 49"	106° 56' 33"		F-48-58-D-b
thôn Thông Máy	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 20"	106° 55' 28"					F-48-58-D-b
thôn Thông Niêng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 27"	106° 55' 32"					F-48-58-D-b
bản Chuối	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 48"	106° 50' 04"					F-48-58-D-b
bản Đóc	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 49' 46"					F-48-58-D-a
bản Hả	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 48' 39"					F-48-58-D-a
suối Nà Hán	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình		21° 43' 00"	106° 48' 42"	21° 43' 52"	106° 50' 26"		F-48-58-D-a
thôn Nà Két	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 35"	106° 50' 01"					F-48-58-D-a
thôn Nà Lái	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình		21° 42' 15"	106° 50' 14"	21° 42' 38"	106° 50' 01"		F-48-58-D-a
thôn Tầm Pục	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 03"	106° 50' 28"					F-48-58-D-a
bản Hoi	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 56' 46"					F-48-58-D-b
bản Khiêng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 57"	106° 57' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Thổng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 56' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lẹp	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Pắc Khiêng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 19"	106° 57' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Pháy	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 02"	106° 57' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Pòi	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	106° 56' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Quang	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 55' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Rỵ	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 34"	106° 56' 36"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Lóc	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 56' 40"					F-48-58-B+46-D
khau Thuồn	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Suối Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 26"	106° 47' 21"					F-48-58-B+46-D
núi Ba Voi	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 34' 18"	106° 47' 23"					F-48-58-D-c
suối Cầm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình		21° 34' 26"	106° 49' 39"	21° 33' 48"	106° 49' 36"		F-48-58-D-c
bản Co Lái	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 50' 41"					F-48-58-D-a
bản Đông Khuyên	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 37"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Mỏ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 54"	106° 49' 23"					F-48-58-D-a
bản Hìn Ôn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
suối Hìn Ôn	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 42"	106° 46' 56"	21° 38' 36"	106° 48' 48"	F-48-58-D-a
bản Khau Trang	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 47' 47"					F-48-58-D-a
bản Khuổi Đì	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
khau Lài	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 47' 28"					F-48-58-D-a
suối Lông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 48' 40"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Ma	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 43"	106° 46' 01"					F-48-58-D-a
suối Mí	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 47' 42"	21° 38' 02"	106° 48' 08"	F-48-58-D-a
bản Mỏ Nằn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 25"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
bản Nà Áng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 18"	106° 48' 22"					F-48-58-D-c
bản Nà Cà	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 41"	106° 49' 42"					F-48-58-D-a
bản Nà Chán	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 42"	106° 47' 02"					F-48-58-D-a
bản Nà Kháo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 33"	106° 48' 23"					F-48-58-D-a
bản Nà Knúp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 59"	106° 49' 04"					F-48-58-D-a
bản Nà Lèo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 30"	106° 47' 56"					F-48-58-D-a
bản Nà Mứ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 24"	106° 49' 29"					F-48-58-D-a
bản Nà Táng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 51"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
bản Nà Thán	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 47' 16"					F-48-58-D-a
bản Nà Xá	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 03"	106° 46' 48"					F-48-58-D-a
suối Ngà	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 18"	106° 47' 51"	21° 34' 00"	106° 48' 06"	F-48-58-D-c
bản Pác Cáp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 13"	106° 47' 41"					F-48-58-D-a
bản Pác Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 27"	106° 48' 43"					F-48-58-D-c
thôn Phai Báy	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 29"					F-48-58-D-a
bản Phai Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 36' 51"	106° 48' 09"					F-48-58-D-c
bản Pò Mỏ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 47' 31"					F-48-58-D-a
bản Suối Gióa	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 27"	106° 50' 40"					F-48-58-D-a
bản Suối Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 04"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
bản Suối Mãng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 46' 14"					F-48-58-D-a
thôn Suối Mí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 36"	106° 47' 55"					F-48-58-D-a
bản Thầm Dày	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 25"	106° 46' 28"					F-48-58-D-a
khuổi Thông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 48"	106° 49' 22"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Trang	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 19"	106° 47' 53"					F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vằm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 40' 54"	106° 46' 28"	21° 41' 20"	106° 46' 03"	F-48-58-D-a
bản Vằng Phàu	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 28"	106° 48' 26"					F-48-58-D-a
sông Bân Thín	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 18"	107° 01' 54"	21° 45' 02"	107° 00' 01"	F-48-59-A
bản Càng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 56"	106° 59' 17"					F-48-58-D-b
bản Chu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	106° 59' 51"					F-48-58-D-b
núi Đông Sliêng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	107° 02' 12"					F-48-59-A
núi Khau Láng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 59"	107° 02' 01"					F-48-59-C
núi Khau Phòng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	107° 02' 41"					F-48-59-C
thôn Khôn Mỏ	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 59' 11"					F-48-58-D-b
bản Khôn Mu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 00' 08"					F-48-59-A
sông Kỳ Củng	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	106° 59' 32"	21° 44' 40"	107° 00' 00"	F-48-58-D-b
núi Mào Nho	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 02' 31"					F-48-59-C
bản Nậm Lê	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	107° 01' 12"					F-48-59-C
núi Ngâm Sưa	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	107° 00' 20"					F-48-59-A
bản Pắc Pê	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 46' 29"	107° 00' 12"					F-48-59-A
bản Pò Loong	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	107° 01' 17"					F-48-59-C
bản Pò Ngò	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	107° 02' 34"					F-48-59-C
núi Pò Tùm	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	107° 01' 31"					F-48-59-A
bản Tầm Chà	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 13"	107° 00' 41"					F-48-59-A
quốc lộ 4B	KX	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 38' 54"	106° 59' 59"	21° 40' 40"	106° 58' 42"	F-48-58-D-b
hồ Bân Chanh	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 42"	106° 56' 35"					F-48-58-D-b
bản Chanh	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
khau Chay	SV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	22° 29' 43"	107° 01' 38"					F-48-59-C-c
bản Càng Táng	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 35' 48"	107° 00' 20"					F-48-59-C-c
thôn Củng Khoai	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 57' 25"					F-48-58-D-b
thôn Già Nàng	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 57"	106° 57' 59"					F-48-58-D-b
bản Kéo Cọ	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 08"	106° 59' 54"					F-48-58-D-b
thôn Kéo Pài	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 14"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
cầu Kéo Pài	KX	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
suối Khau Khảo	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 35' 03"	106° 59' 09"	21° 36' 32"	106° 58' 24"	F-48-58-D-d
bản Khau Mốc	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 59' 00"					F-48-58-D-d
bản Khuổi Thỏ	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 51"	106° 59' 02"					F-48-58-D-b
thôn Khuổi Tà	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 19"	106° 57' 44"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khuổi Thỏ	KX	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Mạy Cường	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 30"	106° 58' 58"					F-48-58-D-d
suối Mạy Cường	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 32' 60"	106° 59' 00"	21° 34' 57"	106° 58' 34"	F-48-58-D-d
bản Mạy Pháy	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 58' 12"					F-48-58-D-d
làng Mương	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 58' 31"					F-48-58-D-d
bản Nà Bó	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 58' 38"					F-48-58-D-d
núi Nà Chai	SV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 03"	106° 59' 42"					F-48-58-D-b
thôn Nà Mu	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 35' 50"	106° 59' 48"					F-48-58-D-b
bản Nà Nhe	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	22° 28' 59"	107° 00' 51"					F-48-58-D-d
bản Nà Ninh	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 36' 32"	106° 58' 24"					F-48-59-C-c
thôn Nà Phi	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 57' 11"					F-48-58-D-d
bản Nà Pú	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 56"	106° 57' 02"					F-48-58-D-b
bản Nà Tà	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 36' 58"	106° 58' 39"					F-48-58-D-b
thôn Nà U	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 13"	106° 58' 55"					F-48-58-D-d
bản Nà Xóm	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 59' 18"					F-48-58-D-b
bản Phai Púng	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 27"	106° 59' 00"					F-48-58-D-d
bản Phai Vải	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 01"	106° 58' 53"					F-48-58-D-b
Khuổi Tà	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 34' 23"	106° 57' 28"	21° 35' 11"	106° 58' 08"	F-48-58-D-b
suối Tà Làng	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 36' 24"	106° 59' 34"	21° 36' 41"	106° 59' 04"	F-48-58-D-d
bản Tầu Ké	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 59' 56"					F-48-58-D-d
núi Vải Hai	SV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	106° 57' 34"					F-48-58-D-d
bản Xong Hồ	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 23"	106° 56' 33"					F-48-58-D-b
bản Già	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	106° 55' 03"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Thút	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 23"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
suối Lũng	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 44' 23"	106° 53' 55"	21° 45' 00"	106° 54' 15"	F-48-58-D-b
bản Pò Lén	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Thét	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 55' 24"					F-48-58-D-b
Khuổi Thút	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 45' 16"	106° 53' 12"	21° 46' 05"	106° 53' 20"	F-48-58-B+46-D
suối Bản Khoai	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 08"	106° 58' 39"	21° 48' 08"	106° 58' 47"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Quảng	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 48"	106° 55' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Tằng	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 26"	106° 53' 53"					F-48-58-B+46-D
suối Láp Pía	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 46"	106° 58' 17"	21° 49' 08"	106° 58' 39"	F-48-58-B+46-D
Khuổi Láy	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 19"	106° 52' 41"	21° 49' 31"	106° 52' 21"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Long Đầu	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 22"	106° 59' 38"	21° 48' 35"	106° 59' 27"	F-48-58-B+46-D
Khu du lịch Mẫu Sơn	KX	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 49"	106° 54' 12"					F-48-58-B+46-D
núi Phya Mè	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 30"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Kim Ngân	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 49' 28"	107° 00' 32"					F-48-58-B+46-D
Khuổi Tằng	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 16"	106° 54' 25"	21° 49' 57"	106° 53' 45"	F-48-59-A
bản Thám Seo	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 47' 56"	106° 55' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Yên Mạ	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 23"	106° 53' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Tằng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 50"	106° 47' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Cốc Lai	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 05"	106° 47' 36"					F-48-58-D-a
núi Khau Phảy	SV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 50"	106° 52' 00"					F-48-58-D-a
thôn Khau Vải	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 13"	106° 50' 08"					F-48-58-D-a
bản Khuôn Sầm	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 50' 51"					F-48-58-D-a
súoi Khuôn Sầm	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 42' 25"	106° 50' 47"	21° 42' 54"	106° 50' 51"	F-48-58-D-a
thôn Nà Đẳng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 30"	106° 48' 17"					F-48-58-D-a
thôn Nà Hào	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 18"	106° 51' 18"					F-48-58-D-a
thôn Nà Nong	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 36"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
súoi Nà Nong	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 50' 11"	21° 41' 40"	106° 50' 23"	F-48-58-D-a
bản Nà Tàng (Lũng Thàng)	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 03"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thi	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 01"	106° 49' 32"					F-48-58-D-a
súoi Nà Thi	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 49' 09"	21° 42' 08"	106° 49' 44"	F-48-58-D-a
thôn Tắc Uẩn	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 59"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
núi Chà Trăm	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-D-b
thôn Cốc Sầu	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 40"					F-48-58-D-a
núi Cốc Sầu	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 19"					F-48-58-D-a
súoi Khau Đầy	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 40' 26"	106° 52' 52"	21° 40' 21"	106° 53' 05"	F-48-58-D-b
núi Khau Giảng	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 52' 47"					F-48-58-D-d
núi Khau Tóa	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-D-a
bản Khí Cây	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 26"	106° 52' 55"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Mùn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 48"	106° 53' 20"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Mẩn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 40"	106° 52' 21"					F-48-58-D-a
bản Kim Cang	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 09"	106° 52' 20"					F-48-58-D-a
bản Mây Danh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 54' 55"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Bân	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 00"	106° 53' 37"					F-48-58-D-b
thôn Nà Bể	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 38"	106° 53' 11"					F-48-58-D-d
bản Nà Linh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 17"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Lông	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 37"	106° 52' 35"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pá	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 54' 33"					F-48-58-D-b
bản Nà Phiêng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 14"	106° 54' 53"					F-48-58-D-d
thôn Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 55' 00"					F-48-58-D-b
bản Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 40"	106° 54' 26"					F-48-58-D-b
bản Nà Tân	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 21"	106° 53' 13"					F-48-58-D-d
thôn Nà Thay	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 54' 05"					F-48-58-D-d
thôn Nà Tô	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 16"	106° 53' 43"					F-48-58-D-b
thôn Nà Tung	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 53' 32"					F-48-58-D-b
thôn Pác Cáp	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 22"	106° 54' 38"					F-48-58-D-d
bản Pác Vải	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 54' 13"					F-48-58-D-b
suối Phác Cáp	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 53' 26"	21° 36' 15"	106° 55' 00"	F-48-58-D-d
bản Phai Điều	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 54' 28"					F-48-58-D-b
thôn Phai Điều	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 52' 53"					F-48-58-D-b
suối Phai Mạt	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình							F-48-58-D-b
suối Song Luồng	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 38' 30"	106° 51' 58"	21° 38' 24"	106° 52' 27"	F-48-58-D-a
bản Suối Lạn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 35' 07"	106° 55' 57"	21° 35' 20"	106° 56' 22"	F-48-58-D-d
suối Thông Lốc	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 22"	106° 51' 07"			21° 39' 39"	106° 53' 56"	F-48-58-D-a
bản Tô	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình							F-48-58-D-b
bản Vàng Luồng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 30"	106° 53' 41"					F-48-58-D-b
thôn Nà Chỉ	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 55"	106° 55' 51"					F-48-58-D-d
thôn Nà Vàng	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 29"	106° 51' 43"					F-48-58-B+46-D
núi Nộc Chắp	SV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 08"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Vẹ	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 02"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Cát	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 52' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Khuổi	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 52' 57"					F-48-58-B+46-D
suối Tầm Khuổi	TV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mỏ	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 43' 46"	106° 53' 17"			21° 45' 12"	106° 51' 48"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pán	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 44' 04"	106° 51' 56"					F-48-58-D-b
thôn Pò Mạ	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 42' 32"	106° 51' 41"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Rọc	DC	xã Nhượng Bạt	H. Lộc Bình	21° 42' 44"	106° 51' 47"					F-48-58-D-a
khởi Thuốt	TV	xã Nhượng Bạt	H. Lộc Bình			21° 43' 56"	106° 53' 17"	21° 44' 27"	106° 53' 26"	F-48-58-D-b
thôn Chọc Pháo	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	106° 55' 26"					F-48-58-D-b
khởi Cút	TV	xã Quan Bân	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 57' 03"	21° 44' 04"	106° 56' 42"	F-48-58-D-b
thôn Khau Phảy	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 42' 49"	106° 52' 42"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Mỏ	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 44' 20"	106° 56' 29"					F-48-58-D-b
thôn Lũng Va	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
thôn Nà Ai	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 43' 09"	106° 55' 38"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pẻ	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 43' 08"	106° 53' 42"					F-48-58-D-b
suối Nà Pẻ	TV	xã Quan Bân	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 54' 15"	21° 43' 06"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
bản Pỏ Nghiều	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 55' 53"					F-48-58-D-b
suối Tả San	TV	xã Quan Bân	H. Lộc Bình			21° 37' 49"	106° 56' 33"	21° 44' 21"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
thôn Tổng Mìn	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 43' 50"	106° 55' 11"					F-48-58-D-b
khu 1	DC	xã Quan Bân	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	106° 59' 21"					F-48-58-D-b
suối Bản Chơng	TV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình			21° 39' 54"	107° 00' 54"	21° 41' 21"	107° 00' 01"	F-48-59-C
bản Co Cai	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 52"	107° 01' 24"					F-48-59-C
suối Co Cai	TV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 52"	107° 02' 27"	21° 42' 48"	107° 01' 12"	F-48-59-C
bản Co Ối	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	107° 02' 33"					F-48-59-C
bản Cón Lau	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	107° 02' 44"					F-48-59-C
núi Ha Táp	SV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 48"	107° 00' 21"					F-48-59-C
núi Kéo Phấn	SV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	107° 03' 14"					F-48-59-C
núi Khau Ca	SV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	107° 02' 56"					F-48-59-C
bản Khôn Cháo	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 40"	107° 00' 04"					F-48-59-C
thôn Khôn Cháo	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 59"	106° 59' 40"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Quanh	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 59' 18"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Xẻ	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 59' 23"					F-48-58-D-b
suối Khôn Xẻ	TV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 17"	106° 59' 13"	21° 42' 17"	106° 58' 26"	F-48-58-D-b
bản Màng	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 01' 03"					F-48-59-C
núi Nà Bon	SV	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	107° 01' 21"					F-48-59-C
bản Nà Chao	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 43' 11"	107° 00' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dẩn	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 31"	107° 00' 53"					F-48-59-C
mỏ than Nà Dương	KX	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 07"	106° 58' 44"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Sắn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 53"	107° 01' 33"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Làng	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	107° 01' 45"					F-48-59-C
suối Nà Láng	TV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình			21° 37' 50"	107° 02' 16"	21° 38' 50"	107° 01' 40"	F-48-59-C
núi Nà Liên	SV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 49"	107° 03' 19"					F-48-59-C
bản Nà Mỏ	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 52"	107° 02' 08"					F-48-59-C
suối Nà Mỏ	TV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 01' 44"	21° 41' 58"	107° 01' 59"	F-48-59-C
núi Nà Ngần	SV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 15"	107° 02' 12"					F-48-59-C
suối Nà Phảy	TV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình			21° 38' 50"	107° 01' 40"	21° 39' 53"	107° 00' 28"	F-48-59-C
bản Nà Thăm	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 41"	107° 01' 14"					F-48-59-C
bản Nà Tiu	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 18"	107° 02' 30"					F-48-59-C
núi Pàn Phi	SV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 01"	107° 02' 30"					F-48-59-C
bản Pò Nhàng	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 02' 55"					F-48-59-C
suối Pò Nhàng	TV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 44"	107° 02' 54"	21° 41' 30"	107° 01' 59"	F-48-59-C
thôn Pò Sáy	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	106° 58' 59"					F-48-58-D-b
hồ Tà Kéo	TV	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 28"	106° 59' 48"					F-48-59-C
bản Tà Lan	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 41"	107° 02' 50"					F-48-59-C
thôn Tổng Danh	DC	xã Săn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 54"	106° 58' 58"					F-48-58-D-b
suối Bản Chất	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 04"	107° 09' 44"	21° 44' 13"	107° 09' 10"	F-48-59-C
suối Bản Lòng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 45' 07"	107° 07' 59"	F-48-59-A
khau Chu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 12"	107° 06' 08"					F-48-59-C
bản Co Lướt	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 24"	107° 06' 47"					F-48-59-C
bản Cón Cầm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 07' 33"					F-48-59-C
bản Cón Chảo	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 33"	107° 07' 16"					F-48-59-C
bản Cón Chè	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 55"	107° 08' 55"					F-48-59-C
bản Cón Cuồng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 06' 43"					F-48-59-C
bản Cón Tổng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 07' 46"					F-48-59-C
núi Hua Trang	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 52"	107° 08' 54"					F-48-59-C
núi Kéo Lạnh	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 32"	107° 06' 54"					F-48-59-A
bản Lòng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 11"	107° 09' 15"					F-48-59-C
khau Luồng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 10' 22"					F-48-59-C
bản Nà Cầm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	107° 06' 46"					F-48-59-A
sông Nà Cầm	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	107° 08' 02"	21° 45' 25"	107° 07' 22"	F-48-59-A
suối Nà Khoang	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 14"	107° 09' 32"	21° 45' 22"	107° 07' 33"	F-48-59-A
thôn Nà Ổ	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 06' 12"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pắc Cát	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 42' 18"	107° 08' 04"	21° 44' 13"	107° 06' 18"	F-48-59-C
núi Phát Khẩu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 51"	107° 09' 25"			F-48-59-C
bản Pò Bó	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 38"	107° 10' 50"			F-48-59-C
núi Pò Đông Luồng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 42' 14"	107° 07' 31"			F-48-59-C
núi Pò Khuổi	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 53"	107° 06' 50"			F-48-59-C
thôn Pò Nậm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 13"	107° 09' 05"			F-48-59-C
khuai Quặng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 23"	107° 09' 56"			F-48-59-C
khuai Sia	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình							F-48-59-C
suối Tà Lồng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình					21° 44' 31"	107° 08' 28"	F-48-59-C
núi Tích Sơn	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 09"	107° 09' 18"		107° 09' 45"	F-48-59-C
bản Bó Luồng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 34"	107° 04' 53"			F-48-59-A
bản Cẩm Đại	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 43' 41"	107° 04' 07"			F-48-59-C
suối Cầu Tầm	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình					21° 44' 49"	107° 02' 54"	F-48-59-C
bản Hu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 43"	107° 04' 34"			F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 45' 20"	107° 03' 52"			F-48-59-A
khuai Kê	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 45' 53"	106° 07' 40"			F-48-59-A
suối Khảo Chuông	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình					21° 44' 13"	107° 06' 18"	F-48-59-C
bản Khuổi Lý	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 41"	107° 03' 31"		107° 05' 21"	F-48-59-C
suối Khuổi Mười	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình					21° 41' 02"	107° 03' 54"	F-48-59-C
suối Khuổi Phặc	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình					21° 42' 51"	107° 04' 42"	F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình					21° 42' 51"	107° 05' 15"	F-48-59-C
núi Mỏ Slanh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình					21° 40' 37"	107° 05' 55"	F-48-59-C
khuai Mỹ	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 43' 25"	107° 05' 19"			F-48-59-C
núi Nà Dày	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 45' 21"	107° 04' 58"			F-48-59-A
bản Nà Dưa	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 19"	107° 03' 15"			F-48-59-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 42"	107° 04' 13"			F-48-59-C
núi Nà Siếm	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 05' 50"			F-48-59-C
đèo Ông Đổng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 02"	107° 03' 43"			F-48-59-C
bản Pò Báu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 34' 11"	106° 10' 01"			F-48-59-C
bản Pò Chơng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 43"	107° 05' 24"			F-48-57-C-d
núi Pò Co Lầu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 28"	107° 05' 14"			F-48-59-C
núi Pò Ka Lại	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 17"	107° 05' 46"			F-48-59-C
bản Quặng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 39"	107° 06' 40"			F-48-59-C
	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 37"	107° 04' 35"			F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Sinh Minh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	107° 04' 10"							F-48-59-C
núi Sùng SLắc	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 53"	107° 05' 52"							F-48-59-C
bản Tầm Hán	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 04' 29"							F-48-59-C
bản Tầm Pát	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 15"	107° 03' 44"							F-48-59-C
núi Tân Lũng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	107° 06' 05"							F-48-59-C
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 49"	106° 59' 33"	21° 45' 51"	106° 57' 39"			F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 44' 03"	106° 58' 21"	21° 44' 47"	106° 55' 54"			F-48-58-D-b
bản Cáo	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	106° 55' 45"							F-48-58-D-b
khuổi Khoai	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình					21° 46' 32"	106° 59' 04"	21° 45' 30"	106° 58' 57"	F-48-58-B+46-D
bản Khôn Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 40"	106° 59' 15"							F-48-58-B+46-D
bản Khôn Trang	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	106° 57' 38"							F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Củng	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình									F-48-58-B+46-D
bản Mới A	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình									F-48-58-B+46-D
bản Nà Già	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 02"	106° 58' 55"							F-48-58-D-b
bản Phai Sen	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 30"	107° 00' 27"							F-48-59-C-c
hồ Phai Sen	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 57' 50"							F-48-58-B+46-D
thôn Pò Coóc	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 57' 53"							F-48-58-D-b
bản Pò Khura	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 40"	106° 56' 39"							F-48-58-D-b
bản Pò Múi	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 58' 38"							F-48-58-B+46-D
bản Pò Ngòa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 30"	106° 57' 39"							F-48-58-B+46-D
bản Pò Qua	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 46' 08"	106° 58' 45"							F-48-58-B+46-D
bản Poọng Cầu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 39"	106° 58' 18"							F-48-58-B+46-D
bản Quán	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 58' 58"							F-48-58-B+46-D
bản Quyển	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 06"	106° 58' 42"							F-48-58-B+46-D
thôn Rinh Chùa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	106° 58' 48"							F-48-58-B+46-D
bản Sĩ Nghiêu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 58' 15"							F-48-58-D-b
bản Tầu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 35"	106° 58' 32"							F-48-58-B+46-D
bản Thông Mạ	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 35"	106° 57' 16"							F-48-58-D-b
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 43' 56"	107° 00' 29"							F-48-59-C-c
sông Bản Thín	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình					21° 46' 34"	107° 05' 11"	21° 47' 16"	107° 02' 58"	F-48-59-A
bản Cón Nua	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	107° 06' 52"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	21° 45' 18"	107° 01' 53"			F-48-59-A
bản Giảng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 17"	107° 02' 29"							F-48-59-A
khau Hai	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 32"	107° 04' 20"							F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Him Lấp	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 03"	107° 02' 15"	21° 45' 57"	107° 03' 22"	F-48-59-A		
núi Hìn Cải	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 30"	107° 06' 12"					F-48-59-A		
bản Kha Lài	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 00"	107° 02' 54"					F-48-59-A		
suối Khuổi Lẻ	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình							F-48-59-A		
khau Liêng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	107° 07' 23"	21° 45' 25"	107° 06' 53"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	F-48-59-A		
bản Luồng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	107° 01' 37"					F-48-59-A		
suối Nà SLiếc	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 26"	107° 02' 57"	21° 47' 18"	107° 04' 25"	F-48-59-A		
bản Na Vả	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	107° 01' 26"					F-48-59-A		
bản Nà Van	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 16"	107° 03' 03"					F-48-59-A		
suối Nà Xá	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình							F-48-59-A		
núi Pa Bì	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	107° 04' 33"	21° 46' 56"	107° 02' 47"	21° 47' 00"	107° 04' 15"	F-48-59-A		
bản Phai	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 39"	107° 05' 17"					F-48-59-A		
suối Phai Lạn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình							F-48-59-A		
bản Phiang Pục	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 37"	107° 05' 31"					F-48-59-A		
núi Pò Phiang Háng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 12"	107° 04' 16"					F-48-59-A		
bản Rọc	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 49"	107° 06' 33"					F-48-59-A		
khuai Tán	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	107° 03' 46"	21° 46' 55"	107° 01' 34"	21° 46' 02"	107° 00' 57"	F-48-59-A		
khuổi Tán	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình							F-48-59-A		
bản Thín	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 07"	107° 03' 29"	21° 47' 17"	107° 02' 07"	21° 46' 48"	107° 01' 21"	F-48-59-A		
khuai Chăn	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 54"	106° 49' 54"					F-48-59-A		
khuai Chôm	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 37"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D		
thôn Cón Cáu	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D		
thôn Cón Chá	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D		
suối Đông Phảy	TV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình			21° 45' 45"	106° 51' 04"	21° 47' 10"	106° 50' 47"	F-48-58-B+46-D		
thôn Khau Mu	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 44"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D		
khuai Lỏi	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 14"	106° 51' 42"					F-48-58-B+46-D		
thôn Nà Đông	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 50' 02"					F-48-58-B+46-D		
thôn Nà Pàm	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 51' 47"					F-48-58-B+46-D		
thôn Nà Rạo	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 22"	106° 50' 25"					F-48-58-B+46-D		
thôn Ôn Cựu	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 10"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D		
núi Pá Danh	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D		
bản Pò Lót	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D		
bản Pò Phát	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 27"	106° 50' 09"					F-48-58-B+46-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sầm Lẹo	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	106° 50' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Thẩm Quang	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 03"	106° 52' 09"					F-48-58-B+46-D
khau Thín	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 48"	106° 51' 44"					F-48-58-B+46-D
khau Vằng	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 51' 16"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lạ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 56"	106° 52' 17"					F-48-58-D-c
thôn Bản Pét	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 51' 47"					F-48-58-D-c
thôn Bản Ría	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 16"	106° 51' 09"					F-48-58-D-c
thôn Cốc Nhạn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 41"	106° 51' 50"					F-48-58-D-c
bản Đào Ấi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 50' 55"					F-48-58-D-c
thôn Hang Ủ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Lũng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
bản Khuổi Thuồng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 31"	106° 50' 14"					F-48-58-D-c
suối Mảnh	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 51"	106° 51' 23"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
suối Nà Mềng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 25"	106° 51' 25"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
bản Nà Năng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 29"	106° 51' 36"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Đông	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 42"	106° 52' 08"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Sắn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 51' 34"					F-48-58-D-c
bản Pò Chùa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 22"	106° 51' 22"					F-48-58-D-c
thôn Pò Đồn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 06"	106° 51' 12"					F-48-58-D-c
bản Pò Peo	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 24"	106° 51' 46"					F-48-58-D-c
thôn Suối Mảnh	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 32' 56"	106° 51' 20"					F-48-58-D-c
thôn Thái Nhi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 12"	106° 51' 29"					F-48-58-D-c
sông Thái Nhi	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 35' 42"	106° 51' 23"	21° 33' 40"	106° 50' 11"	F-48-58-D-c
khuổi Thuồng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 37' 29"	106° 50' 05"	21° 35' 42"	106° 51' 23"	F-48-58-D-c
thôn Kéo Hìn	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 47"	106° 51' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 43"	106° 51' 04"					F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 31"	106° 52' 21"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
khuổi Nọi	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 59"	106° 51' 52"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
thôn Phiang Phúc	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 47' 59"	106° 50' 44"			21° 47' 17"	106° 53' 43"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 00"	106° 52' 38"			F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mãn	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 41"	106° 53' 30"					F-48-58-B+46-D
bản Hang Vải	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 54"	106° 52' 43"					F-48-58-B+46-D
suối Lăng Ca	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 11"	106° 54' 18"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Mạn	TV	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình			21° 48' 44"	106° 53' 37"	21° 47' 34"	106° 53' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Chĩa	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 47' 07"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Hai	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 47' 49"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Lả	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 53' 27"					F-48-58-B+46-D
khuổi Shi	TV	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình			21° 49' 19"	106° 54' 47"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D
bản Bẻ	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 20"					F-48-58-D-a
bản Bó Tàng	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 44' 52"	106° 50' 39"					F-48-58-D-a
thôn Cốc Bé	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 44' 26"	106° 50' 59"					F-48-58-D-a
thôn Kéo Thiêng	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 51' 24"					F-48-58-D-a
thôn Khôn Nà	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 44' 44"	106° 51' 04"					F-48-58-D-a
khuổi Kinh	SV	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 50' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mạ	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 51' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tầm	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 45' 25"	106° 50' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tu	DC	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 49"					F-48-58-D-a
suối Vằng Pục	TV	xã Xuân Mạn	H. Lộc Bình			21° 44' 11"	106° 50' 41"	21° 44' 40"	106° 51' 25"	F-48-58-D-a
đường tỉnh 236	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 49"	106° 59' 59"	21° 47' 11"	106° 58' 19"	F-48-58-B+46-D
khuổi Chàn	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 53"	107° 01' 34"					F-48-59-A
bản Chi Ma	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 55"	107° 01' 15"					F-48-59-A
cửa khẩu Chi Ma	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 04"	107° 01' 50"					F-48-59-A
bản Cốc Nhạn	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 39"	107° 00' 59"					F-48-59-A
bản Khoái	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 58' 37"					F-48-58-B+46-D
bản Long Đầu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 22"	106° 59' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Long Đầu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 48' 35"	106° 59' 31"	21° 47' 34"	106° 59' 59"	F-48-59-A
thôn Nà Phát	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 15"	107° 02' 10"					F-48-59-A
thôn Nà Tàu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 59"	106° 59' 10"					F-48-58-B+46-D
đập Nà Tàu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 56"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Pác Mạ	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 58"	107° 00' 39"					F-48-58-B+46-D
suối Pác Và	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 49' 37"	107° 00' 58"	21° 47' 57"	107° 02' 19"	F-48-59-A
suối Pán Pẻ	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 46' 46"	107° 00' 25"	21° 46' 31"	107° 00' 09"	F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 57"	107° 00' 41"	21° 46' 37"	107° 00' 42"	F-48-59-A
núi Pò Co Giản	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 42"	107° 01' 42"					F-48-59-A
núi Pò Tầm	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 27"	107° 01' 25"					F-48-59-A
núi Pò Vín Và	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 48"	107° 02' 30"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 28"	106° 28' 08"					F-48-45-B
khu 2	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 28' 25"					F-48-45-B
khu 3	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 28' 13"					F-48-45-B
khu 4	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 10"	106° 28' 27"					F-48-45-B
khu 5	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 38"	106° 27' 52"					F-48-45-B
Khuối Âu	TV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định			22° 14' 34"	106° 20' 31"	22° 15' 02"	106° 19' 06"	F-48-45-D-a
thôn Cốc Sầy	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 12' 25"	106° 24' 52"					F-48-45-D
thôn Khau Luông	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 14' 17"	106° 20' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuối Âu	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 14' 41"	106° 19' 37"					F-48-45-D-a
bản Khuối Tô	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 10' 34"	106° 25' 21"					F-48-45-D
thôn Khuối Vai	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 12' 03"	106° 25' 08"					F-48-45-D
núi Lục Cước	SV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 11' 13"	106° 24' 50"					F-48-45-D
khuai Móc	SV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 12' 05"	106° 25' 51"					F-48-45-D
núi Pò Đồng	SV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 15' 09"	106° 18' 51"					F-48-45-D
bản Cẩm Tiên	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 23' 01"	108° 12' 32"					F-48-45-B-c
bản Chòm Tang	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 24' 12"	106° 11' 47"					F-48-45-A-b
suối Chòm Tang	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định			22° 23' 56"	106° 11' 30"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
thôn Kéo Danh	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 23' 14"	106° 12' 54"					F-48-45-A-b
bản Khuối Giá	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 57"	106° 14' 30"					F-48-45-A-b
bản Khuối Hèo	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 09"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
bản Khuối Lại	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 56"	106° 15' 38"					F-48-45-B-c
bản Khuối Léch	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 22' 55"	106° 11' 56"					F-48-45-A-b
thôn Khuối Nấp	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 45"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuối Pục	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 36"	106° 13' 22"					F-48-45-A-d
thôn Khuối Tô	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 22' 41"	106° 13' 45"					F-48-45-A-b
thôn Khuối Vai	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 07"	106° 15' 41"					F-48-45-B-c
Khuối Lại	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định			22° 20' 53"	106° 15' 39"	22° 20' 20"	106° 16' 25"	F-48-45-B-c
Khuối Lâm	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định			22° 21' 05"	106° 13' 37"	22° 20' 24"	106° 14' 48"	F-48-45-A-d
Khuối Léch	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định			22° 23' 23"	106° 11' 13"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
bản Pắc Môn	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 20"	106° 16' 03"					F-48-45-B-c
khuai Pô Chính	SV	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 15' 16"					F-48-45-B-c
khuai Pù	SV	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 04"	106° 13' 43"					F-48-45-A-d
Khuối Pục	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định			22° 21' 47"	106° 13' 17"	22° 22' 40"	106° 13' 53"	F-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Vàng Can	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 16' 22"			22° 18' 43"	106° 23' 16"	22° 18' 38"	106° 25' 06"	F-48-45-B-c
khuổi Ai	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định					22° 18' 16"	106° 27' 28"	22° 15' 43"	106° 27' 52"	F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
sông Bắc Khê	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
thôn Bản Mây	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 21"	106° 26' 07"							F-48-45-B
cầu Bông Lau	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 35"	106° 27' 29"							F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 27' 53"							F-48-45-B
suối Chì	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 29"	106° 27' 15"							F-48-45-B
thôn Cốc Cườm	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 15' 45"	106° 27' 59"							F-48-45-B
pò Dầu Khi	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 15' 53"	106° 26' 25"							F-48-45-B
thôn Dầu Linh	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 17"	106° 27' 35"							F-48-45-B
thôn Đồng Khọt	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 25"	106° 28' 14"							F-48-45-B
thôn Đồng Lưu	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 26"	106° 26' 45"							F-48-45-B
núi Đuốc Tắt	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 15"	106° 26' 29"							F-48-45-B
thôn Hàng Đồng	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 15' 54"	106° 27' 49"							F-48-45-B
thôn Kéo Quang	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 58"	106° 27' 37"							F-48-45-B
núi Khuổi Bao	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 53"	106° 24' 03"							F-48-45-B
đập Khuổi Hìn	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 27' 17"							F-48-45-B
đập Khuổi Nghìn	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 40"	106° 28' 03"							F-48-45-B
núi Lũng Nào	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 56"	106° 27' 33"							F-48-45-B
khuổi Lương	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 33"	106° 25' 42"							F-48-45-B
thôn Nà Cây	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 09"	106° 27' 56"							F-48-45-B
thôn Nà Chát	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 07"	106° 26' 01"							F-48-45-B
thôn Nà Khưa	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 47"	106° 26' 33"							F-48-45-B
thôn Nà Pàng	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 18' 15"	106° 25' 20"							F-48-45-B
thôn Nà Puộc	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 06"	106° 27' 31"							F-48-45-B
khuổi Ngán	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
khuổi Nghìn	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
khuổi Ổ	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
suối Pác Cáp	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
bản Tam	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định									F-48-45-B
sông Thà Cao	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 03"	106° 26' 38"							F-48-45-B
thôn Xe Lán	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 27"	106° 27' 37"							F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 43"	106° 26' 22"	22° 20' 21"	106° 28' 59"	F-48-45-B
khuổi Bó	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 49"	106° 24' 33"	22° 21' 17"	106° 23' 39"	F-48-45-B
khau Bóc	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 18' 32"	106° 27' 19"					F-48-45-B
đèo Bông Lau	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 29"	106° 28' 56"					F-48-45-B
bản Ca	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 51"	106° 23' 06"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 04"	106° 23' 17"					F-48-45-B
thôn Cốc Tòng	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 35"	106° 25' 09"					F-48-45-B
khuổi Dạ	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 36"	106° 23' 41"	22° 19' 55"	106° 24' 37"	F-48-45-B
khuổi Đàng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 03"	106° 22' 09"	22° 21' 06"	106° 23' 46"	F-48-45-B
núi Đồng Sằm	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 11"	106° 21' 57"					F-48-45-B
bản Già Ngàn	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 26' 05"					F-48-45-B
khau Khuổi Ai	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 18' 54"	106° 23' 04"					F-48-45-B
thôn Khuổi Dạ	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 33"	106° 22' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Đàng	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 47"	106° 23' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Khuông	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 21' 58"					F-48-45-B
thôn Khuổi Nà	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 12"	106° 26' 31"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Phạ	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 41"	106° 23' 19"					F-48-45-B
khuổi Khuông	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 58"	106° 21' 54"	22° 21' 20"	106° 23' 32"	F-48-45-B
thôn Lũng Phầy	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 20"	106° 26' 14"					F-48-45-B
khuổi Mông	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 45"	106° 22' 22"	22° 21' 15"	106° 23' 34"	F-48-45-B
bản Nà Cạo	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 19"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Nà Quán	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 56"	106° 23' 53"					F-48-45-B
thôn Pác Bó	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 54"	106° 24' 30"					F-48-45-B
khuổi Phưông	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 23' 39"	22° 19' 21"	106° 24' 53"	F-48-45-B
khau Piao	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 22"	106° 26' 43"					F-48-45-B
suối Thà Cạo	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 55"	106° 24' 36"					F-48-45-B
thôn Thà Lừa	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 56"	106° 23' 01"	22° 18' 40"	106° 25' 06"	F-48-45-B
khuổi Tùng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 50"	106° 22' 28"	22° 20' 47"	106° 24' 01"	F-48-45-B
suối Năm An	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 41"	106° 31' 52"	22° 14' 39"	106° 28' 54"	F-48-45-B
đường tỉnh 228A	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 39"	106° 31' 54"	22° 15' 17"	106° 28' 39"	F-48-46-A
đường tỉnh 4A	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 18"	106° 28' 36"	22° 14' 14"	106° 30' 02"	F-48-45-D
thôn Cáp Kê	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 49"	106° 28' 41"					F-48-45-D
suối Cốc Phất	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 17' 13"	106° 29' 41"	22° 14' 52"	106° 28' 37"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hang Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 00"	106° 28' 41"					F-48-45-B
thôn Khắc Deng	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 37"	106° 29' 29"					F-48-45-D
thôn Khau Ngủ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 05"	106° 28' 42"					F-48-45-B
thôn Khôn Cà	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 16"	106° 29' 19"					F-48-45-D
bản Khuổi Mu	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 14"	106° 31' 03"					F-48-46-A
bản Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 27"	106° 29' 40"					F-48-45-D
khau Mĩ	SV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 21"	106° 31' 54"					F-48-46-A
bản Mới	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 28' 31"					F-48-45-B
thôn Nà Cạn	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 31"	106° 28' 34"					F-48-45-B
thôn Nà Khuất	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 44"	106° 29' 16"					F-48-45-B
thôn Nà Nghiêu	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 43"	106° 28' 10"					F-48-45-B
thôn Nà Phái	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
bản Nà Phiêng	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 27"	106° 31' 05"					F-48-45-B
thôn Nà Phuc	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 16"	106° 29' 23"					F-48-46-A
thôn Nà Trại	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 18"	106° 28' 51"					F-48-45-B
thôn Nà Vài	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 51"	106° 28' 55"					F-48-45-B
khuổi Năm	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 19"	106° 30' 02"	22° 15' 30"	106° 30' 00"	F-48-46-A
đập Nặm Quăng	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 58"	106° 29' 37"					F-48-45-B
bản Pác Cam	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 30"	106° 31' 38"					F-48-46-A
suối Pác Chác	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 30"	106° 28' 08"	22° 15' 38"	106° 27' 59"	F-48-45-B
bản Phiêng Luông	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 14"	106° 30' 12"					F-48-46-A
thôn Pò Bó	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 45"	106° 29' 40"					F-48-45-D
thôn Bản Bàu	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 12' 53"	106° 40' 04"					F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 14' 55"	106° 37' 39"					F-48-46-C
thôn Bản Chè	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 14' 47"	106° 37' 56"					F-48-46-C
thôn Bản Deng	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 46"	106° 36' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Kéo	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 15' 09"	106° 39' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Pheng	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 34"	106° 36' 42"					F-48-46-C
thôn Bản Púng	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 15' 38"	106° 39' 43"					F-48-46-C
suối Bản Púng	TV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định			22° 14' 50"	106° 38' 22"	22° 16' 08"	106° 40' 15"	F-48-46-A
thôn Bản Tao	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 12' 39"	106° 38' 47"					F-48-46-C
thôn Cáo Vài	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 14' 12"	106° 41' 11"					F-48-46-C
bản Co Ca	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 10' 39"	106° 38' 23"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Công Lương	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 11' 31"	106° 38' 18"					F-48-46-C
núi Kéo Chải	SV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 48"	106° 40' 59"					F-48-46-C
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 11' 50"	106° 38' 03"					F-48-46-C
suối Khuổi Cọ	TV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định			22° 12' 12"	106° 38' 12"	22° 11' 35"	106° 38' 28"	F-48-46-C
sông Kỳ Cưng	TV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định			22° 11' 06"	106° 38' 04"	22° 13' 15"	106° 42' 01"	F-48-46-C
Khuổi Lạn	TV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định			22° 14' 04"	106° 41' 37"	22° 13' 04"	106° 41' 40"	F-48-46-C
bản Nà Cốc	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 12' 08"	106° 40' 07"					F-48-46-C
thôn Nà Khoang	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 16' 31"	106° 41' 07"					F-48-46-A
thôn Nà Nắm	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 11' 41"	106° 39' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Oí	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 08"	106° 40' 39"					F-48-46-C
thôn Pác Lạn	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 12' 44"	106° 41' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Páo	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 15"	106° 37' 18"					F-48-46-C
thôn Phiêng Sinh	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 15' 06"	106° 38' 52"					F-48-46-C
suối Siam Ngâm	TV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định			22° 14' 47"	106° 40' 09"	22° 12' 24"	106° 40' 09"	F-48-46-A
Khuai Cà	SV	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 11' 43"	106° 26' 48"					F-48-46-C
bản Cầu	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 14' 25"	106° 27' 41"					F-48-45-D
thôn Cốc Lũng	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 10' 23"	106° 27' 33"					F-48-45-D
thôn Cốc Tào	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 15' 30"	106° 27' 21"					F-48-45-D
núi Đông Mù	SV	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 12' 50"	106° 25' 48"					F-48-45-B
thôn Đồng Nà	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 27' 35"					F-48-45-D
núi Hìn Tằng	SV	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 11' 59"	106° 27' 53"					F-48-45-B
thôn Kéo Lầy	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 14' 56"	106° 28' 09"					F-48-45-D
thôn Khau Cà	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 11' 55"	106° 26' 12"					F-48-45-D
suối Khau Cà	TV	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định			22° 12' 18"	106° 25' 50"	22° 11' 20"	106° 27' 01"	F-48-45-D
thôn Linh Đeng	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 15' 28"	106° 27' 56"					F-48-45-D
thôn Lũng Khẩu	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 25' 44"					F-48-45-D
thôn Nà Ao 1	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định							F-48-45-B
thôn Nà Ao 2	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định							F-48-45-B
thôn Nà Cầm	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 13' 39"	106° 25' 35"					F-48-45-D
thôn Nà Lầu	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 15' 48"	106° 27' 21"					F-48-45-D
thôn Nà Pải	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 14' 46"	106° 27' 52"					F-48-45-B
Khuổi Nhung	TV	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định			22° 13' 28"	106° 24' 14"	22° 13' 43"	106° 24' 49"	F-48-45-D
thôn Pác Lương	DC	xã Đẻ Thảm	H. Trảng Định	22° 15' 05"	106° 28' 20"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pô Có	DC	xã Đê Thám	H. Trảng Định	22° 12' 53"	106° 26' 09"					F-48-45-D
bản Quyển	DC	xã Đê Thám	H. Trảng Định	22° 13' 55"	106° 26' 38"					F-48-45-D
núi Sam Sao	SV	xã Đê Thám	H. Trảng Định	22° 11' 07"	106° 26' 13"					F-48-45-D
thôn Bần Ấng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
thôn Bần Niềng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 51"	106° 13' 22"					F-48-45-A-b
khuổi Bon	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định		22° 21' 45"	106° 14' 56"		22° 21' 45"	106° 16' 05"	F-48-45-B-c
khau Bon	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 02"	106° 15' 00"					F-48-45-B-c
khau Chả	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 02"	106° 14' 29"					F-48-45-A-b
suối Đoàn Kết	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 26' 07"	106° 12' 41"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Đông	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 11"	106° 14' 20"	22° 23' 51"	106° 14' 59"	F-48-45-A-b
khuổi Hảo	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 25' 48"	106° 15' 27"	22° 25' 35"	106° 15' 14"	F-48-45-B-a
khau Khiếu	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 09"	106° 12' 27"					F-48-45-A-b
khau Khin	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 21"	106° 16' 33"					F-48-45-B-a
khuổi Khin	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 53"	106° 15' 42"	22° 23' 29"	106° 15' 25"	F-48-45-B-a
khau Khit	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 07"	106° 16' 52"					F-48-45-B-c
thôn Nà Bắc	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 24"	106° 16' 33"					F-48-45-B-c
bản Nà Cài	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 31"	106° 15' 18"					F-48-45-B-a
bản Nà Cạm	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 36"	106° 16' 12"					F-48-45-B-a
thôn Nà Cốc	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 21"	106° 13' 08"					F-48-45-A-b
bản Nà Cuối	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Hên	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 04"	106° 13' 24"					F-48-45-A-b
bản Nà Nhàn	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 40"	106° 14' 55"					F-48-45-A-b
thôn Nà Phệt	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 15' 55"					F-48-45-B-c
thôn Nà Sắn	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 14' 58"					F-48-45-A-b
bản Nà Siêu	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 08"	106° 15' 42"					F-48-45-B-c
bản Nà Slin	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 20"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Suồng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 07"	106° 14' 06"					F-48-45-B-c
thôn Nà Ún	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
bản Nà Vàng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 20' 58"	106° 16' 50"					F-48-45-B-c
suối Nậm Chằng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 16"	106° 12' 57"	22° 24' 56"	106° 13' 30"	F-48-45-A-b
thôn Nậm Chằng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 42"	106° 13' 29"					F-48-45-A-b
khuổi Nuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 05"	106° 14' 42"	22° 22' 04"	106° 15' 48"	F-48-45-B-c
cầu Pác Heng	KX	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 08"	106° 15' 46"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pác Khin	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 05"	106° 15' 45"					F-48-45-B-a
bản Pác Lạ	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 55"	106° 12' 19"					F-48-45-A-b
khuổi Phụ	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 39"	106° 16' 47"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-B-a
khuổi Sáy	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 25' 50"	106° 13' 35"	22° 25' 16"	106° 13' 43"	F-48-45-A-b
khuổi Suồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 59"	106° 13' 57"	22° 24' 54"	106° 14' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Vàng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 21' 01"	106° 16' 57"	22° 20' 48"	106° 16' 30"	F-48-45-B-c
thôn Bản Chang	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 17' 23"	106° 32' 29"					F-48-46-A
đôi Cài	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 31' 21"					F-48-46-A
nậm Chà	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 22"	106° 34' 04"	22° 19' 39"	106° 32' 31"	F-48-46-A
núi Co Lũng Lìn	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 23"	106° 36' 34"					F-48-46-A
núi Đồn Cao Môn	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 40"	106° 36' 56"					F-48-46-A
suối Đuốc Quang	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định							F-48-46-A
suối Khau Sầm	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 11"	106° 36' 53"	22° 19' 55"	106° 36' 08"	F-48-46-A
bản Khuổi Nọi	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 46"	106° 35' 29"					F-48-46-A
thôn Kim Lý	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 17' 52"	106° 32' 37"					F-48-46-A
suối Kỳ Nà	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 45"	106° 31' 55"	22° 18' 54"	106° 32' 30"	F-48-46-A
khu Mươi	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 57"	106° 33' 12"					F-48-46-A
thôn Nà Đon	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 16' 55"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Nà Ké	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-A
bản Nà Ké	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 18' 57"	106° 33' 24"					F-48-46-A
thôn Nà Lặng	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 00"	106° 33' 44"					F-48-46-A
suối Nặm An	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 18' 54"	106° 32' 22"	22° 16' 41"	106° 31' 52"	F-48-46-A
bản Nặm Chà	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 26"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Nặm Khoang	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 32' 25"					F-48-46-A
sông Bắc Khê	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 14' 28"	106° 28' 42"	22° 13' 52"	106° 29' 24"	F-48-46-A
thôn Bản Coong	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 19"	106° 29' 23"					F-48-45-D
thôn Bản Piêng	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 11"	106° 28' 47"					F-48-45-D
thôn Bản Phường	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 10' 26"	106° 28' 38"					F-48-45-D
bản Bàu	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 09"	106° 29' 25"					F-48-45-D
bản Chu	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 37"	106° 29' 04"					F-48-45-D
thôn Cốc Càng	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 36"	106° 28' 29"					F-48-45-D
khu Deng	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 21"	106° 27' 53"					F-48-45-D
núi Đông Ba	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 07"	106° 27' 23"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Mẩn	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 42"	106° 29' 30"					F-48-45-D
núi Hua Vải	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 40"	106° 28' 40"					F-48-45-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 02"	106° 30' 24"	F-48-45-D
núi Mạ Quynh	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 28"	106° 27' 25"					F-48-45-D
thôn Nà Cá	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 12"	106° 28' 21"					F-48-45-D
thôn Nà Chùa	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 11"	106° 28' 40"					F-48-45-D
thôn Nà Khoang	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 41"	106° 30' 03"					F-48-45-D
khuau Nam	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 34"	106° 27' 35"					F-48-46-C
núi Pic Khát	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 34"	106° 26' 25"					F-48-45-D
khuổi Piêng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 12' 35"	106° 26' 58"	22° 12' 42"	106° 29' 09"	F-48-45-D
khuổi Phồng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 11' 44"	106° 27' 53"	22° 10' 46"	106° 29' 30"	F-48-45-D
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 10' 48"	106° 28' 24"	22° 09' 49"	106° 29' 19"	F-48-45-D
thôn Thà Tô	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 29' 25"					F-48-45-D
thôn Thâm Luông	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 33"	106° 28' 07"					F-48-45-D
hồ Thâm Luông	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Vải Pải	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 22"	106° 29' 51"					F-48-45-D
khuau Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 53"	106° 31' 44"					F-48-45-D
quốc lộ 4A	KX	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 57"	106° 30' 56"	22° 10' 25"	106° 32' 23"	F-48-46-C
sông Bắc Giang	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 08' 39"	106° 30' 14"	22° 11' 44"	106° 30' 34"	F-48-46-C
thôn Bản Nhàn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định							F-48-45-D
thôn Bản Tết	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 41"	106° 31' 05"					F-48-46-C
suối Đồng Đeng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 50"	106° 30' 40"			22° 12' 00"	106° 30' 41"	F-48-46-C
thôn Hát Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 09"	106° 31' 42"			F-48-46-C
đèo Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 42"	106° 31' 50"					F-48-46-C
khuổi Khách	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 11"	106° 31' 21"					F-48-46-C
khuau Khòn	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 11' 35"	106° 31' 59"	22° 11' 10"	106° 31' 14"	F-48-46-C
thôn Khuổi Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 14"	106° 31' 37"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 06"	106° 31' 22"					F-48-46-C
suối Pác Mạ	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 02"	106° 30' 24"	22° 10' 24"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phác Giang	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 29"	106° 30' 41"	22° 10' 38"	106° 33' 00"	22° 10' 43"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phiang Chuông	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 48"	106° 29' 44"					F-48-46-C
thôn Pò Ca	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 12' 26"	106° 31' 02"					F-48-46-C
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 09' 49"	106° 29' 19"	22° 09' 52"	106° 29' 33"	F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuê Tét	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 09' 42"	106° 30' 24"					F-48-46-C
đường tỉnh 228C	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 12' 28"	106° 33' 04"	22° 13' 13"	106° 30' 57"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 14' 14"	106° 30' 02"	22° 12' 57"	106° 30' 56"	F-48-46-C
thôn Bân Đuốc	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 24"	106° 30' 23"					F-48-46-C
thôn Bân Năm	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 20"	106° 31' 10"					F-48-46-C
thôn Bân Phiang	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 48"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bân Sàl	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 05"	106° 31' 36"					F-48-46-C
thôn Bân Sùng	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 31' 05"					F-48-46-C
thôn Bân Táp	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 30"	106° 33' 18"					F-48-46-C
thôn Bân Trại	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 06"	106° 29' 48"					F-48-46-C
cầu Bân Trại	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 14"	106° 30' 11"					F-48-45-D
bản Bon	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 07"	106° 32' 42"					F-48-46-C
khuổi Bóc	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 13"	106° 31' 32"	22° 14' 10"	106° 32' 03"	F-48-46-C
núi Cước Bưng	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 32"	106° 31' 41"					F-48-46-C
súi Hang Chà	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 05"	106° 31' 06"	22° 14' 28"	106° 31' 14"	F-48-46-C
đèo Kéo Dầy	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 57"	106° 30' 56"					F-48-46-C
núi Khôn Kéo	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 28"	106° 30' 12"					F-48-46-C
thôn Khuổi Bóc	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 32' 04"					F-48-46-C
sông Kỳ Cưng	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 00"	106° 33' 32"	F-48-46-C
súi Nà Bô	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 13"	106° 32' 19"	22° 14' 13"	106° 32' 22"	F-48-46-C
thôn Nà Kéo	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 60"	106° 31' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sắn	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 27"	106° 33' 01"					F-48-46-C
bản Nà Trà	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 35"	106° 30' 58"					F-48-46-C
súi Nậm Đàng	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 22"	106° 32' 23"	22° 15' 14"	106° 32' 33"	22° 14' 29"	106° 32' 41"	F-48-46-C
bản Pác Pán	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 21"	106° 32' 27"					F-48-46-C
thôn Pò Lôi	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định							F-48-46-C
khuổi Bày	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 25' 03"	106° 18' 03"	22° 24' 47"	106° 15' 16"	F-48-46-C
khuổi Cao	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 13"	106° 16' 52"	22° 22' 56"	106° 15' 16"	F-48-45-B-a
núi Chông Mu	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 27' 45"	106° 14' 15"			F-48-45-B-a
khuổi Hảo	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 27' 45"						F-48-45-A-b
thôn Khuổi Báy A	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							F-48-45-B-a
thôn Khuổi Báy B	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Hảo	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 57"	106° 15' 37"					F-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Phụ A	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Phụ B	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Sáy	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 26' 31"	106° 13' 32"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Sảng	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 26' 27"	106° 14' 38"					F-48-45-A-b
bản Mạ Thai	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 52"	106° 17' 57"					F-48-45-B-a
suối Mạ Thai	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 32"	106° 18' 07"	22° 24' 07"	106° 18' 17"	F-48-45-B-a
bản Nà Cà	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 58"	106° 16' 11"					F-48-45-B-a
bản Nà Đăm	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 15"	106° 17' 53"					F-48-45-B-a
khuổi Nuông	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 26' 32"	106° 13' 58"	22° 25' 07"	106° 14' 09"	F-48-45-A-b
bản Phàn Mẩn	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 23' 54"	106° 18' 06"					F-48-45-A-b
núi Phàn Mẩn	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 31"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
khuổi Phụ	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định							F-48-45-B-a
suối Phụ Nội	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 22"	106° 18' 37"	22° 22' 39"	106° 16' 47"	F-48-45-B-a
khuổi Sả	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 23' 50"	106° 17' 15"	22° 23' 20"	106° 17' 43"	F-48-45-B-a
khuổi Sáy	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 27' 07"	106° 14' 25"	22° 25' 55"	106° 14' 56"	F-48-45-A-b
núi Siam Cốc	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 18"	106° 16' 29"	22° 27' 07"	106° 13' 44"	22° 25' 50"	106° 13' 35"	F-48-45-A-b
suối Tắt Lóng	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 10"	106° 17' 54"	22° 24' 06"	106° 18' 02"	F-48-45-B-a
khau Tèo	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 12"	106° 16' 58"					F-48-45-B-a
núi Bó Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 18' 58"	106° 22' 21"					F-48-45-B-c
khau Cà	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 20"	106° 24' 26"					F-48-45-B
núi Chôn Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 60"	106° 23' 36"					F-48-45-B
thôn Co Vài	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 48"	106° 21' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Có Vài	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 22' 14"	22° 15' 11"	106° 21' 24"	F-48-45-D
bản Kéo Bềng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 55"	106° 23' 03"					F-48-45-B
thôn Kéo Vằng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Kệt	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 24"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sô	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 54"	106° 25' 15"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sươi	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 39"	106° 23' 30"					F-48-45-B
khuổi Mải	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 48"	106° 21' 37"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
nà Múc	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 26"	106° 22' 53"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
khau Mười	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 24' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Múc	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 39"	106° 22' 58"					F-48-45-B
thôn Nà Siêng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 49"	106° 23' 38"					F-48-45-D
										F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Song	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 32"	106° 24' 39"					F-48-45-B
bản Nà Tằng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 58"	106° 23' 40"					F-48-45-B
thôn Nà Thà	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 49"	106° 22' 35"					F-48-45-B
thôn Pác Đông	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 50"	106° 24' 25"					F-48-45-B
thôn Pán Đào	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 22' 35"					F-48-45-B
núi Pán Van	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 23' 07"					F-48-45-B
khởi Sô	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 04"	106° 24' 17"	22° 15' 41"	106° 24' 58"	F-48-45-B
thôn Vằng Chao	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 46"	106° 22' 22"					F-48-45-B
thôn Ven Đin	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 51"	106° 25' 10"					F-48-45-B
đường tỉnh 228	KX	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 21' 19"	106° 31' 15"	22° 22' 29"	106° 34' 47"	F-48-46-A
thôn Bản Đảo	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 33' 28"					F-48-46-A
thôn Bản Dị	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 48"	106° 33' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Pệt	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 45"	106° 32' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Phac	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 25"	106° 32' 43"					F-48-46-A
thôn Bản Sái	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 31' 14"					F-48-46-A
súi Bản Sáng	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 23' 32"	106° 32' 39"	22° 22' 33"	106° 33' 06"	F-48-46-A
súi Bản Sần	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 43"	106° 30' 02"	22° 20' 19"	106° 28' 25"	22° 21' 21"	106° 28' 55"	F-48-45-B
thôn Bản Tồn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 48"	106° 32' 56"					F-48-46-A
thôn Bô Luống	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 30"	106° 29' 01"					F-48-46-A
hồ Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 59"	106° 30' 30"					F-48-45-B
máng Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 20"	106° 31' 33"					F-48-46-A
núi Cầu Nóc	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 21"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cốc Slin	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 21"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cốc Phia	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 06"	106° 32' 04"					F-48-46-A
núi Đán Đeng	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 58"	106° 32' 19"					F-48-46-A
khau Đang	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 44"	106° 33' 29"					F-48-46-A
thôn Hang Đổng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 56"	106° 32' 50"					F-48-46-A
đập Hua Khao	KX	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 52"	106° 32' 58"					F-48-46-A
đèo Keng Pên	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 25' 17"	106° 33' 02"					F-48-46-A
đèo Keng Va	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 27"	106° 34' 49"					F-48-46-A
núi Kéo Cơm	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 19"	106° 29' 32"					F-48-45-B
phía Khao	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 14"	106° 32' 36"					F-48-46-A
phía Khoang	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 19"	106° 34' 02"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Long Thịnh	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 32"	106° 31' 29"					F-48-46-A
núi Lũng Cừ	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 32' 53"					F-48-46-A
núi Lũng Hìn	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 17"	106° 35' 03"					F-48-46-A
núi Lũng Lin	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 14"	106° 34' 25"					F-48-46-A
núi Lũng Nốt	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 02"	106° 34' 09"					F-48-46-A
núi Lũng Pán	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 32"	106° 29' 11"					F-48-46-A
thôn Lũng Toóng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 48"	106° 32' 08"					F-48-45-B
thôn Lũng Xá	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 40"	106° 30' 10"					F-48-46-A
núi Lũng Xác	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 44"	106° 33' 34"					F-48-46-A
phía Mĩ	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 37"	106° 33' 01"					F-48-46-A
thôn Nà Bang	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 43"	106° 31' 34"					F-48-46-A
thôn Nà Nưa	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 37"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Păn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 31' 21"					F-48-46-A
thôn Pác Bó	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 38"	106° 32' 36"					F-48-46-A
thôn Phía Siếc	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 30"	106° 33' 38"					F-48-46-A
suối Phía Siếc	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 25' 06"	106° 33' 16"	22° 23' 08"	106° 33' 57"	F-48-46-A
bản Pò Chả	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 02"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 34"	106° 30' 40"					F-48-46-A
thôn Pò Chạng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 01"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Pò Chơng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 10"	106° 30' 58"					F-48-46-A
thôn Pò Háng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 45"	106° 30' 58"					F-48-46-A
phía Pủ Ní	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 09"	106° 32' 31"					F-48-46-A
bản Slàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 46"	106° 29' 18"					F-48-46-A
khau Siếm	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 05"	106° 33' 39"					F-48-45-B
thôn Thăm Ho	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 28"	106° 30' 47"					F-48-46-A
núi Toóng	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 19"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Ba Xá	SV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
thôn Bản Sào	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 06"	106° 34' 45"					F-48-46-C
thôn Bản Xỏm	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 13' 33"	106° 36' 28"	22° 13' 01"	106° 34' 51"	F-48-46-C
Khuổi Cầm	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 10' 21"	106° 33' 50"	22° 11' 07"	106° 34' 59"	F-48-46-C
bản Háng Cầu	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 16"	106° 36' 26"					F-48-46-C
thôn Káo Phảy	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 34' 45"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 12' 00"	106° 33' 32"	22° 11' 06"	106° 38' 04"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ca	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 01"	106° 34' 39"					F-48-46-C
thôn Nà Dải	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 27"	106° 34' 46"					F-48-46-C
thôn Nà Deng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 24"	106° 34' 12"					F-48-46-C
bản Nà Làng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 54"	106° 35' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Linh	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 01"	106° 35' 44"					F-48-46-C
thôn Nà Nạ	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-C
bản Nà Nhừ	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 29"	106° 35' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pò	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 02"	106° 35' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sáng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 59"	106° 35' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Sưa	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 56"	106° 35' 14"					F-48-46-C
thôn Pắc Nặm	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 14"	106° 35' 15"					F-48-46-C
thôn Phác Phủa	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 56"	106° 35' 31"					F-48-46-C
thôn Phiêng Leng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 06"	106° 35' 27"					F-48-46-C
thôn Phiêng Mán	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 58"	106° 36' 40"					F-48-46-C
thôn Phiêng Mò	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 35"	106° 37' 11"					F-48-46-C
khuổi Piạc	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 09' 49"	106° 35' 22"	22° 10' 29"	106° 36' 20"	F-48-46-C
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 10"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Pò Lạn	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 40"	106° 35' 34"					F-48-46-C
thôn Pò Mạn	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 48"	106° 35' 35"					F-48-46-C
suối Trung Thành	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 13' 32"	106° 34' 53"	22° 11' 49"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 59"	106° 36' 57"					F-48-46-A
thôn Bản Cọ	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 33"	106° 39' 18"					F-48-46-A
suối Bản Cọ	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 17' 50"	106° 39' 25"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
thôn Bản Khén	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 38"	106° 36' 32"					F-48-46-A
thôn Bản Kiêng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 03"	106° 36' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Sắng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 11"	106° 37' 39"					F-48-46-A
suối Chung Sian	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 19' 06"	106° 36' 53"	22° 19' 35"	106° 36' 23"	F-48-46-A
bản Đon Chang	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 43"	106° 36' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Nhàn	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 32"	106° 36' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Cuối	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 15' 44"	106° 38' 00"					F-48-46-A
thôn Nà Leng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 14"	106° 38' 31"					F-48-46-A
bản Nà Ngỏ	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 59"	106° 37' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Púng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 47"	106° 37' 52"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Púng	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 38' 04"	22° 16' 20"	106° 36' 35"	F-48-46-A
thôn Pò Khảo	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 21"	106° 38' 25"					F-48-46-A
bản Pò Lạ	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 35' 51"					F-48-46-A
núi Pò Lạ	SV	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 37' 02"					F-48-46-A
bản Pò Seo	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 38' 59"					F-48-46-A
thôn Thâm Công	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 33"	106° 39' 28"					F-48-46-A
suối Thâm Công	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 17' 07"	106° 39' 60"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
khuổi Bì Ấp (Biếp)	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 16' 51"	106° 19' 52"	22° 17' 07"	106° 20' 08"	F-48-45-B-c
thôn Ang Mò	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 33"	106° 19' 13"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định							F-48-45-B-c
bản Cam Phệt	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 47"	106° 20' 52"					F-48-45-B-c
bản Châu	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 05"	106° 18' 14"					F-48-45-B-c
khuổi Cù	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 17"	106° 16' 45"	22° 17' 36"	106° 21' 53"	F-48-45-B-c
khuổi Khoay	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định							F-48-45-B-c
thôn Khuổi Bắp	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 16' 02"	106° 19' 20"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Cù	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 27"	106° 19' 30"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Kiền	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 21' 14"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Sli	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 18' 27"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Siêng	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 17"	106° 19' 52"					F-48-45-B-c
khau Khuổi Suồn	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 42"	106° 19' 31"					F-48-45-B-c
khuổi Kiền	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 08"	106° 21' 28"	22° 17' 52"	106° 20' 51"	F-48-45-B-c
khau Nà Hào	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 11"	106° 19' 41"					F-48-45-B-c
thôn Nà Hào	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 18"	106° 19' 51"					F-48-45-B-c
suối Nà Mán	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 15' 59"	106° 19' 21"	22° 16' 51"	106° 19' 52"	F-48-45-B-c
bản Nà Thia	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 20' 16"					F-48-45-B-c
bản Pác Đào	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 10"	106° 16' 54"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 09"	106° 21' 04"					F-48-45-B-c
bản Phiang Kim	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 45"	106° 19' 05"					F-48-45-B-c
thôn Pò Cai	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 59"	106° 17' 41"					F-48-45-B-c
khau Pò Kiền	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 37"	106° 20' 15"					F-48-45-B-c
bản Pò Nóc	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 58"	106° 20' 44"					F-48-45-B-c
bản Pò Ôm	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 09"	106° 19' 42"					F-48-45-B-c
khuổi Rào	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 05"	106° 16' 40"	22° 20' 12"	106° 16' 44"	F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu SLiêm	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 51"	106° 17' 33"					F-48-45-B-c
khuổi Siêng	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 20' 36"	22° 18' 12"	106° 19' 53"	F-48-45-B-c
khuổi Suồn	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 42"	106° 19' 06"	22° 18' 25"	106° 19' 31"	F-48-45-B-c
khuổi Sỳ	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 58"	106° 18' 17"	22° 18' 44"	106° 18' 56"	F-48-45-B-c
thôn Tà Chang	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 36"	106° 20' 51"					F-48-45-B-c
khu Tàng	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 10"	106° 17' 14"					F-48-45-B-c
cầu Thả Chang	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 31"	106° 21' 40"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định							F-48-45-B-c
nằm Cát	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định							F-48-45-B-c
núi Chón Quyn	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 59"	106° 16' 10"			22° 20' 17"	106° 16' 45"	F-48-45-B-c
khuổi Chừn	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định					22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
thôn Cốc Tân	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 15' 45"	106° 15' 01"					F-48-45-A-d
bản Hín Théc	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 11"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
thôn Kéo Cà	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 18"	106° 15' 47"					F-48-45-B-c
núi Kéo Cà	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 46"	106° 15' 40"					F-48-45-B-c
bản Kéo Táy	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 16' 25"	106° 15' 17"					F-48-45-B-c
thôn Khau Mò	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 16' 22"	106° 16' 45"	22° 17' 08"	106° 16' 60"	F-48-45-B-c
khu Khern	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 22"	106° 13' 20"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Chừn	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 13' 55"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Khuýt	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 44"	106° 13' 34"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Mán	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 21"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Pén	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 20' 02"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
núi Khuổi Vại	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 15"	106° 15' 57"					F-48-45-B-c
khu Luông	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 16' 52"	106° 16' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Mán	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định					22° 18' 12"	106° 15' 18"	F-48-45-A-d
khuổi Mán	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định					22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
khu Máo	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định							F-48-45-B-c
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 45"	106° 17' 13"					F-48-45-A-d
khuổi Pác Chừn	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 52"	106° 14' 25"					F-48-45-A-d
bản Pác Da	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 00"	106° 16' 58"			22° 18' 35"	106° 14' 22"	F-48-45-B-c
thôn Pác Đeng	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 27"	106° 16' 24"					F-48-45-B-c
bản Pác Đin	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 46"	106° 16' 17"					F-48-45-B-c
thôn Pác Mười	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 09"	106° 15' 15"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Pác Mười	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 16' 48"	106° 15' 23"	22° 18' 01"	106° 15' 14"	F-48-45-B-c		
khuai Phác	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 15' 51"	106° 15' 56"					F-48-45-B-c		
thôn Phia Khao	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 30"	106° 16' 51"					F-48-45-B-c		
đường tỉnh 228	KX	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 17' 19"	106° 28' 35"	22° 21' 19"	106° 31' 15"	F-48-45-B		
bản Kỵ	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 39"	106° 30' 44"					F-48-46-A		
suối Bán Bó	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 20' 05"	106° 27' 06"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B		
bản Bó	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 60"	106° 27' 35"					F-48-45-B		
núi Cốc Phia	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 00"	106° 29' 20"					F-48-45-B		
suối Cốc Phia	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 19' 25"	106° 28' 45"	22° 18' 35"	106° 28' 06"	F-48-45-B		
bản Cốc Sỏi	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 25"	106° 28' 27"					F-48-45-B		
bản Đồng	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 52"	106° 30' 53"					F-48-45-B		
núi Đuốc Đeng	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 08"	106° 28' 18"					F-48-46-A		
Khuổi Giàng	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 18' 31"	106° 29' 46"	22° 17' 17"	106° 28' 32"	F-48-45-B		
bản Hàng Deng	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 45"	106° 30' 54"					F-48-45-B		
thôn Kéo Quán	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 12"	106° 29' 53"					F-48-46-A		
bản Kéo Tàu	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 13"	106° 29' 47"					F-48-45-B		
núi Khau Cống	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 26"	106° 27' 34"					F-48-45-B		
thôn Lũng Sàng	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 27' 50"					F-48-45-B		
Khuổi Nà Chảo	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 17' 31"	106° 30' 18"	22° 17' 24"	106° 29' 49"	F-48-46-A		
thôn Nà Han	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 47"	106° 30' 02"					F-48-46-A		
thôn Nà Mé	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 07"	106° 29' 02"					F-48-45-B		
bản Nà Pài	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 49"	106° 30' 32"					F-48-46-A		
thôn Nà Pháy	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 51"	106° 28' 50"					F-48-45-B		
bản Nà Tốn	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 31"	106° 30' 43"					F-48-46-A		
thôn Nà Ván	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 31"	106° 28' 53"					F-48-45-B		
bản Ne	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 52"	106° 29' 50"					F-48-45-B		
bản Pá Lầu	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 36"	106° 30' 21"					F-48-46-A		
bản Phac	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 22"	106° 28' 41"					F-48-45-B		
bản Phai Sào	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 30' 50"					F-48-46-A		
bản Pò Chiêm	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 52"	106° 31' 13"					F-48-46-A		
thôn Rộc Mạ	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 15"	106° 29' 23"					F-48-45-B		
Khuổi Sao	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 18' 47"	106° 27' 44"	22° 18' 08"	106° 27' 41"	F-48-45-B		
núi Sào Vải	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 32"	106° 31' 22"					F-48-46-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sloc	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 03"	106° 30' 36"					F-48-46-A
thôn Tăng Chang	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 26"	106° 30' 08"					F-48-46-A
suối Thi Nắng	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 19' 58"	106° 28' 16"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
đường tỉnh 229	KX	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 13' 35"	106° 35' 04"	22° 14' 51"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bán Siễn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 11"	106° 35' 02"					F-48-46-A
suối Bán Vải	TV	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 14' 52"	106° 34' 07"	22° 13' 25"	106° 33' 52"	F-48-46-C
thôn Bán Vén	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 40"	106° 35' 59"					F-48-46-C
bản Cóc	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 45"	106° 36' 15"					F-48-46-C
bản Đồng Bình	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 56"	106° 36' 39"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khin	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 25"	106° 33' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Mì	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 16' 26"	106° 34' 17"					F-48-46-A
bản Nà Lạn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 17' 28"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Lý	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 13' 59"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Nà Pục	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 48"	106° 35' 08"					F-48-46-C
thôn Pác Pầu	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 51"	106° 36' 04"					F-48-46-A
bản Piêng	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 53"	106° 36' 26"					F-48-46-C
suối Trung Thành	TV	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 15' 48"	106° 36' 26"	22° 13' 32"	106° 34' 57"	F-48-46-A
khau Bắc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 17' 17"					F-48-46-C
khuổi Cạ	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 22' 11"	106° 18' 05"	22° 21' 60"	106° 18' 50"	F-48-45-B-c
thôn Đông Sào	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 24' 40"	106° 19' 39"					F-48-45-B-a
suối Đông Sào	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 24' 46"	106° 19' 38"	22° 23' 10"	106° 19' 13"	F-48-45-B-a
khuổi Hai	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 24' 05"	106° 19' 59"	22° 22' 48"	106° 19' 26"	F-48-45-B-a
thôn Khuổi Chang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 55"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
thôn Khuổi Hai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 19"	106° 20' 17"					F-48-45-B-a
bản Khuổi Sớm	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 38"	106° 19' 33"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Suôn	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 15"	106° 19' 34"					F-48-45-B-c
núi Khuổi Sướng	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 03"	106° 18' 29"					F-48-45-B-a
thôn Pác Báp	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 19' 57"					F-48-45-B-a
bản Pác Piêng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 15"	106° 18' 22"					F-48-45-B-c
thôn Pác Quang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 09"	106° 19' 12"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 11"	106° 20' 53"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Han	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 39"	106° 19' 22"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Sầu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 18' 49"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Sù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 13"	106° 30' 41"					F-48-46-C
núi Pải Luồng	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D
thôn Phiêng Luồng	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 28' 46"					F-48-45-D-d
suối Phiêng Luồng	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 15"	106° 29' 42"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
núi Pò Mắc Chiếp	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 30' 37"					F-48-46-C
núi Pò Sơ Hân (Pò Shan)	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 09' 02"	106° 29' 28"					F-48-45-D
thôn Vả Quang	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 27"	106° 30' 29"					F-48-46-C
khuổi Ván	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 29' 35"	22° 07' 39"	106° 29' 35"	F-48-45-D-d
khuổi Xá	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 11"	106° 28' 34"	22° 07' 10"	106° 28' 44"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 02' 24"	106° 28' 52"	22° 02' 05"	106° 29' 55"	F-48-45-D-d
suối Bản An	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 01' 58"	106° 31' 36"	22° 02' 45"	106° 31' 50"	F-48-46-C
thôn Bản Cáp	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 59"	106° 30' 35"					F-48-46-C
thôn Bản Pục	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 23"	106° 31' 30"					F-48-46-C
thôn Bình Lập	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 56"	106° 30' 32"					F-48-46-C
núi Bô Diêm	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 58' 55"	106° 30' 21"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Nháng	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 41"	106° 30' 17"					F-48-58-A-a
suối Cón Pheng (Kón Pheng)	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			21° 58' 48"	106° 28' 31"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
thôn Cương Quyết	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 00' 18"	106° 29' 52"					F-48-45-D-d
bản Hu Kiều	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 58' 57"	106° 29' 32"					F-48-57-B-b
suối Hua Kiều	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			21° 58' 33"	106° 28' 29"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
núi Khôn Chá	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 31' 55"					F-48-46-C
bản Khôn Máng	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 03"	106° 31' 10"					F-48-46-C
núi Khôn Đẳng	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 01"	106° 32' 06"					F-48-46-C
suối Khôn Loỏng	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			21° 59' 07"	106° 31' 51"	21° 59' 58"	106° 31' 12"	F-48-46-C
thôn Kón Pheng	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 12"	10629'02					F-48-58-A-a
thôn Mạy Sao	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 31' 40"					F-48-57-B-b
suối Nà Giáo	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 04"	106° 30' 38"	22° 02' 38"	106° 30' 21"	22° 02' 16"	106° 29' 33"	F-48-46-C
cầu Nà Giáo	KX	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 29' 05"					F-48-45-D-d
thôn Nậm Bao	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 29' 05"	22° 02' 16"	106° 29' 33"	22° 02' 35"	106° 29' 33"	F-48-46-C
suối Nậm Bao	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 02"	106° 29' 27"					F-48-45-D-d
cầu Nậm Bao	KX	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 02"	106° 30' 06"					F-48-45-D-d
thôn Phai Nà	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 57"	106° 29' 39"					F-48-46-C
bản Pò Danh	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng							F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pò Mãnh	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 32' 09"					F-48-46-C
thôn Quảng Sơn	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 30' 40"					F-48-46-C
núi Sĩ Chu	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 19"	106° 28' 37"					F-48-45-D-d
suối Tà Phăng	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 00' 11"	106° 30' 39"	22° 01' 21"	106° 31' 33"	F-48-46-C
bản Tát Dầm	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 29' 30"					F-48-57-B-b
bản Thăm Phia	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 28' 55"					F-48-57-B-b
suối Bắc Châu	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng			21° 55' 48"	106° 36' 58"	21° 56' 59"	106° 37' 31"	F-48-58-A
bản Bàn Đác	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 42"	106° 37' 54"					F-48-58-A
thôn Bó Châu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 49"	106° 37' 24"					F-48-58-A-a
bản Bó Lào	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 02"	106° 37' 23"					F-48-58-A
bản Cẩn Nong	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 33"	106° 37' 43"					F-48-58-A
núi Càng Nộc	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Cồn Lạn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 17"	106° 37' 54"					F-48-58-A
bản Hang Lẻ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 53"	106° 37' 34"					F-48-58-A
núi Hang Nơ	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 58' 07"	106° 37' 51"					F-48-58-A
bản Kéo Cà	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 19"	106° 37' 10"					F-48-58-A
thôn Khẩu Pạ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 13"	106° 38' 29"					F-48-58-A-a
núi Khau Tằng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 27"	106° 38' 31"					F-48-58-A
núi Lăng Ca	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 40"	106° 39' 27"					F-48-58-A
thôn Nà Lũng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 28"	106° 37' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 13"	106° 38' 02"					F-48-58-A
đập Nà Pàn	KX	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 05"	106° 37' 59"					F-48-58-A
bản Pác Háy	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 41"	106° 37' 44"					F-48-58-A
bản Phặc Lạng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 08"	106° 38' 01"					F-48-58-A
bản Phú Lầu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 12"	106° 37' 47"					F-48-58-A
bản Pò Băm	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 07"	106° 37' 52"					F-48-58-A
núi Quan Viên	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 18"					F-48-58-A
núi Suong Phày	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 37"	106° 38' 43"					F-48-58-A
khổi Săn	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 17"	106° 38' 49"	22° 01' 29"	106° 37' 54"	F-48-46-C
thôn Bàn Lẻ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 34"	106° 36' 30"					F-48-46-C
thôn Bàn Ổ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 36' 43"					F-48-58-A-a
suối Bàn Tích	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 38' 01"	22° 03' 33"	106° 36' 44"	F-48-46-C
bản Cáp Kề	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 26"	106° 37' 32"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Hắt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 37' 39"					F-48-46-C
suối Cốc Hắt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 17"	106° 37' 09"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
bản Cón Nọc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 25"	106° 37' 44"					F-48-46-C
suối Hoàng Việt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 29"	106° 37' 54"	22° 02' 27"	106° 36' 01"	F-48-46-C
núi Kéo Nà Cà	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng							F-48-46-C
bản Khor Đa	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 38"	106° 38' 36"					F-48-46-C
thôn Khun Pỉnh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Khun Siam	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 20"	106° 36' 36"					F-48-46-C
bản Khuôn Chũ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 41"	106° 37' 14"					F-48-46-C
suối Khuôn Liễn	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 40"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 42"	106° 37' 32"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
bản Lũng Cầu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 14"	106° 39' 45"	21° 59' 13"	106° 35' 45"	22° 03' 04"	106° 36' 31"	F-48-46-C
suối Lũng Củng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 30"	106° 38' 42"	22° 02' 15"	106° 37' 09"	F-48-58-A
thôn Nà Ấng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 36' 50"					F-48-46-C
bản Nà Cọng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 35"	106° 38' 01"					F-48-46-C
thôn Nà Khách	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 32"	106° 38' 07"					F-48-46-C
đập Nà Khách	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 38' 00"					F-48-46-C
thôn Nà Mạt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 10"	106° 36' 27"					F-48-46-C
thôn Nà Quỳnh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 35' 46"					F-48-46-C
bản Pác Đôn	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 18"	106° 36' 18"					F-48-46-C
núi Pò Lầm Cháp	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 04"	106° 38' 33"					F-48-46-C
thôn Pò Phèo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 31"	106° 37' 22"					F-48-46-C
thôn Tả Phạc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 35' 02"					F-48-46-C
bản Tềnh Đồn	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 36' 24"					F-48-46-C
bản Tống Chảo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 06"	106° 38' 14"					F-48-46-C
thôn Bản Bềng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
thôn Bản Kia	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 01"	106° 28' 58"					F-48-45-D-d
thôn Bản Mãng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 29"	106° 28' 49"					F-48-45-D-d
thôn Bình Dân	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 40"	106° 27' 55"					F-48-45-D-d
nậm Bú	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 27' 27"	22° 05' 17"	106° 28' 55"	F-48-45-D-d
thôn Cỏ Tào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 24"	106° 27' 41"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Mạn	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 58"	106° 26' 52"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Mặn	SV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 38"	106° 26' 56"					F-48-45-D-d
thôn Đông Chang	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 31"	106° 28' 42"					F-48-45-D-d
thôn Hạng Vạn	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 49"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
suối Hội Hoan	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 08"	106° 29' 07"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
bản Khau Quan	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 27' 35"					F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng							F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng							F-48-45-D-d
thôn Khuổi Rào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 23"	106° 26' 44"					F-48-45-D-d
suối Khuôn Nghiều	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng							F-48-45-D-d
thôn Phiêng Liệt	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 54"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d
bản Thẩm Bè	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 31"	106° 28' 04"					F-48-45-D-d
suối Thẩm Bè	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng							F-48-45-D-d
khuổi Toọc	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 26"	106° 27' 48"	22° 03' 48"	106° 28' 25"	F-48-45-D-d
thôn Bản Nhung	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 46"	106° 36' 27"					F-48-58-A-a
bản Cốc Hắt	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Keng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 14"	106° 36' 23"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng							F-48-58-A-a
suối Lậu Cây	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 55' 00"	106° 35' 58"	21° 59' 13"	106° 35' 45"	F-48-58-A-a
thôn Lũng Đục	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 59"	106° 35' 52"	21° 58' 02"	106° 37' 09"	21° 58' 55"	106° 37' 01"	F-48-58-A-a
thôn Lũng Mườì	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 36' 53"					F-48-58-A-a
bản Lũng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 20"	106° 36' 15"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tao	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 12"	106° 36' 18"					F-48-58-A-a
thôn Pác Bó	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 22"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
thôn Pác Săng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 43"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
bản Quang Pải	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 59"	106° 37' 03"					F-48-58-A-a
thôn Bản Vạn	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 28' 02"					F-48-45-D-d
thôn Bình Độ	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 21"	106° 27' 37"					F-48-45-D-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 28' 05"					F-48-45-D-d
suối Hín Ngừm	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 35"	106° 28' 35"	22° 01' 18"	106° 28' 09"	F-48-45-D-d
thôn Hòa Lạc	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 22"	106° 27' 45"					F-48-45-D-d
núi Mây Vạn	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 27' 14"					F-48-45-D-d
thôn Năm Hép	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 11"	106° 27' 04"					F-48-45-D-d
núi Sam Chơì	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 26' 06"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Slin	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 49"	106° 26' 49"					F-48-45-D-d
thôn Tác Chiến	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	21° 59' 48"	106° 27' 42"					F-48-57-B-b
suối Tắt Đeng	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 43"	106° 27' 55"	22° 02' 29"	106° 28' 02"	F-48-45-D-d
thôn Cồn Luồng	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 56"	106° 37' 05"					F-48-58-A
thôn Cồn Tầu U (Cồn Tầu)	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 44"	106° 36' 48"					F-48-58-A
núi Kéo Cà	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 28"	106° 36' 46"					F-48-58-A
núi Kéo Hua Cầu	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 20"	106° 37' 44"					F-48-58-A
thôn Khun Phung	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 49"	106° 37' 44"					F-48-58-A
sông Kỳ Củng	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 53' 00"	106° 37' 23"	F-48-58-A
suối Lọ Cài	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 55' 02"	106° 37' 05"	21° 54' 42"	106° 36' 28"	F-48-58-A
thôn Lương Thác	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng							F-48-58-A
núi Nà Hốc	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 15"	106° 36' 25"					F-48-58-A
đường tỉnh 232	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	21° 54' 59"	106° 36' 12"					F-48-58-A
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 03' 25"	106° 36' 37"	220° 02' 08"	106° 34' 44"	F-48-46-C
thôn Bân Làng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 35' 07"	220° 05' 18"	106° 35' 21"	220° 03' 39"	106° 36' 31"	F-48-46-C
thôn Bó Củng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 35' 23"					F-48-46-C
suối Cầu Tầm	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng							F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 03' 13"	106° 34' 33"	22° 04' 03"	106° 35' 01"	F-48-46-C
thôn Kéo Vạn	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 10"	106° 34' 37"	22° 02' 10"	106° 34' 37"	22° 03' 21"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Khuôn Rọc	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 35' 11"					F-48-46-C
suối Khuôn Rọc	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 08"	106° 34' 47"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 04' 00"	106° 34' 07"	22° 04' 03"	106° 35' 01"	F-48-46-C
thôn Nà Chà	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 27"	106° 35' 59"	22° 02' 27"	106° 35' 59"	22° 05' 10"	106° 35' 07"	F-48-46-C
suối Nà Chà	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 36' 19"	22° 02' 50"	106° 35' 23"	22° 03' 17"	106° 36' 24"	F-48-46-C
bản Nà Chuông	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 16"	106° 34' 41"					F-48-46-C
thôn Nà Cướm	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 36' 24"					F-48-46-C
cầu Nà Sầm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 03' 25"	106° 36' 37"					F-48-46-C
thôn Phiang Khoang	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 43"	106° 35' 39"					F-48-46-C
thôn Pò Lầu	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 35' 27"					F-48-46-C
cầu Tầm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 04' 03"	106° 35' 03"					F-48-46-C
thôn Thanh Hào	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 34"	106° 35' 36"					F-48-46-C
đường tỉnh 233	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 08"	106° 41' 01"	21° 58' 38"	106° 40' 27"	F-48-58-A
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 01' 01"	106° 38' 15"	21° 57' 14"	106° 41' 30"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cắc Cào	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 16"	106° 40' 03"					F-48-58-A
lũng Canh Phờng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 02"	106° 40' 50"					F-48-58-A
núi Cầu Tập	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 49"	106° 40' 43"					F-48-58-A
bản Chang	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 42"	106° 39' 16"					F-48-58-A
suối Cốc Linh	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 29"	106° 38' 37"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Cốc Linh	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 00"	106° 38' 56"					F-48-58-A
bản Cốc Mạn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 60"					F-48-58-A
thôn Cốc Nam	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 32"	106° 41' 20"					F-48-58-A
núi Đai 05	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 10"	106° 41' 02"					F-48-58-A
bản Hàng Mới	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 58"	106° 39' 23"					F-48-58-A
suối Hàng Pải	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 43"	106° 40' 38"	21° 58' 50"	106° 39' 56"	F-48-58-A
núi Hín Cón	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 19"					F-48-58-A
núi Kéo Cước	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 13"	106° 40' 52"					F-48-58-A
suối Khau Chậm	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 27"	106° 40' 19"					F-48-58-A
lũng Khơ Đa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 41' 07"	21° 57' 21"	106° 38' 04"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
đồi Khôn Lũng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 31"	106° 38' 31"					F-48-58-A
bản Khưa Đa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 15"	106° 41' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Chậm	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 52"	106° 38' 47"					F-48-58-A
thôn Khun Lũng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 59"	106° 38' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Lý	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 38"	106° 39' 36"					F-48-58-A
suối Khun Lý	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 48"	106° 39' 53"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
núi Lũng Cầu	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 39' 58"					F-48-58-A
núi Lũng Chang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 39' 41"					F-48-58-A
núi Lũng Lừa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 39"	106° 39' 40"					F-48-58-A
núi Lũng Vải	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 18"	106° 41' 24"					F-48-58-A
bản Ma Mèo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 38"	106° 40' 25"					F-48-58-A
bản Nà Chồ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 32"	106° 38' 05"					F-48-46-C
thôn Nà Dẩn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 25"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Đeng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 22"	106° 39' 57"					F-48-58-A
thôn Nà Kéo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 51"	106° 38' 23"					F-48-46-C
suối Nà Leng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 00' 00"	106° 38' 25"	22° 00' 59"	106° 38' 14"	F-48-46-C
thôn Nà Leng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 38' 43"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Loóng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 10"	106° 40' 28"					F-48-58-A
thôn Nà Mỏ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 06"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Nội	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 28"	106° 39' 09"					F-48-58-A
bản Nà Pò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 06"					F-48-58-A
bản Nà Pục	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 11"	106° 39' 33"					F-48-58-A
bản Nà Sả	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 38' 49"					F-48-58-A
bản Nà Tò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 36"	106° 40' 16"					F-48-46-C
bản Nà Ủn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 15"	106° 38' 14"					F-48-58-A
bản Ngườu Ngọ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 48"	106° 39' 56"					F-48-46-C
suối Pả Phiêng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 14"	106° 40' 48"	21° 57' 43"	106° 40' 38"	F-48-58-A
núi Pá Thang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 43"	106° 40' 13"					F-48-58-A
suối Pác Kệt	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 59' 40"	106° 38' 10"	22° 00' 00"	106° 38' 25"	F-48-58-A
núi Pác Linh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 58"	106° 38' 34"					F-48-58-A
suối Pác Lũng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 50"	106° 39' 56"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
bản Pác Luồng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 05"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 03"	106° 39' 12"					F-48-58-A
thôn Pò Chải	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 01"	106° 40' 07"					F-48-58-A
suối Pò Chải	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 56' 30"	106° 40' 04"	21° 58' 07"	106° 40' 14"	F-48-58-A
bản Pò Lầy	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 21"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Pò Luồng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 51"	106° 40' 34"					F-48-58-A
bản Pò Phấn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 09"	106° 39' 17"					F-48-58-A
thôn Tả Lài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 40' 17"					F-48-58-A
đài tưởng niệm LS Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 57"	106° 41' 41"					F-48-58-A
bản Thâm Chạng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 09"	106° 37' 46"					F-48-46-C
lũng Ti Bàn	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 40' 12"					F-48-58-A
núi Toong Chính	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 39' 19"					F-48-46-C
đồi Vằng Kéng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 53"	106° 39' 19"					F-48-58-A
suối Khuôn Khê	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 31"	106° 31' 11"	22° 04' 48"	106° 31' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Cấn	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 18"					F-48-46-C
suối Bản Cấn	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 20"	106° 32' 57"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Đang	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 49"	106° 31' 53"					F-48-46-C
thôn Bản Giông	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 48"	106° 33' 41"					F-48-46-C
suối Bản Giông	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 03"	106° 33' 24"	22° 04' 01"	106° 33' 58"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Cẩn Séc	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 23"	106° 41' 05"					F-48-46-C
cửa khẩu Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 14"	106° 40' 51"					F-48-46-C
Khu KT Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 40' 33"					F-48-46-C
Khuổi Cạu	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 24"	106° 33' 48"	22° 09' 36"	106° 33' 17"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 10' 25"	106° 32' 23"	22° 07' 57"	106° 34' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Quan	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 57"	106° 32' 28"					F-48-46-C
cầu Bản Quan	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 31"	106° 33' 01"					F-48-46-C
thôn Bó Mìn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
Khuổi Chàng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 15"	106° 32' 23"	22° 09' 15"	106° 33' 01"	F-48-46-C
thôn Khôn Bùm	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 24"	106° 33' 58"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 07' 42"	106° 33' 54"	22° 10' 25"	106° 32' 19"	F-48-46-C
khuai Léch	SV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 10' 20"	106° 33' 12"					F-48-46-C
thôn Nà Cạn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 06"					F-48-46-C
cầu Nà Cạn	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 38"	106° 32' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Là	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 60"	106° 33' 47"					F-48-46-C
thôn Nà Leng	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pía (Nà Pĩa)	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 22"	106° 34' 57"					F-48-46-C
bản Nà Tèo	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 32"	106° 34' 12"					F-48-46-C
súi Pá Báy	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 38"	106° 35' 23"	22° 08' 17"	106° 34' 08"	F-48-46-C
thôn Pá Mý	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 47"	106° 33' 36"					F-48-46-C
súi Phai Ne	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 52"	106° 32' 17"	22° 09' 49"	106° 32' 42"	F-48-46-C
đường tỉnh 232	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 02' 08"	106° 34' 44"	22° 00' 35"	106° 34' 36"	F-48-46-C
thôn Bản Đon	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 25"	106° 33' 15"					F-48-46-C
thôn Bản Mìn	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 33' 47"					F-48-46-C
súi Bản Nam	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 04"	106° 32' 56"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Cốc Pầu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 24"	106° 33' 02"					F-48-46-C
núi Đồng Slán	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 60"	106° 34' 46"					F-48-46-C
đèo Hang Phạ	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 10"	106° 33' 31"					F-48-46-C
súi Kéo An	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 32"	106° 34' 04"	22° 01' 32"	106° 34' 04"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
đèo Khoang Tổng	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 13"	106° 34' 25"					F-48-46-C
thôn Khun Bùng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 26"	106° 33' 46"					F-48-46-C
súi Khuôn Bùng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 33"	106° 33' 51"	22° 00' 23"	106° 33' 37"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 58"	106° 35' 02"	22° 02' 27"	106° 35' 59"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Mềng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 38"	106° 32' 27"					F-48-46-C
thôn Nậm Tấu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 34' 27"					F-48-46-C
cầu Nậm Tấu	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 08"	106° 34' 33"					F-48-46-C
thôn Pác Ca	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 45"	106° 35' 33"					F-48-46-C
núi Phía Sili	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 11"	106° 34' 19"					F-48-46-C
bản Pò Cuối	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 33' 38"					F-48-46-C
suối Tả Phẳng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 30"	106° 32' 29"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
thôn Tả Phang	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 33' 03"					F-48-46-C
thôn Tinh Bó	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 32' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Cẩu	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 04' 59"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Bản Tát	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 06' 15"	106° 39' 59"					F-48-46-C
bản Cồn Phía	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 17"	106° 41' 47"					F-48-46-C
bản Cồn Sùng	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 03' 55"	106° 40' 06"					F-48-46-C
thôn Đàng Ván	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 39' 41"					F-48-46-C
thôn Đon Trang	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Khau Khú	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 03' 44"	106° 40' 01"					F-48-46-C
núi Khôn Nám	SV	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 39' 45"					F-48-46-C
suối Khuổi Chặt	TV	xã Thành Long	H. Văn Lãng			22° 04' 01"	106° 38' 41"	22° 04' 28"	106° 39' 35"	F-48-46-C
núi Lũng Luống	SV	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 43"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Mầm Mềng	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 41' 03"					F-48-46-C
thôn Nà Cà	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 38' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Liền	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 04' 28"	106° 38' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Phán	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 04' 22"	106° 41' 08"					F-48-46-C
bản Nà Phường	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 36"	106° 42' 04"					F-48-46-C
bản Nà Po	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 39' 57"					F-48-46-C
đập Nà Sường	KX	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 18"	106° 40' 54"					F-48-46-C
cầu Nà Va	KX	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Vạc	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 40' 53"					F-48-46-C
bản Nà Xóm	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 04' 33"	106° 38' 55"					F-48-46-C
suối Nậm Niếng	TV	xã Thành Long	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 40' 42"	22° 04' 50"	106° 41' 20"	F-48-46-C
thôn Pá Chí	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 53"	106° 41' 57"					F-48-46-C
thôn Pác Cú	DC	xã Thành Long	H. Văn Lãng	22° 05' 32"	106° 40' 40"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pàn Phước	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Pô Bùn	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 37"	106° 41' 50"					F-48-46-C
núi Pô Ngâm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 01"	106° 42' 06"					F-48-46-C
núi Pô Soong	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 53"	106° 40' 35"					F-48-46-C
bản Siam Kha	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 17"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Tăng Cáo	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 35"	106° 39' 27"					F-48-46-C
thôn Bản Pịa	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 14"	106° 37' 07"					F-48-46-C
thôn Bản Tả	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 40' 05"					F-48-46-C
suối Bản Tát	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 26"	106° 40' 08"	22° 07' 01"	106° 39' 56"	F-48-46-C
bản Co Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 40' 07"					F-48-46-C
núi Cốc Lãng	SV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 28"	106° 37' 12"					F-48-46-C
thôn Cón Ngòi	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 40' 52"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 08' 10"	106° 40' 49"	22° 08' 22"	106° 40' 30"	F-48-46-C
thôn Khuổi Thẩm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 00"	106° 37' 44"					F-48-46-C
bản Nà Chanh	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 38' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Hình	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 41' 10"					F-48-46-C
thôn Nà Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 44"	106° 41' 07"					F-48-46-C
suối Nà Luồng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 10"	106° 40' 27"	22° 08' 10"	106° 40' 49"	F-48-46-C
thôn Nà Mới	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 30"	106° 37' 29"					F-48-46-C
thôn Nà So	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 24"	106° 40' 59"					F-48-46-C
đập Nà Van	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 20"	106° 40' 43"					F-48-46-C
suối Pá Cây	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 07' 43"	106° 39' 13"	22° 07' 38"	106° 39' 30"	F-48-46-C
thôn Pác Cây	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 35"	106° 39' 29"					F-48-46-C
suối Pác Chanh	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 38' 35"	22° 07' 17"	106° 39' 00"	F-48-46-C
bản Pô Mu	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 40' 60"					F-48-46-C
thôn Pô Phèo	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 24"	106° 38' 36"					F-48-46-C
suối Thâm Páng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 12"	106° 37' 08"	22° 07' 18"	106° 38' 27"	F-48-46-C
thôn Thâm Páng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 37' 28"					F-48-46-C
thôn Thâm Sầm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 34"	106° 39' 08"					F-48-46-C
đường tỉnh 229	KX	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 07' 40"	106° 35' 45"	22° 09' 58"	106° 36' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Cháu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 24"	106° 36' 38"					F-48-46-C
suối Bản Mạnh	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 09' 05"	106° 39' 10"	22° 10' 09"	106° 39' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Pén	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 32"	106° 37' 10"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Bàu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 10' 08"	106° 39' 34"					F-48-46-C
bản Đông Sián	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 20"	106° 37' 51"					F-48-46-C
thôn Khuổi Chang	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 25"	106° 37' 28"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 08' 22"	106° 40' 30"	22° 09' 54"	106° 40' 12"	F-48-46-C
khuai Luông	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 15"	106° 41' 09"					F-48-46-C
bản Mạnh Nưa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 54"	106° 38' 25"					F-48-46-C
bản Mạnh Tầu Lự (Mạnh Tầu)	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 00"	106° 38' 42"					F-48-46-C
bản Nà Leng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 18"	106° 38' 46"					F-48-46-C
bản Nà Sĩa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 51"	106° 37' 12"					F-48-46-C
bản Nà Tông	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 46"	106° 40' 14"					F-48-46-C
thôn Pá Tệp	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 51"					F-48-46-C
núi Pồ Cước	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 40"	106° 39' 24"					F-48-46-C
thôn Pồ Hà	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 58"	106° 38' 41"					F-48-46-C
bản Pồ Lo	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 07"	106° 40' 27"					F-48-46-C
bản Pồ Mật	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 35"	106° 40' 22"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 57"	106° 34' 53"	22° 05' 19"	106° 35' 21"	F-48-46-C
thôn Bản Giông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 38"	106° 34' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Vạc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 05"	106° 35' 34"					F-48-46-C
cầu Bó Củng	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 19"	106° 35' 21"					F-48-46-C
đèo Kéo Pía	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 12"	106° 36' 44"					F-48-46-C
khuổi Khê	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 24"	22° 05' 50"	106° 35' 58"	F-48-46-C
bản Khôn Sầu	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 28"	106° 34' 24"					F-48-46-C
bản Khun Củng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Khun Giông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 55"	106° 33' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 10"	106° 35' 09"	22° 07' 40"	106° 33' 54"	F-48-46-C
thôn Liệt Đầu Lự (Liệt Đầu)	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 35' 16"					F-48-46-C
thôn Liệt Nọc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 55"	106° 35' 18"					F-48-46-C
suối Lọ Lài	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 06' 24"	106° 36' 47"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Lũng Thuổng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 57"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Lũng Vài	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 24"					F-48-46-C
hồ Lũng Vài	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 35' 23"					F-48-46-C
núi Mè Máng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 27"	106° 36' 50"					F-48-46-C
núi Mồ Toóng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 44"	106° 32' 21"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Nà Chỉ	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 20"	106° 34' 02"							F-48-46-C
thôn Nà Chông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 00"	106° 34' 38"							F-48-46-C
suối Nà Liệt	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 11"	106° 36' 25"	22° 06' 21"	106° 35' 24"			F-48-46-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 32' 38"							F-48-46-C
suối Nà Lừa	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 15"	106° 32' 37"	22° 06' 54"	106° 34' 00"			F-48-46-C
thôn Nà Mêng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 06"	106° 34' 11"							F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 33"	106° 34' 59"							F-48-46-C
thôn Pá Danh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 25"	106° 34' 22"							F-48-46-C
thôn Pán Khánh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 34' 26"							F-48-46-C
thôn Phai Poóng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 51"	106° 34' 50"							F-48-46-C
thôn Tổng Kít	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 34' 35"							F-48-46-C
quốc lộ 1B	KX	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 08"	106° 30' 42"	21° 52' 44"	106° 33' 12"			F-48-58-A-c
sông Bó Pía (Bó Pya)	TV	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 10"	106° 30' 42"	21° 52' 45"	106° 33' 12"			F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 20"	106° 31' 39"	21° 51' 52"	106° 32' 01"			F-48-58-A-c
cầu Đức Hình	KX	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 32' 01"							F-48-58-A-c
phố Đức Hình 1	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 31' 41"							F-48-58-A-c
phố Đức Hình 2	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 31' 49"							F-48-58-A-c
phố Đức Tâm 1	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 48"	106° 32' 07"							F-48-58-A-c
phố Đức Thịnh	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 31' 51"							F-48-58-A-c
bản Khun Tát	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 37"	106° 32' 58"							F-48-58-A-c
sông Lù Lặc	TV	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 52' 07"	106° 30' 30"	21° 51' 53"	106° 30' 57"			F-48-58-A-a
núi Pô Lsung	SV	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 17"	106° 31' 32"							F-48-58-A-c
phố Tân An	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 52"	106° 32' 28"							F-48-58-A-c
phố Tân Long	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 30' 59"							F-48-58-A-c
phố Tân Minh	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 32' 40"							F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 1	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 54"	106° 31' 10"							F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 2	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 31' 19"							F-48-58-A-c
phố Tân Xuân	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 31' 10"							F-48-58-A-c
thôn Bản Sầm	DC	T.T. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 31' 56"							F-48-58-A-c
cầu Bản Sầm	KX	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 31' 46"							F-48-58-A-c
núi Chá Càng	SV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 16"	106° 31' 04"							F-48-58-A-c
bản Cốc Lọ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 31' 31"							F-48-58-A-c
bản Cồn Môn	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 31' 51"							F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đồng Bằng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 07"	106° 31' 16"					F-48-58-A-c
bản Khôn Khoang	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 04"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Khôn Làng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 50"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Mới	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Nhữ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 45"	106° 31' 07"					F-48-58-A-c
bản Khum Nặm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 26"	106° 31' 29"					F-48-58-A-c
bản Lù Hút	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 02"					F-48-58-A-c
bản Lũng Lặng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thuộc	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 48"	106° 30' 28"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 49' 26"	106° 31' 41"	F-48-58-A-c
bản Nà Chè	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
thôn Nà Dài	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
thôn Nà Háy	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
thôn Nà Lèo	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 17"					F-48-58-A-c
bản Nà Lò	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 31' 42"					F-48-58-A-c
thôn Pắc Cầm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 31' 43"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 39"	106° 35' 53"	21° 49' 47"	106° 35' 49"	F-48-58-A-c
thôn bản Nóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 36' 52"					F-48-58-A-c
núi Cốc Ngoà	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 26"	106° 37' 38"					F-48-58-A-d
bản Cốc Phát	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 14"	106° 36' 03"					F-48-58-A-c
sông Cốc Phát	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 20"	106° 35' 49"	21° 50' 53"	106° 36' 08"	F-48-58-A-c
thôn Cốc Phưởng	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 49"	106° 36' 02"					F-48-58-A-c
bản Cốc Pục	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
thôn Đồng Đeng	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 25"	106° 35' 49"					F-48-58-A-c
khuổi Mường	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 51' 27"	106° 37' 24"	21° 51' 29"	106° 36' 46"	F-48-58-A-c
thôn Nà Chôn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 36' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Chóoc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 13"	106° 37' 15"					F-48-58-A-c
thôn Nà Pải	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 35"	106° 35' 56"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tén	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 43"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Nà Thòa	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 41"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
núi Phai Ngạn	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 38' 01"					F-48-58-A-c
suối Phai Pán	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 41"	106° 36' 46"	21° 51' 52"	106° 36' 44"	F-48-58-A-d
thôn Phai Xá	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 36' 53"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1B	KX	xã Đại An	H. Văn Quan			21° 53' 01"	106° 34' 12"	21° 52' 45"	106° 34' 43"	F-48-58-A-a
thôn Bình Đăng B	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 33' 49"					F-48-58-A-c
thôn Côn Mìn	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 34' 25"					F-48-58-A-c
núi Đồng Đám	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 33' 50"					F-48-58-A-a
núi Đồng Dưới	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 33' 12"					F-48-58-A-c
thôn Ích Hữu	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 52"	106° 33' 29"					F-48-58-A-c
bản Khôn Nưa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Ngần	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
bản Lũng Pa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-A-a
bản Nà Ấng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 27"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
khau Ngổ	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 32"	106° 34' 56"					F-48-58-A-c
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 34' 04"					F-48-58-A-c
thôn Pác Lũng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 34' 39"					F-48-58-A-c
bản Pò Điểm	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 58"	106° 35' 02"					F-48-58-A-c
núi Xa Khao	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
núi Xa Mát	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 51"	106° 35' 05"					F-48-58-A-c
thôn Xuân Quang	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 00"					F-48-58-A-c
thôn Bắc Nam	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 41' 23"					F-48-58-A-d
thôn Bản Chạp	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 35"	106° 40' 14"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Sáng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
núi Khau Pưởng	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 19"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Nọi	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 42' 03"					F-48-58-A-d
núi Khuổi Phìn	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 08"	106° 42' 33"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cung	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 52' 15"	106° 42' 00"	21° 52' 14"	106° 40' 14"	F-48-58-A-d
thôn Lũng Củng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 53"	106° 42' 29"					F-48-58-A-d
suối Nà Bần	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 50' 16"	106° 41' 18"	21° 51' 46"	106° 41' 37"	F-48-58-A-d
thôn Nà Bần	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 41' 28"					F-48-58-A-d
thôn Nà Đảo	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 40' 28"					F-48-58-A-d
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 05"	106° 40' 15"					F-48-58-A-d
thôn Phai Lừa	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 39' 31"					F-48-58-A-d
núi Boong Luồng	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Côn Hầu	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 34"	106° 31' 53"					F-48-58-A-a
bản Hạ Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 20"	106° 30' 45"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hà Quảng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 58"	106° 32' 43"					F-48-58-A-a
núi Kéo Đông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 55"	106° 30' 36"					F-48-58-A-a
thôn Lũng Răng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 58"	106° 32' 16"					F-48-58-A-a
núi Nà Bon	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 55' 17"	106° 32' 13"					F-48-58-A-a
thôn Nà Văng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 31' 06"					F-48-58-A-a
suối Pá Náp	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 54' 02"	106° 30' 14"	21° 52' 43"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
núi Siếu Lường	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 29"	106° 30' 31"					F-48-58-A-a
bản Thượng Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 41"	106° 29' 51"					F-48-58-A-a
thôn Trung Thượng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 06"	106° 30' 23"					F-48-57-B-b
suối Trung Thượng	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan							F-48-58-A-a
núi Ảng Ngượn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 58"	106° 26' 25"					F-48-58-A-a
thôn Bản Chặng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 52"	106° 26' 01"					F-48-57-D-b
thôn Bản Rươi	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 48"	106° 25' 21"					F-48-57-D-b
thôn Bản Xó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 54"	106° 25' 30"					F-48-57-D-b
núi Bó Bang	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 53"	106° 24' 02"					F-48-57-D-b
bản Bó Duốc	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 52"	106° 25' 08"					F-48-57-D-b
đèo Càng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 17"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
bản Cốc Trò	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 24"					F-48-57-D-b
thôn Đôn Chợ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 37"	106° 24' 39"					F-48-57-D-b
đèo Hân	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 40"	106° 26' 12"					F-48-57-D-b
núi Hìn Ngần	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 55"	106° 25' 06"					F-48-57-D-b
đèo Kéo Hìn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 23"	106° 26' 52"					F-48-57-D-b
bản Khôn Hù	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 52"					F-48-57-B-d
núi Khuôn Chiếng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 24' 54"					F-48-57-D-b
bản Lân Bó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 41' 39"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luông	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 25' 34"					F-48-57-D-b
núi Lũng Vần	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 57"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
thôn Nà Ne	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 30"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
núi Nà Nhum	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 21"	106° 26' 30"					F-48-57-B-d
đèo Nghiễn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 38"	106° 26' 20"					F-48-57-D-b
núi Pá Nửa	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 14"	106° 26' 27"					F-48-57-D-b
bản Pá Ta	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 46"	106° 25' 43"					F-48-57-D-b
núi Pá Ta	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 26"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phụng Vây	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 50"	106° 26' 36"					F-48-57-D-b
bản Tán Nùng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 14"	106° 27' 26"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 58"	106° 37' 30"	21° 52' 43"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Bản Khánh	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 39' 13"					F-48-58-A
bản Chất Ngọt	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 06"	106° 39' 07"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Ca	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 25"	106° 39' 18"					F-48-58-A-d
thôn Cồn Khiến	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 44"	106° 37' 46"					F-48-58-A
thôn Đồng Chuông	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 37' 55"					F-48-58-A
cầu Khánh Khê	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 52"	106° 39' 10"					F-48-58-A
bản Khung Phya	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 24"					F-48-58-A
bản Khuổi Rươi	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 39' 07"					F-48-58-A
suối Khuổi Pán	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 51' 45"	106° 38' 31"	21° 52' 49"	106° 38' 43"	F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 13"	106° 40' 14"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
suối Lọ Vạt	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 05"	106° 37' 33"	21° 52' 57"	106° 37' 48"	F-48-58-A
thôn Nà Khau	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 33"	106° 38' 43"					F-48-58-A
thôn Nà Lốc	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 09"					F-48-58-A
đập Thủy Luân	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 39' 18"					F-48-58-A
quốc lộ 1B	KX	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 26' 44"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	21° 50' 05"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Châu	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 26' 14"	21° 49' 33"	106° 26' 43"	21° 50' 10"	106° 27' 50"	F-48-57-B-d
thôn Bản Đú	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 27"	106° 25' 30"					F-48-57-B-d
thôn Bản Kinh	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 37"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
bản Bản Sơ Han (Bản Shan)	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 42"	106° 25' 47"	21° 50' 40"	106° 26' 59"	F-48-57-B-d
suối Bản Sơ Han (Bản Shan)	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
thôn Bản Téng	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 20"	106° 27' 22"					F-48-57-B-d
núi Khuổi Da	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
bản Lũng Cón	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
núi Lũng Li	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 25' 13"					F-48-57-B-d
núi Lũng Tóng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 08"	106° 25' 39"					F-48-57-B-d
sông Lương Năng	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 50' 40"	106° 26' 59"	21° 50' 04"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Nà Lướt	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 02"	106° 25' 49"					F-48-57-B-d
bản Nà Mè	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 23"	106° 27' 41"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Thang núi Nàng Sơ Hiên (Nàng Shiên) thôn Pá Hà núi Pá Hà suối Pá Hà bản Phai Quan núi Pò Nà Sặng bản Soong Bai bản Tùng Dầy thôn Bản Nhang thôn Giang Nưa thôn Giang Tầu Ư (Giang Tầu) núi Khôn Nọc bản Khuôn Sá núi Nà Luồng suối Phai Sião bản Tầm Đông bản Tầm Tầu Ư (Tầm Tầu) thôn An Mạ thôn Bản Đin thôn Bản Thầm núi Khum Quốc thôn Khun Pầu sông Kỳ Cùng núi Lung Riêng sông Mỏ Pía thôn Nà Lọ thôn Nà Lược thôn Pác Lăng đường tỉnh 239 chợ Ba Xã thôn Bản Nằng hồ Bản Nằng	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 28' 59"					F-48-57-B-d
	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 12"	106° 28' 31"					F-48-57-B-d
	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 25' 20"					F-48-57-B-d
	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 53"	106° 24' 35"					F-48-57-B-d
	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 48' 25"	106° 24' 50"	21° 50' 03"	106° 25' 42"	F-48-57-B-d
	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 26' 56"					F-48-57-B-d
	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 27' 23"					F-48-57-B-d
	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 01"	106° 25' 23"					F-48-57-B-d
	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 18"	106° 30' 24"					F-48-58-A-a
	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 49"	106° 30' 35"					F-48-58-A-a
	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 26"	106° 30' 05"					F-48-58-A-a
	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 19"	106° 30' 15"					F-48-58-A-a
	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 32' 24"					F-48-58-A-a
	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 53"	106° 31' 43"					F-48-58-A-a
	TV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan			21° 57' 55"	106° 32' 05"	21° 58' 22"	106° 32' 31"	F-48-58-A-a
	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 05"	106° 31' 34"					F-48-58-A-a
	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 15"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 34' 41"					F-48-58-A-a
	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 35' 45"					F-48-58-A-a
	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 57' 23"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 33"	106° 35' 01"					F-48-58-A-a
	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 03"	106° 35' 11"					F-48-58-A-a
	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 54' 30"	106° 35' 44"	21° 58' 16"	106° 36' 06"	F-48-58-A-a
	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 41"	106° 34' 33"					F-48-58-A-a
	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 55' 12"	106° 34' 39"	21° 55' 40"	106° 36' 00"	F-48-58-A-a
DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 35' 49"					F-48-58-A-a	
DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 58' 03"	106° 36' 19"					F-48-58-A-a	
DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 34"	106° 35' 55"					F-48-58-A-a	
KX	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan			21° 49' 46"	106° 35' 49"	21° 47' 48"	106° 36' 26"	F-48-58-A-a	
DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 57"	106° 36' 21"					F-48-58-A-c	
DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 48"	106° 37' 10"					F-48-58-A-c	
TV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 45"	106° 36' 57"					F-48-58-A-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó Quất	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 04"	106° 36' 55"					F-48-58-A-c
khuai Chông Mu	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 57"	106° 35' 18"					F-48-58-A-c
bản Kéo Kít	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 36' 27"					F-48-58-A-c
núi Kéo Rào	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 35' 16"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Cải	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 28"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Ngỏ	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 36' 15"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 23"	106° 36' 39"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sào	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 39"	106° 36' 07"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Sầy	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 46"					F-48-58-A-c
bản Khôn Xưa	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 45"	106° 35' 42"					F-48-58-A-c
bản Khưa Thùm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 02"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khun Xóm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Lũng Cười	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 40"	106° 36' 19"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Mán	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 34' 40"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 37' 18"					F-48-58-A-c
hang Lũng Yên	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 39"	106° 35' 08"					F-48-58-A-c
bản Nà Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Nà Lin	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 15"	106° 36' 04"					F-48-58-A-c
bản Nặm Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
bản Nặm Dạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 35' 47"					F-48-58-A-c
thôn Nặm Lạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
núi Phai Mết	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
thôn Phai Rọ	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 13"	106° 35' 51"					F-48-58-A-c
khuai Pí	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 19"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Mạn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 36' 44"					F-48-58-A-c
thôn Pò Xé	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 50"	106° 36' 06"					F-48-58-A-c
khuai Thán	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 232	KX	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 35"	106° 34' 36"	21° 56' 59"	106° 33' 59"	F-48-46-C
thôn Bản Cháo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 29"	106° 34' 31"					F-48-58-A-a
thôn Bản Hèo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 34"	106° 34' 16"					F-48-58-A-a
bản Bó Danh	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 34' 22"					F-48-58-A-a
núi Cốc Phung	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 28"	106° 32' 36"					F-48-46-C
thôn Cón Pù	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 38"	106° 33' 23"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cồn Sát	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 31"	106° 34' 18"					F-48-58-A-a
núi Khau Lỳ	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 09"	106° 33' 40"					F-48-58-A-a
thôn Khun Thầm	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 36"	106° 32' 38"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cung	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 58' 16"	106° 36' 06"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-58-A-a
bản Lũng Đin	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Mò Khưa	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 02"	106° 34' 48"					F-48-58-A-a
bản Nà Ho	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 20"	106° 33' 30"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 58"	106° 34' 44"					F-48-58-A-a
núi Nà Mu	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 33"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
suối Phai Sião	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 23"	106° 33' 37"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
bản Phình Khắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 35' 11"					F-48-46-C
bản Cóc Lôi	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 49' 21"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khau Đẳng	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 48' 46"	106° 38' 17"					F-48-58-A-d
bản Khau Muồn	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 48' 58"	106° 38' 36"					F-48-58-A-d
thôn Khau Ràng	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 40' 00"					F-48-58-A-d
bản Khôn Cẩu	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 49' 49"	106° 38' 08"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Luộc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 49' 47"	106° 38' 20"					F-48-58-A-d
suối Lũng Thương	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 50' 54"	106° 38' 49"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
khau Mông	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 51' 11"	106° 38' 16"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ai	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 38' 47"					F-48-58-A-d
thôn Nà Khàn	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lẹ	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 50' 56"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
suối Nà Lin	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 49' 40"	106° 39' 33"	21° 49' 46"	106° 40' 17"	F-48-58-A-d
thôn Nà Phắt	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 50' 22"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Tao	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
thôn Nà Thườn	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 49' 22"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
suối Nà Thườn	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 48' 27"	106° 38' 01"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
đường tỉnh 239	KX	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 47' 48"	106° 36' 26"	21° 45' 57"	106° 38' 31"	F-48-58-A-c
thôn Bản Hâu	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 37' 25"					F-48-58-A-c
thôn Cồn Chuồng	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 47' 03"	106° 36' 24"					F-48-58-A-c
làng Dưới	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 46' 01"	106° 37' 07"					F-48-58-A-c
bản Đông Ké	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 36' 41"					F-48-58-A-c
bản Đồng Lâu	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 36' 09"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khôn Đơn	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
bản Khôn Mẩn	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 29"	106° 37' 60"					F-48-58-A-d
bản Khôn Ngò	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Riêng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sáng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 12"	106° 37' 32"					F-48-58-A-d
bản Khôn Vạc	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 37' 04"					F-48-58-A-c
bản Khôn Yên	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 37' 35"					F-48-58-A-d
bản Lũng Hủ	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 30"	106° 34' 15"					F-48-58-A-c
bản Lũng Lý	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 37"	106° 37' 17"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thùm	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 12"	106° 35' 11"					F-48-58-A-c
bản Mò Pài	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 17"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
thôn Nà Chanh	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 40"	106° 37' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Khưa	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 36' 36"					F-48-58-A-c
bản Nà Leng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 38"	106° 35' 09"					F-48-58-A-c
bản Nà Lùm	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 35' 21"					F-48-58-A-c
bản Nà Pài	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 36' 25"					F-48-58-A-c
bản Nà Pò	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 38' 04"					F-48-58-A-d
hang Ngườm Nặm	SV	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 36"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
bản Pắc Đầy	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 35"	106° 36' 26"					F-48-58-A-c
thôn Phai Láng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
hang Phia Lộng (Phya Lộng)	SV	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Ồi	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 02"	106° 35' 37"					F-48-58-A-c
bản Pò Riêng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 38"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
bản Sanh Chải	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 55"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
khuai Sen	SV	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 37' 39"					F-48-58-A-c
bản Thâm Dước	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 38' 10"					F-48-58-A-d
thôn Túng Nội	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 34' 03"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tùng Tây	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 36' 59"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan							
thôn Bán Bằng	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 00"	106° 33' 41"					F-48-58-A-c
bản Bò Phan	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
núi Cốc Tàu Phôi	SV	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 15"	106° 34' 06"					F-48-58-A-c
thôn Kéo Cỏi	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 33' 43"					F-48-58-A-c
núi Kéo Xốp	SV	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 46"					F-48-58-A-c
thôn Khau Thán	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Cát	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 35' 10"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Làng	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 31"	106° 35' 07"					F-48-58-A-c
bản Khôn Thon	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 26"	106° 34' 12"					F-48-58-A-c
bản Lũng Hà	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Tàu - Lũng Pha	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 26"					F-48-58-A-c
bản Nà Hảy	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 33' 57"					F-48-58-A-c
thôn Nà Mu - Nà Lá	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 56"	106° 34' 16"					F-48-58-A-c
bản Phiên Mậu	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 29"	106° 34' 24"					F-48-58-A-c
núi Say Khau	SV	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 38"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
bản Thàng Tầm	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
bản Thi	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 35' 22"					F-48-58-A-c
thôn Bản Bang	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
suối Bản Bang	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 58"	106° 25' 47"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 48"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Châu 1	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 46' 28"	106° 25' 36"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
suối Bản Châu 2	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 45' 34"	106° 27' 53"	21° 47' 17"	106° 27' 23"	F-48-57-B-d
bản Bò Vú	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 25' 37"					F-48-57-B-d
bản Ca Hướng	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
đèo Canh Khuyết	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 27' 20"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chọc Cối	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 28' 25"					F-48-57-B-d
núi Co Cam	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 28' 23"					F-48-57-B-d
bản Cốc Sa	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 08"	106° 25' 08"					F-48-57-B-d
đèo Cướm	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 06"	106° 28' 31"					F-48-57-B-d
thôn Đèo Luống	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 28"	106° 28' 19"					F-48-57-B-d
núi Keng Hán	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 28' 34"					F-48-57-B-d
núi Keng Lân	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 24' 23"					F-48-57-B-d
bản Kéo Chải	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
bản Khau Phai	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 07"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Khòn Dăm	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
thôn Khòn Vả	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
bản Khum Mần	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 26' 47"					F-48-57-B-d
núi Khum Mần	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 26' 38"					F-48-57-B-d
đèo Lân	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 06"	106° 25' 03"					F-48-57-B-d
bản Lọ Phai	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 25' 24"					F-48-57-B-d
đèo Lũng Chiếu	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 29' 22"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phòn	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 43"	106° 24' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Phúc	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 31"	106° 26' 54"					F-48-57-B-d
bản Lũng Ván	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 26' 28"					F-48-57-B-d
bản Lũng Vi	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 28' 04"					F-48-57-B-d
thôn Nà Bó	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
thôn Nà Châu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 25' 48"					F-48-57-B-d
thôn Nà Chường	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 58"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
suối Nà Chường	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 17"	106° 27' 23"	21° 48' 40"	106° 27' 57"	F-48-57-B-d
núi Nà Hà	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 27' 08"					F-48-57-B-d
đèo Nà Khảo	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
bản Nà Lạt	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 10"	106° 26' 10"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Láy	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 27' 28"					F-48-57-B-d
bản Nà Lin	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 39"					F-48-57-B-d
bản Nà Lóc	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 52"					F-48-57-B-d
bản Nà Mù	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 27' 57"					F-48-57-B-d
bản Nà Mực	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 21"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
bản Nà Pát	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 53"	106° 27' 27"					F-48-57-B-d
bản Phai Tềnh	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 30"	106° 28' 14"					F-48-57-B-d
bản Phấn	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 25' 19"					F-48-57-B-d
đèo Pò Chải	SV	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 26' 23"					F-48-57-B-d
bản Quan Tài	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 47"	106° 27' 18"					F-48-57-B-d
núi Sa Thần	SV	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 09"	106° 28' 00"					F-48-57-B-d
bản Tắt Lùng	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 27"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
thôn Thường Dưỡng	DC	xã Trĩ Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 59"	106° 27' 12"					F-48-57-B-d
quốc lộ 1B	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 05"	106° 28' 09"	21° 51' 08"	106° 30' 42"	F-48-57-B-d
cầu Bản Giềng	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 58"	106° 28' 28"					F-48-57-B-d
thôn Bản Mù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 42"	106° 28' 44"					F-48-57-B-d
khe Bản Mù	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 52' 04"	106° 28' 51"	21° 51' 32"	106° 28' 44"	F-48-57-B-d
thôn Bó Cáng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 30"					F-48-57-B-d
cầu Bó Pía (Bó Pya)	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 03"	106° 30' 26"					F-48-58-A-c
núi Cốc Càng	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 27' 55"					F-48-57-B-b
bản Giềng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 28' 47"					F-48-57-B-d
sông Hang	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 01"	106° 28' 24"	21° 50' 44"	106° 29' 49"	F-48-57-B-d
thôn Hang Nà	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 29' 18"					F-48-57-B-d
núi Hìn Phác	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 29' 39"					F-48-57-B-d
núi Khau Phai	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
núi Khau Quan	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 27' 23"					F-48-57-B-b
bản Khôn Khoang	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khum Khinh	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 28"	106° 27' 49"					F-48-57-B-d
bản Khum Nhù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 27' 46"					F-48-57-B-d
bản Khuổi Loong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 27' 40"					F-48-57-B-d
suối Khuổi Loong	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 49' 36"	106° 27' 48"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
núi Lăng Ca	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 21"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Lăng Đình	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Cải	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 17"	106° 30' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Chiêu	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 49"	106° 29' 19"					F-48-57-B-d
bản Lũng Noong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 32"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phức	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 25"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
núi Lũng Slay	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 30' 38"					F-48-58-A-c
núi Mạ Tiểu Kha	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 30' 49"					F-48-58-A-c
sông Mỏ Pía	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 44"	106° 29' 49"	21° 51' 10"	106° 30' 42"	F-48-58-A-c
bản Mù Trên	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 28' 46"					F-48-57-B-d
bản Nà Chèng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 28' 32"					F-48-57-B-d
suối Nà Chèng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 48' 40"	106° 27' 57"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
thôn Nà Đông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 13"	106° 29' 09"					F-48-57-B-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 29' 43"					F-48-57-B-b
sông Nà Lốc	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 53' 53"	106° 29' 07"	21° 52' 15"	106° 29' 58"	F-48-57-B-d
núi Nà Ngàn	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 26"	106° 27' 20"					F-48-57-B-b
bản Nà Phưởng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 11"	106° 28' 35"					F-48-57-B-d
bản Nà Quạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Pá Pháy	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 09"					F-48-57-B-d
bản Pắc Kéo	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
suối Phi Pha	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 54' 05"	106° 28' 44"	21° 53' 53"	106° 29' 07"	F-48-57-B-b
bản Phiang Niêng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 46"	106° 29' 57"					F-48-57-B-d
bản Sào Thông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 57"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
thôn Thanh Lạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 29' 11"					F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 34' 43"	21° 52' 58"	106° 37' 27"	F-48-58-A-a
thôn Bản Làn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 10"	106° 36' 33"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bàn Nhuận	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 28"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Cốc Ngàn	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 26"	106° 35' 18"					F-48-58-A-a
khối Diêm He 1	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 40"	106° 35' 51"					F-48-58-A-a
thôn Đông Pha	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 38"	106° 36' 58"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Hào	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 21"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cung	TV	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 54' 30"	106° 35' 44"	F-48-58-A-a
đèo Lũng Pa	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 34' 43"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 02"	106° 36' 36"					F-48-58-A-a
thôn Phai Cam	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Phai Vả	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 04"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Văn Mộng	H. Văn Quan			21° 56' 26"	106° 33' 03"	21° 54' 42"	106° 33' 52"	F-48-58-A-a
đèo Cầu Táp	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 54' 53"	106° 33' 46"					F-48-58-A-a
núi Cốc Mìn	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 17"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Cài	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Đường	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 29"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Lạn	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 33' 17"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Tầu Ư (Khôn Tầu)	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 52"	106° 33' 15"					F-48-58-A-a
núi Lăng Khuyển	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 16"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
bản Lũng Lịu	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 39"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pua	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 00"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
núi Phai Lý	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 32' 57"					F-48-58-A-a
núi Tênh Bó	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 32"	106° 33' 20"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 59"	106° 33' 59"	21° 56' 26"	106° 33' 03"	F-48-58-A-a
đèo Cốc Quàn	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 45"	106° 32' 48"					F-48-58-A-a
đèo Đả	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 02"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Bó	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 37"	106° 33' 07"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Coọng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 10"	106° 32' 36"					F-48-58-A-a
núi Lũng Pàn	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 16"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
núi Lũng Tán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 34"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
bản Nà Lài	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 37"	106° 32' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lũng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 13"	106° 33' 37"					F-48-58-A-a
thôn Nà Mè	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 50"	106° 33' 26"					F-48-58-A-a
thôn Nà Rằng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 57"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
suoối Phả Lạn	TV	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 38"	106° 33' 15"	21° 58' 24"	106° 32' 59"	F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 44"	106° 33' 12"	21° 53' 01"	106° 34' 12"	F-48-58-A-a
thôn Bản Bắc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 52' 58"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
thôn Bản Lãi	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 33' 36"					F-48-58-A-a
núi Bò Nọc	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 17"	106° 34' 29"					F-48-58-A-a
cầu Hát Bon	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 14"	106° 34' 00"					F-48-58-A-a
sông Mỏ Pía	TV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 32' 57"	21° 55' 12"	106° 34' 39"	F-48-58-A-a
thôn Nà Bưng	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 22"	106° 34' 06"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lọc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 09"	106° 33' 35"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pò	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 42"	106° 34' 47"					F-48-58-A-a
thôn Nà Súng	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tênh	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 29"	106° 33' 55"					F-48-58-A-a
núi Phai Suông	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 33' 22"					F-48-58-A-a
núi Tùng Lầy	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 52"	106° 33' 56"					F-48-58-A-a
thôn Bản Cống 1	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 22"	106° 31' 20"					F-48-58-A-a
thôn Bản Cống 2	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 34"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
thôn Bản Dạ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 36"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
núi Bò Phi	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 33' 18"					F-48-58-A-c
sông Bò Xuất	TV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan			21° 49' 26"	106° 31' 41"	21° 51' 20"	106° 31' 39"	F-48-58-A-c
bản Cốc Lòi	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 33' 07"					F-48-58-A-c
thôn Cướm Dưới	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 32' 56"					F-48-58-A-c
thôn Cướm Trên	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 16"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
núi Kéo Nòn	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 28"	106° 32' 34"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Khê	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Lũng Khoang	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 32' 18"					F-48-58-A-c
khu Muồng	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 33' 01"					F-48-58-A-c
thôn Nà Bảnh	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 10"	106° 31' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Đa	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 13"	106° 32' 53"					F-48-58-A-c
núi Nậm Tấu	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 51"	106° 32' 39"					F-48-58-A-c
núi Pha Lầy Vẻ	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
quốc lộ 279	KX	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 47' 28"	106° 32' 12"	21° 45' 06"	106° 32' 33"	F-48-58-A-c
thôn Bắc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 19"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
khu Cang	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
thôn Chợ Bãi	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 18"	106° 32' 17"					F-48-58-A-c
bản Cốc Mìn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 32' 08"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cốc Mỹ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 03"	106° 32' 10"					F-48-58-A-c
bản Hùng Phác	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 04"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Kéo Đầy	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 22"	106° 32' 19"					F-48-58-A-c
bản Khau Kít	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 08"	106° 30' 33"					F-48-58-A-c
bản Khôn Am	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 27"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Khôn Cạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 31' 47"					F-48-58-A-c
bản Khôn Chông	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 32' 13"					F-48-58-A-c
bản Khôn Chùa	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 26"	106° 31' 54"					F-48-58-A-c
bản Khôn Kéo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 11"	106° 30' 45"					F-48-58-A-c
bản Khôn Linh	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 23"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
bản Khôn Quặc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 57"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sắn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 30' 47"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sáo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 24"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sầy	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 18"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
bản Khum Khẩu	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 49"	106° 32' 31"					F-48-58-A-c
bản Khum Lũng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
đèo Lũng Cát	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 16"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Lũng Quán	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 30' 11"			21° 46' 37"	106° 31' 19"	F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan							F-48-58-A-c
bản Mông Luồng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 13"	106° 30' 14"					F-48-58-A-c
bản Nà Bon	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 16"	106° 33' 15"					F-48-58-A-c
bản Nà Khau	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 34"	106° 32' 33"					F-48-58-A-c
bản Nà Lẹng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 15"	106° 32' 52"					F-48-58-A-c
bản Nà Mèo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Nà Om	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
bản Nà Thăm	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 36"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Nà Thuồn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 38"	106° 32' 26"					F-48-58-A-c
bản Nhà Trung	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Pác Lũng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 31' 15"					F-48-58-A-c
bản Pắc Tạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 57"	106° 32' 32"					F-48-58-A-c
bản Phai Ca	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 51"	106° 32' 14"					F-48-58-A-c
bản Phai Mới	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 15"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
núi Phai Tàn	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 33' 24"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sa Bó	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 31' 48"					F-48-58-A-c
bản Sào Mạ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 32' 51"					F-48-58-A-c
thôn Tây A	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 31' 59"					F-48-58-A-c
bản Thiên Tăng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 31' 30"					F-48-58-A-c
núi Xa Khế	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 32"	106° 29' 28"					F-48-57-B-d

allanfor

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Ngọc